

Số/No.: 58 /2026/CBTT-VBSE07  
V/v Công bố thông tin Báo cáo thường niên 2025  
của Công ty  
Ref: Information disclosure of 2025 Annual  
Report of the Company

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026  
Hanoi, March 27, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE PORTAL**

**Kính gửi/To :** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Stock Exchange  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Stock Exchange  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

- Tên công ty:** Công ty Cổ phần chứng khoán Vietinbank  
*The Company name:* Vietinbank Securities Joint Stock Company
- Mã chứng khoán:** CTS  
*Stock symbol:* CTS
- Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, TP Hà Nội.  
*Head office address:* Floor 1<sup>st</sup> to 4<sup>th</sup>, Building N02-T2 Diplomatic Corps Area, Xuan Dinh Ward, Ha Noi.
- Điện thoại/Telephone:** 024.39741771
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by:**  
Họ và tên/Name: **Trần Thị Ngọc Tài/Tran Thi Ngoc Tai**  
Chức vụ/ Position: Phó Tổng giám đốc/Deputy General Director  
Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, TP Hà Nội  
*Address:* Floor 1<sup>st</sup> to 4<sup>th</sup> Floor, Building N02-T2 Diplomatic Corps Area, Xuan Dinh Ward, Ha Noi.  
Điện thoại di động/Mobile: 0904182830

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
*Information disclosure type:*  24hours  On demand  Irregular  Periodic

- Nội dung của thông tin công bố/Content of information disclosure:**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (VBSE) công bố thông tin Báo cáo thường niên 2025 của Công ty.



*Handwritten signature*

VietinBank Securities Joint Stock Company (VBSE) announces the 2025 Annual Report of the Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2026 tại website: <https://www.vbse.vn/co-dong/vbse-cbtt-bao-cao-thuong-nien-2025-vbse-disclosure-of-annual-report-in-2025/>

This information was posted on the Company's website on March 27, 2026 at this link: <https://www.vbse.vn/co-dong/vbse-cbtt-bao-cao-thuong-nien-2025-vbse-disclosure-of-annual-report-in-2025/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the above information is true and correct and we bear full responsibility to the law.

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/As above
- Nơi nhận/Archives: Phòng TCHC, TVTCDN/ HR& Administration Department, Corporate Finance Advisory Department

**Tài liệu đính kèm/Attached documents**

- Báo cáo thường niên 2025/ 2025 Annual Report

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ  
THÔNG TIN  
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE  
INFORMATION  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



**Trần Thị Ngọc Tài/ Tran Thi Ngoc Tai**



VỮNG BỀN GIÁ TRỊ  
SOI SÁNG THÀNH CÔNG

**VBSE**<sup>✓</sup>  
VIETINBANK SECURITIES



2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
VBSE

2025

VỮNG BỀN  
GIÁ TRỊ  
SOI SÁNG  
THÀNH CÔNG

# Mục lục

GIỚI THIỆU VBSE 05  
SLOGAN 05  
TẦM NHÌN 06  
SỨ MỆNH 06  
GIÁ TRỊ CỐT LÕI 06  
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 07  
THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 09

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 13  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 17  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 19  
Định hướng phát triển 21  
Các rủi ro 23

# 01

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

27 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
29 Tổ chức và nhân sự  
31 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án  
31 Tình hình tài chính  
33 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
35 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

# 02

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 43  
Tình hình tài chính 53  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 55  
Kế hoạch phát triển trong tương lai 55  
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán 56  
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 57

# 03

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội 61  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty 64  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 65

# 04

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

69 Hội đồng quản trị  
75 Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán  
79 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán

# 05

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến Kiểm toán 87  
Báo cáo tài chính được kiểm toán 87

# 06

## Giới thiệu



Công ty Cổ phần **Chứng khoán VietinBank** (VBSE; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. VBSE đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện.

Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp

SLOGAN

# Tạo lập THÀNH CÔNG

## Tầm nhìn

Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư

## Sứ mệnh

Tạo lập cơ hội thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam

## Giá trị cốt lõi

Suy nghĩ tích cực – Thái độ tích cực  
– Hành động tích cực



**VBSE cam kết mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến lựa chọn những nhân tố tốt nhất nhằm mang lại sự thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.**



# Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi  
Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu tác động đa chiều từ chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, các xung đột địa chính trị leo thang và sự đổi mới phương thức vận hành dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam đã cho thấy khả năng thích ứng và định hướng phát triển dài hạn. Những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong năm qua tiếp tục củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo, với GDP tăng trưởng tích cực trên 8%, quy mô nền kinh tế mở rộng vượt mốc 510 tỷ USD và hoạt động thương mại duy trì đà tăng trưởng, qua đó tạo động lực để thị trường tài chính Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững, khẳng định sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trên thị trường chứng khoán, năm 2025 ghi nhận bước chuyển mình mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam với những dấu ấn quan trọng mang tính lịch sử. Việc FTSE Russell chính thức công bố nâng hạng Việt Nam lên nhóm Thị trường Mới nổi, cùng với hệ thống công nghệ KRX đi vào vận hành và sự cải thiện chất lượng thể chế đã góp phần hoàn thiện hạ tầng, nâng cao năng lực vận hành cũng như tính minh bạch của thị trường. Trải qua quá trình phục hồi ấn tượng kể từ cú sốc thuế đối ứng vào tháng 04/2025, kết thúc năm 2025 VN-Index đã thiết lập đỉnh cao mới quanh vùng 1.800 điểm với tốc độ tăng trưởng kỷ lục trong vòng 08 năm trở lại và thuộc top cao nhất trong khu vực cũng như toàn thế giới (hơn 40%), song song với đó là sự bùng nổ về thanh khoản và sự bứt phá về quy mô vốn hoá – những thành tựu đạt được này cũng chính là minh chứng rõ nét cho niềm tin nội tại, sức hấp dẫn của thị trường cũng như khẳng định vai trò kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế.

## Bản lĩnh vững vàng - Thành quả vượt bậc

Hòa cùng dòng chảy vận hội của đất nước và những mốc son rực rỡ của thị trường chứng khoán năm 2025, trên cơ sở kế thừa sức mạnh từ hệ sinh thái Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và bản lĩnh vững vàng với bề dày thành tựu sau 25 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã chủ động thích ứng trước những biến động của thị trường, biến thách thức thành động lực bứt phá để đạt được những thành quả vượt bậc.

Năm 2025, Lợi nhuận trước thuế của VBSE thiết lập đỉnh cao mới trong lịch sử Công ty khi đạt mốc 714,65 tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2024 và gấp 1,5 lần mức lợi nhuận cao nhất trước đó vào năm 2021, hoàn thành 240% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó, Lợi nhuận đã thực hiện đạt hơn 768,6 tỷ đồng cũng là mức cao nhất sau 25 năm hoạt động. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn ROE năm 2025 đứng vị trí số 1 trong các Công ty chứng khoán thuộc Ngân hàng có vốn Nhà nước và Top 2 các Công ty chứng khoán niêm yết trên toàn thị trường, cùng với đó trên cơ sở Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 43% - cao nhất từ trước đến nay.

Song hành với những kết quả tài chính tích cực, năm 2025 cũng ghi nhận dấu ấn nổi bật của VBSE với sự kiện golive hệ thống Web Trading và App VBSE iTrade thế hệ mới - bước tiến quan trọng trong mục tiêu tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số của Công ty. Bên cạnh đó, việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank - VBSE đã giúp Công ty tái định vị thương hiệu với định hướng đổi mới tư duy và mục tiêu xây dựng hình ảnh theo chuẩn mực quốc tế, năng động và chuyên nghiệp.

Thành tựu của VBSE trong năm 2025 cũng được ghi nhận thông qua Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Tập thể đã có những thành tích, đóng góp đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025; Danh hiệu Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025 do Ngân hàng VietinBank trao tặng và Giải thưởng Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) do Vietnam Report phối hợp báo VietnamNet công bố.

Những kết quả đạt được nêu trên phản ánh sự kiên định và năng lực quản trị, điều hành hiệu quả của Ban Lãnh đạo trong việc tối ưu hóa nguồn lực và thực hiện hai chiến lược trọng điểm là Tái định vị thương hiệu và Chuyển đổi số, hướng đến mục tiêu gia tăng giá trị và niềm tin đối với các Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng, đồng thời củng cố vị thế của VBSE trong nhóm các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

“

VBSE bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với tinh thần thận trọng nhưng không thụ động, kiên định chuyển đổi và củng cố nền tảng vận hành.

## Vững bền giá trị - Soi sáng thành công

Dù chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó và nâng cao năng lực quản trị rủi ro, VBSE nhận thức rõ rằng bối cảnh địa chính trị toàn cầu đang tạo ra các tác động mạnh mẽ đến thị trường tài chính - chứng khoán quốc tế và trong nước, ảnh hưởng trực tiếp tới tâm lý nhà đầu tư, dòng vốn và thanh khoản thị trường. Trước những bất định đó, VBSE bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với tinh thần thận trọng nhưng không thụ động, kiên định chuyển đổi và củng cố nền tảng vận hành, bởi chỉ có thích ứng linh hoạt và đổi mới liên tục mới giúp Công ty vượt qua biến động thị trường và tận dụng cơ hội trong thách thức.

Kế thừa các giá trị cốt lõi được hun đúc trong 25 năm hình thành và phát triển, trọng tâm ưu tiên của VBSE là đảm bảo tăng trưởng bền vững gắn với kiểm soát rủi ro hiệu quả, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đồng thời khai thác dữ liệu công nghệ và các giải pháp số nhằm thấu hiểu sâu nhu cầu để đem đến cho khách hàng những dịch vụ và trải nghiệm tối ưu. Với kinh nghiệm đồng hành cùng thị trường qua nhiều giai đoạn thăng trầm và phát triển, cùng nền tảng tài chính vững chắc và bản lĩnh, năng lực của đội ngũ cán bộ, VBSE cam kết phát huy lợi thế cạnh tranh, vững vàng giữ vai trò là điểm tựa tin cậy cho nhà đầu tư và kiên định theo đuổi mục tiêu phát triển an toàn, bền vững trong dài hạn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới các Cơ quan quản lý, Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Đối tác, Khách hàng đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng VBSE. Sự hợp tác chặt chẽ của Quý vị là nền tảng quan trọng để VBSE thực hiện những thay đổi mạnh mẽ và vững chắc cho một chu kỳ tăng trưởng mới.

Trân trọng!



Bí thư Đảng ủy  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Trần Phúc Vinh**



# Thông điệp của Tổng Giám đốc

Kính gửi

Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng,

Năm 2025 là một năm nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu khi rủi ro địa chính trị tiếp tục gia tăng, xung đột khu vực kéo dài và cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn chưa hạ nhiệt. Chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ tạo thêm áp lực lên thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu. Giá vàng liên tục lập đỉnh trong bối cảnh dòng tiền tìm đến tài sản an toàn, trong khi đồng USD biến động mạnh khiến nhiều thị trường mới nổi chịu áp lực tỷ giá và dịch chuyển dòng vốn. Dù vậy, vĩ mô trong nước vẫn duy trì ổn định với mức tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao của khu vực, thế giới và kiểm soát lạm phát ở mức 3,31% nhờ các giải pháp linh hoạt và quyết liệt của Chính phủ trong việc điều hành chính sách.

Trong bối cảnh đó, thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam được đánh dấu là một trong những giai đoạn sôi động nhất trong hành trình 25 năm hình thành và phát triển của thị trường khi đóng cửa tại 1.784,49 điểm, tăng 40,86% với thanh khoản cải thiện rõ rệt nhờ sự tham gia chủ động của dòng tiền trong nước. Tuy nhiên, làn sóng bán rông của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường vẫn tiếp tục đạt kỷ lục với giá trị 125.261 tỷ đồng trong năm 2025 (tăng ~39% so với năm 2024), chủ yếu do USD mạnh lên và chênh lệch lãi suất VND-USD duy trì ở mức cao.

Năm 2025, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi để gia tăng giá trị cho cổ đông, tạo ra thu nhập ổn định và nâng cao phúc lợi cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn chủ động quản trị rủi ro, tối ưu danh mục và tận dụng cơ hội từ các thị trường, trở thành điểm đến an toàn và đáng tin cậy cho đối tác, khách hàng. Thêm vào đó, VBSE cũng đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình tái cấu trúc nền tảng công nghệ và mô hình dịch vụ khi ra mắt VBSE iTrade – nền tảng đầu tư thế hệ mới. Với những giải pháp quyết liệt đã triển khai, Công ty đã ghi nhận những kết quả nổi bật năm 2025 như doanh thu thuần đạt 2.096 tỷ đồng, tăng 103,04% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 715 tỷ đồng, tăng 148,67%; EPS tiếp tục cải thiện, phản ánh hiệu quả hoạt động, năng lực kiểm soát chi phí và khai thác cơ hội từ thị trường trong điều kiện biến động.

“

**Mọi chuyển đổi đều hướng đến việc gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường.**

Bước vào năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng hạng lên nhóm thị trường mới nổi. Sự kiện này không chỉ mang ý nghĩa khẳng định vị thế trên bản đồ tài chính toàn cầu, mà còn tạo ra những chuyển biến rõ nét về dòng vốn đầu tư và nền tảng vận hành của toàn thị trường. Bên cạnh đó, chính phủ cũng đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đồng thời điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng hấp thụ của nền kinh tế và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, đặc biệt tại các dự án hạ tầng trọng điểm. Đây sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp phát triển và gia tăng chiều sâu cho thị trường vốn. Với những chuyển biến thuận lợi của môi trường vĩ mô và quỹ đạo tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán, Công ty đã chủ động xác định giai đoạn 2026 - 2028 là thời điểm VBSE chuyển mình mạnh mẽ, củng cố vị thế trong hệ sinh thái VietinBank và mở ra quỹ đạo tăng trưởng mới, phấn đấu vươn lên Top 15 về thị phần và thuộc nhóm dẫn đầu về chất lượng dịch vụ và công nghệ số, phát triển VBSE thành định chế chứng khoán – tài chính hiện đại, vận hành dựa trên chuyển đổi số và tự động hóa.

VBSE định hướng phát triển theo ba trụ cột chiến lược gồm: tăng cường năng lực công nghệ số và ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp dịch vụ; đẩy mạnh dịch vụ quản lý tài sản và ngân hàng đầu tư nhằm đa dạng hóa nguồn thu; đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo chuẩn mực chuyên nghiệp và dài hạn.

Bước vào giai đoạn chiến lược mới, VBSE sẽ tiếp tục phát triển vững vàng trên nền tảng số đã được tái cấu trúc toàn diện với tinh thần **“Vững bền giá trị – Soi sáng thành công”**.

Mọi chuyển đổi đều hướng đến việc gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường

Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng tài chính vững chắc, chiến lược rõ ràng và đội ngũ nhân sự chất lượng cao, VBSE đã sẵn sàng bước vào một chương phát triển mới – quyết liệt hơn, chủ động hơn và đầy khát vọng.

Thay mặt toàn thể đội ngũ nhân viên Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng đã tin tưởng và hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua và mong Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng tiếp tục đồng hành với Công ty trong chặng đường sắp tới.

Trân trọng!



Tổng Giám đốc  
**Vũ Đức Mạnh**



01

## Thông tin chung

13	Thông tin khái quát
17	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
19	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
21	Định hướng phát triển
23	Các rủi ro

# Thông tin Khái quát

Tên giao dịch

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (VBSE)

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:**  
0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 25/12/2025.

**Giấy phép thành lập và hoạt động số:** 107/UBCK-GP ngày 01/07/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các giấy phép điều chỉnh số 103/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2025; số 50/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2025; số 64/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2025; số 133/GPĐC-UBCK ngày 10/12/2025

Vốn điều lệ

**2.126.934.380.000 VNĐ**

Vốn chủ sở hữu

• Theo BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

**2.134.349.460.553 VNĐ**

Mã cổ phiếu

**CTS**

Sàn niêm yết

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



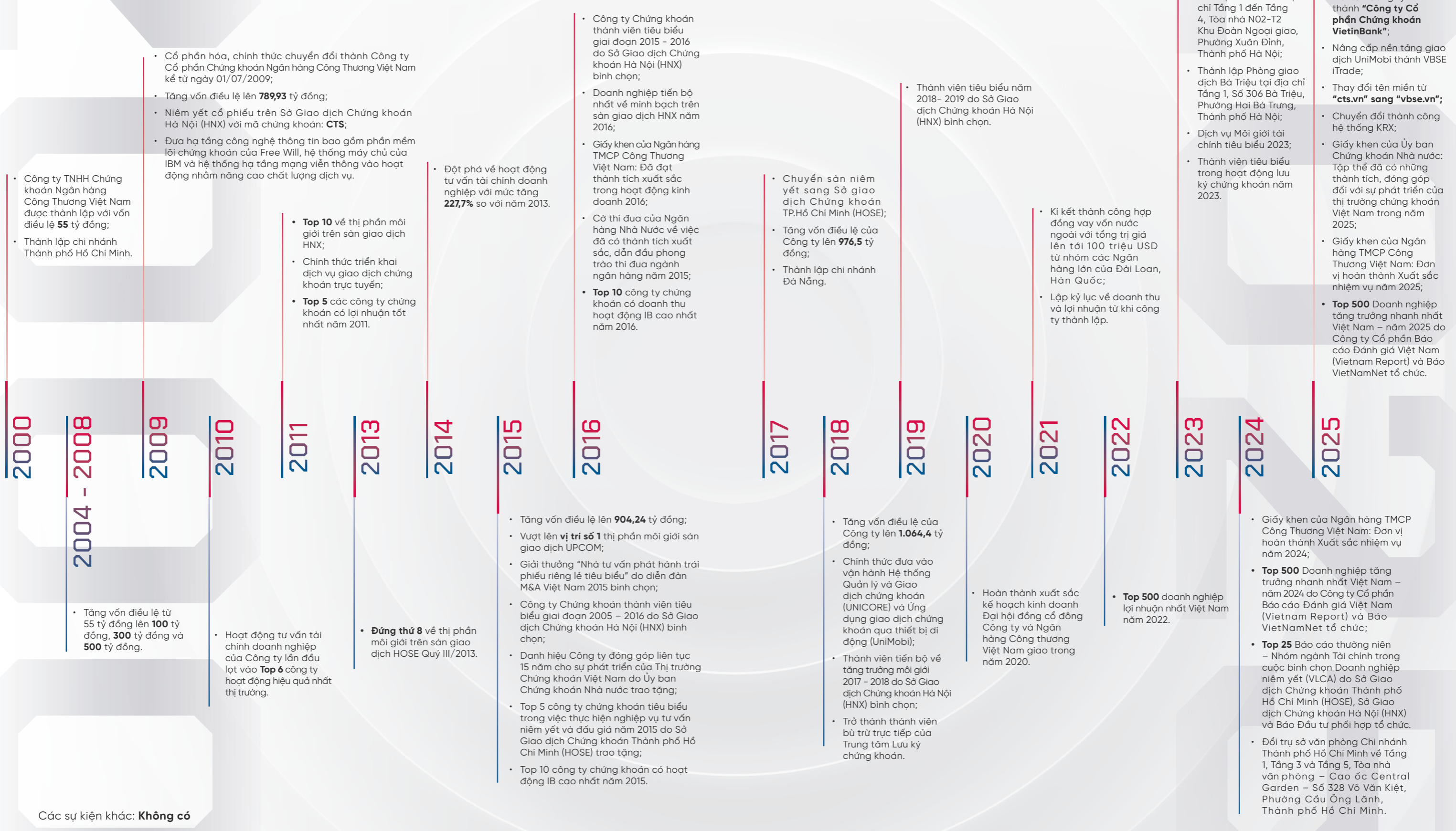
Địa chỉ

Tầng 1-4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đỉnh, Thành phố Hà Nội.

(024).3974 1771 (024).3974 1760

www.vbse.vn

# Quá trình hình thành và phát triển



• Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam được thành lập với vốn điều lệ **55** tỷ đồng;

• Thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

• Cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam kể từ ngày 01/07/2009;

• Tăng vốn điều lệ lên **789,93** tỷ đồng;

• Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: **CTS**;

• Đưa hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần mềm lõi chứng khoán của Free Will, hệ thống máy chủ của IBM và hệ thống hạ tầng mạng viễn thông vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

• **Top 10** về thị phần môi giới trên sàn giao dịch HNX;

• Chính thức triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến;

• **Top 5** các công ty chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất năm 2011.

• Đột phá về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với mức tăng **227,7%** so với năm 2013.

• Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 - 2016 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) bình chọn;

• Doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch trên sàn giao dịch HNX năm 2016;

• Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2016;

• Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà Nước về việc đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2015;

• **Top 10** công ty chứng khoán có doanh thu hoạt động IB cao nhất năm 2016.

• Chuyển sàn niêm yết sang Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE);

• Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **976,5** tỷ đồng;

• Thành lập chi nhánh Đà Nẵng.

• Thành viên tiêu biểu năm 2018- 2019 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) bình chọn.

• Kí kết thành công hợp đồng vay vốn nước ngoài với tổng trị giá lên tới 100 triệu USD từ nhóm các Ngân hàng lớn của Đài Loan, Hàn Quốc;

• Lập kỷ lục về doanh thu và lợi nhuận từ khi công ty thành lập.

• Đối Tru sở chính về địa chỉ Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội;

• Thành lập Phòng giao dịch Bà Triệu tại địa chỉ Tầng 1, Số 306 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

• Dịch vụ Môi giới tài chính tiêu biểu 2023;

• Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2023.

• Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **2.126,9** tỷ đồng;

• Thương hiệu VietinBank Securities đổi thành **VBSE**, logo và nhận diện thương hiệu mới;

• Đổi tên Công ty thành "**Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank**";

• Nâng cấp nền tảng giao dịch UniMobi thành VBSE iTrade;

• Thay đổi tên miền từ "**cts.vn**" sang "**vbse.vn**";

• Chuyển đổi thành công hệ thống KRX;

• Giấy khen của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Tập thể đã có những thành tích, đóng góp đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025;

• Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đơn vị hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2025;

• **Top 500** Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - năm 2025 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet tổ chức.

**2000**

**2004 - 2008**

**2009**

**2010**

• Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên **100** tỷ đồng, **300** tỷ đồng và **500** tỷ đồng.

• Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty lần đầu lọt vào **Top 6** công ty hoạt động hiệu quả nhất thị trường.

• **Đứng thứ 8** về thị phần môi giới trên sàn giao dịch HOSE Quý III/2013.

Các sự kiện khác: **Không có**

• Tăng vốn điều lệ lên **904,24** tỷ đồng;

• Vượt lên **vị trí số 1** thị phần môi giới sàn giao dịch UPCOM;

• Giải thưởng "Nhà tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ tiêu biểu" do diễn đàn M&A Việt Nam 2015 bình chọn;

• Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 - 2016 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) bình chọn;

• Danh hiệu Công ty đồng góp liên tục 15 năm cho sự phát triển của Thị trường Chứng khoán Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trao tặng;

• Top 5 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trao tặng;

• Top 10 công ty chứng khoán có hoạt động IB cao nhất năm 2015.

• Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **1.064,4** tỷ đồng;

• Chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý và Giao dịch chứng khoán (UNICORE) và Ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (UniMobi);

• Thành viên tiến bộ về tăng trưởng môi giới 2017 - 2018 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) bình chọn;

• Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

• Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông Công ty và Ngân hàng Công thương Việt Nam giao trong năm 2020.

• **Top 500** doanh nghiệp lợi nhuận nhất Việt Nam năm 2022.

• Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đơn vị hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2024;

• **Top 500** Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - năm 2024 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet tổ chức;

• **Top 25** Báo cáo thường niên - Nhóm ngành Tài chính trong cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức.

• Đối trư sở văn phòng Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5, Tòa nhà văn phòng - Cao ốc Central Garden - Số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

# Ngành nghề Kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 25/12/2025, các mã ngành, nghề kinh doanh của VBSE như sau:

## Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành nghề  
**6612**  
Chính

### Tên ngành, nghề kinh doanh

Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán  
**Chi tiết:** Môi giới chứng khoán

Mã ngành nghề  
**6619**

### Tên ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu  
**Chi tiết:** Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

## Sản phẩm dịch vụ

### Dịch vụ chứng khoán

- Môi giới
- Tư vấn đầu tư
- Quản lý chứng khoán.

### Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
- Tư vấn phát hành chứng khoán và đại lý phát hành chứng khoán;
- Tư vấn niêm yết/Đăng ký giao dịch;
- Tư vấn cổ phần hóa/chuyển đổi doanh nghiệp;
- Tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và bán đấu giá cổ phần;
- Tư vấn quan hệ nhà đầu tư (IR);
- Tư vấn đầu tư và chiến lược tài chính;
- Tư vấn khác.

### Bảo lãnh phát hành

### Dịch vụ hỗ trợ tài chính

# Địa bàn Kinh doanh

## Phòng giao dịch Bà Triệu

Phòng giao dịch Bà Triệu: Tầng 1, số 306 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

## Trụ sở chính

Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

## Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5, Tòa nhà văn phòng Cao ốc Central Garden – số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## Chi nhánh Đà Nẵng

Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toàn, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

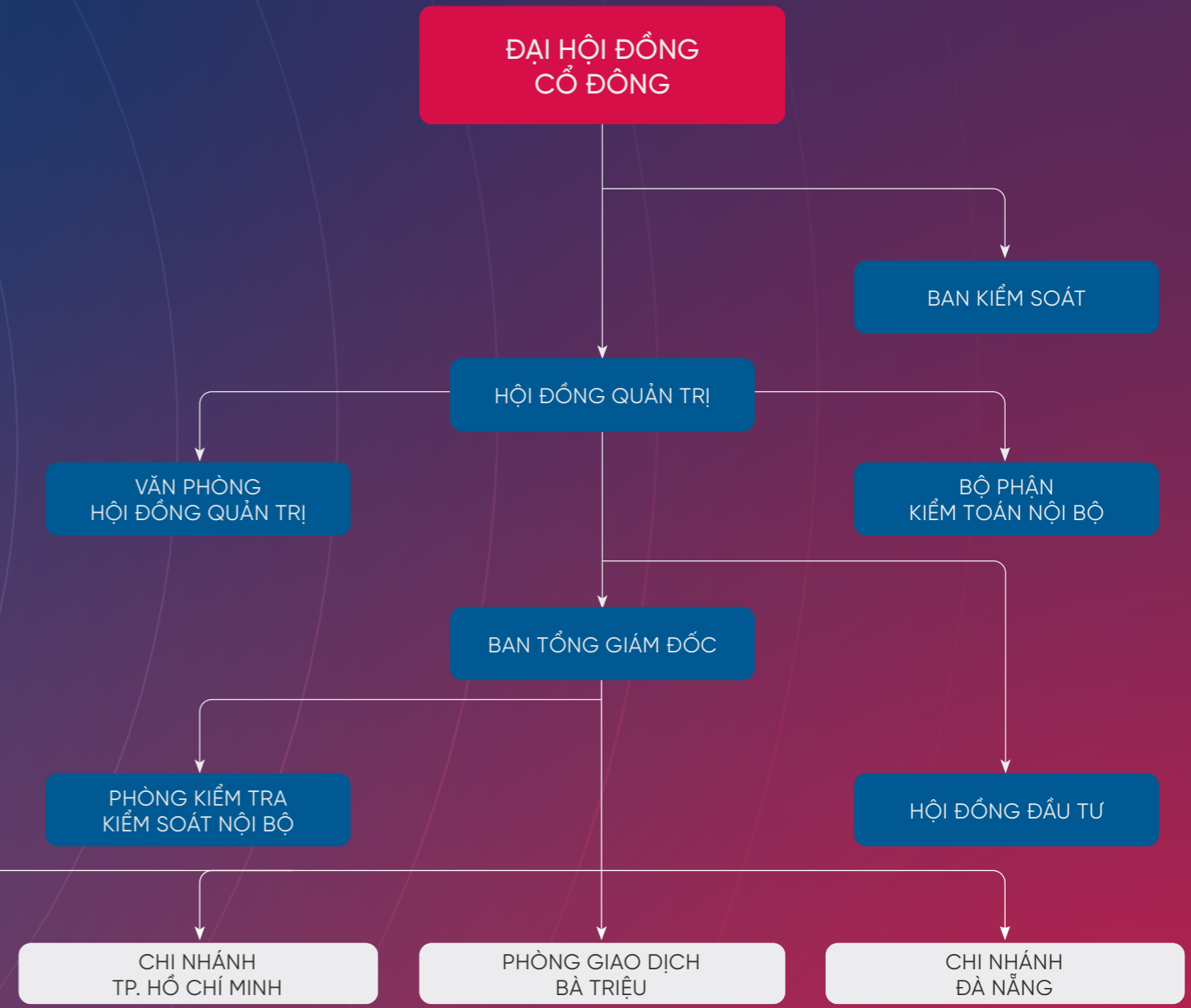


# Mô hình Quản trị

Công ty được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu bao gồm:



# Cơ cấu bộ máy Quản lý



Các công ty con, công ty liên kết: **Không có.**

# Định hướng phát triển

Trong giai đoạn sắp tới, trên nền tảng hệ thống giao dịch trực tuyến và ứng dụng di động (VBSE iTrade) đã được nâng cấp và chinh thức đưa vào vận hành, VBSE tiếp tục xác định công nghệ là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển. Công ty ưu tiên hoàn thiện toàn diện các chức năng, tối ưu hiệu năng và bảo đảm tính ổn định, an toàn của hệ thống nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm giao dịch. Thông qua việc cải tiến liên tục về giao diện, tốc độ xử lý và các tiện ích hỗ trợ, VBSE hướng tới giá tăng mức độ hài lòng của khách hàng, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho việc mở rộng quy mô hoạt động trong thời gian tới.

Về tầm nhìn phát triển dài hạn, VBSE tập trung xây dựng nền tảng hoạt động vững chắc và linh hoạt, lấy hiệu quả kinh doanh, quản trị rủi ro và trải nghiệm khách hàng làm các trụ cột xuyên suốt. Công ty từng bước củng cố năng lực tài chính, tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh và đa dạng hóa nhu cầu đầu tư. Đồng thời, VBSE tiếp tục mở rộng hợp tác với các định chế tài chính uy tín, phát huy tối đa lợi thế từ hệ sinh thái VietinBank để phát triển các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao, phù hợp với xu hướng thị trường và các chuẩn mực quản trị hiện đại. Trên cơ sở đó, Công ty hướng tới việc nâng cao uy tín thương hiệu, củng cố vị thế cạnh tranh và hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, dài hạn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



# Các rủi ro



Năm 2025, công tác quản trị rủi ro tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp Công ty hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quản trị rủi ro được vận hành dựa trên hệ thống các quy chế, quy trình nội bộ bằng văn bản. Hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung xác định, nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, kiểm soát và xử lý rủi ro. Trong năm 2025, các hoạt động kinh doanh của VBSE bị ảnh hưởng bởi các rủi ro sau:

## Rủi ro thị trường

01

Các hoạt động kinh doanh chính của VBSE bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường gồm: hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, cho vay giao dịch ký quỹ... Doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về giá cổ phiếu, lãi suất... Sự biến động của thị trường chứng khoán, thay đổi chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của chính phủ Việt Nam hoặc của các nước lớn, biến động về địa chính trị, dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, chiến tranh... khiến giá cổ phiếu, lãi suất... biến động ngoài dự kiến của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro thị trường đối với các hoạt động kinh doanh, các phòng liên quan phối hợp chặt chẽ với Phòng Quản lý Rủi ro, Phòng Nghiên cứu Phân tích và Phát triển Sản phẩm, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường để đưa ra chiến lược đầu tư, phân tán rủi ro, đến việc xây dựng các hạn mức đầu tư, cho vay để cảnh báo, xử lý các rủi ro phát sinh.

## Rủi ro hoạt động

02

Rủi ro hoạt động được VBSE đặc biệt chú trọng, các nghiệp vụ của công ty đều được thực hiện dựa trên nguyên tắc hai tay bốn mắt (một người không được làm tất cả các bước của một công việc, luôn có kiểm soát) để hạn chế tối đa sai sót. Bên cạnh đó công ty liên tục rà soát, cập nhật, chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nội bộ để vá lỗ hổng, bổ sung các chốt kiểm soát để giảm thiểu rủi ro, sai sót phát sinh.

## Rủi ro thanh toán

03

Các hoạt động kinh doanh chính của VBSE bị ảnh hưởng bởi rủi ro thanh toán gồm: hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư trái phiếu... Rủi ro thanh toán được giảm thiểu thông qua việc lựa chọn đầu tư, cho vay các khoản có tài sản bảo đảm tốt, yêu cầu đối tác duy trì tỷ lệ tài sản bảo đảm hợp lý và thực hiện đúng các cam kết. Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ Công ty giảm thiểu rủi ro thông qua một số biện pháp sau:

- Xây dựng bộ chỉ số chấm điểm các cổ phiếu giao dịch ký quỹ dựa trên các chỉ số tài chính, thanh khoản... để lựa chọn ra danh mục cổ phiếu cho vay phù hợp;
- Kiểm soát mức độ tập trung dư nợ theo từng khách hàng, từng mã chứng khoán và theo ngành để tránh rủi ro hệ thống;
- Thiết lập các ngưỡng cảnh báo và thực hiện call margin, force sell đúng quy định;
- Đánh giá tình hình tài chính, cập nhật thông tin và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp... để nhận diện sớm rủi ro.

## Rủi ro thanh khoản

04

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi VBSE mất khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua giao dịch ký quỹ chứng khoán của nhà đầu tư, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua của tài khoản tự doanh, hoặc không đáp ứng được các nghĩa vụ thanh toán khác.

Công ty Chứng khoán VietinBank giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc theo dõi dòng tiền hàng ngày để so sánh dòng tiền vào - ra phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, phân tích, đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn từ đó có kế hoạch huy động và sử dụng vốn phù hợp. Ngoài ra, để kiểm soát rủi ro thanh khoản Công ty luôn duy trì một lượng tiền mặt nhất định để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán phát sinh, bên cạnh đó Công ty tập trung vào đầu tư, nắm giữ các tài sản có thanh khoản cao.

## Rủi ro danh tiếng

05

Bộ phận Truyền thông Thương hiệu của công ty thường xuyên đánh giá toàn diện các thông tin liên quan đến VBSE trên các phương tiện truyền thông, bao gồm báo chí, trang tin điện tử và mạng xã hội. Cụ thể, VBSE liên tục rà soát, cập nhật, phân tích và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời khi xuất hiện thông tin sai lệch. Đồng thời, Công ty cũng chủ động cung cấp các thông tin chính xác, minh bạch về hoạt động kinh doanh giúp củng cố niềm tin từ nhà đầu tư cũng như đối tác.

## Rủi ro pháp lý

06

Bộ phận Pháp chế của Công ty thường xuyên chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VBSE; rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VBSE, các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, để giảm thiểu các rủi ro pháp lý bộ phận Pháp chế của Công ty cũng thường xuyên cập nhật các quy định mới tới toàn thể cán bộ trong công ty nắm được.

# 02

## Tình hình hoạt động trong năm

27	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
29	Tổ chức và nhân sự
31	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
31	Tình hình tài chính
33	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
35	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam đánh dấu là một trong những giai đoạn sôi động nhất trong hành trình 25 năm hình thành và phát triển của thị trường. Động lực tăng trưởng của TTCK đến từ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, sự phục hồi của nhiều doanh nghiệp niêm yết và các giải pháp quyết liệt từ Chính phủ nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Bên cạnh đó, thị trường cũng trải qua nhiều giai đoạn biến động đáng chú ý, phản ánh sự tương tác phức tạp giữa các chính sách kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường toàn cầu.

### Áp lực tỷ giá gia tăng và dòng vốn ngoại rút ròng kỷ lục

Năm 2025, chính sách tiền tệ nới lỏng trong nước trong khi lãi suất USD duy trì cao khiến áp lực tỷ giá USD/VND gia tăng, trở thành yếu tố tâm lý tiêu cực lớn đối với nhà đầu tư, đặc biệt là khối ngoại. Tỷ giá tăng hơn 3,2% so với đầu năm, kéo theo làn sóng bán ròng kỷ lục của nhà đầu tư nước ngoài với giá trị 125.261 tỷ đồng trong năm 2025 (tăng ~39% so với năm 2024), chủ yếu do USD mạnh lên và chênh lệch lãi suất VND-USD duy trì ở mức cao, làm giảm sức hấp dẫn VND đối với nhà đầu tư nước ngoài, buộc NHNN phải ưu tiên sử dụng các biện pháp can thiệp "mềm" như bán ngoại tệ có kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ (FX swap), thay vì bán giao ngay quy mô lớn như trước đây, để ổn định tỷ giá.



### Tác động từ chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ

Đầu tháng 4/2025, Mỹ công bố chính sách thuế quan đối ứng, trong đó Việt Nam chịu mức thuế ~46% đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu đã khiến VN-Index giảm sâu với thanh khoản cao do bán tháo - mức giảm khoảng 18,5% trước khi thị trường tạo đáy, phản ánh sự lo ngại mạnh về tác động của rủi ro thương mại quốc tế lên nền kinh tế và triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết giảm do suy giảm khả năng cạnh tranh của các ngành có tỷ trọng lớn xuất khẩu sang Mỹ như dệt may, da giày, đồ gỗ, thủy sản. Sau đàm phán, Việt Nam và Mỹ đã thống nhất mức thuế đối ứng dành cho Việt Nam giảm từ 46% xuống còn 20% đối với phần lớn hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, và 40% áp dụng cho hàng hóa "trung chuyển".

### Biến động giá vàng trong nước

Năm 2025, giá vàng trong nước ghi nhận một chu kỳ tăng mạnh và biến động cao xuyên suốt cả năm, cho thấy rõ vai trò của vàng như kênh trú ẩn tài sản trong bối cảnh bất ổn vĩ mô gia tăng. Giá vàng miếng SJC tăng 68,6 triệu đồng/lượng (khoảng 81,5%), từ mức 84,2 triệu đồng/lượng trong ngày 1/1/2025. Ngân hàng Nhà nước đã khẩn trương nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 232/2025 ngày 26/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, xóa bỏ cơ chế độc quyền nhà nước về sản xuất vàng miếng một cách có kiểm soát trên nguyên tắc. Ngày 10/11/2025, Ngân hàng Nhà nước đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo về việc nghiên cứu, đề xuất thành lập Sở/Sàn giao dịch vàng tại Việt Nam.

### Ban hành các Nghị quyết, Nghị định liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của các doanh nghiệp

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân nhấn mạnh xóa bỏ định kiến, bảo vệ doanh nhân, và thúc đẩy chuyển đổi số. Chính phủ ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung với thay đổi quan trọng về các yêu cầu như xếp hạng tín dụng, siết chặt kỷ luật tài chính của doanh nghiệp phát hành, như áp đặt giới hạn tỷ lệ đòn bẩy tài chính, cải thiện về mặt thủ tục hành chính. TTCK Việt Nam năm 2025 chứng kiến sự sôi động khi hàng loạt doanh nghiệp lớn khởi động kế hoạch IPO và niêm yết do quy trình IPO được rút ngắn thời gian đưa cổ phiếu lên sàn sau IPO còn 30 ngày, thay vì 90 ngày như trước đây. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các Nghị định và Thông tư cho thấy quyết tâm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và đảm bảo sự phát triển bền vững của TTCK tại Việt Nam.

### Nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp

Ngày 8/10/2025 (theo giờ Hà Nội), FTSE Russell công bố TTCK Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí chính thức và được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Kết quả nâng hạng đã ghi nhận những nỗ lực cải cách toàn diện cả pháp lý và hạ tầng công nghệ của toàn ngành Chứng khoán. TTCK Việt Nam được nâng hạng mở ra cánh cửa đón dòng vốn quốc tế quy mô lớn, thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế; nâng vị thế quốc gia và thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao; tạo động lực mới cho hội nhập tài chính khu vực và thế giới.

### Thị điểm thị trường tài sản mã hóa

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thị điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, với thời gian thí điểm là 5 năm. Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 3552/QĐ-BTC về việc thành lập Ban Quản lý thị trường giao dịch tài sản mã hóa. Đây được coi là bước ngoặt quan trọng, vừa mở ra cơ hội phát triển một lĩnh vực tài chính mới mẻ, vừa đặt ra bài toán về quản lý rủi ro.

VBSE kỳ vọng với những cải cách chính sách quan trọng trong năm 2025 và nâng hạng TTCK sẽ tái định giá thị trường, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam trong năm 2026.

### Bảng: Kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025 so với 2024
<b>Tổng tài sản</b>	8.457.053	8.698.122	12.410.699	42,68%
<b>Doanh thu thuần</b>	1.144.231	1.032.247	2.095.842	103,04%
<b>Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</b>	100.344	105.190	180.787	71,87%
<b>Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn</b>	768.236	576.083	1.430.195	148,26%
+ Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	533.828	391.768	1.170.380	198,74%
+ Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	162.033	119.525	179.953	50,56%
+ Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	72.375	64.880	79.862	23,09%
<b>Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán</b>	2.322	1.120	3.203	185,98%
<b>Doanh thu hoạt động tư vấn</b>	5.534	8.865	21.604	143,70%
<b>Doanh thu lưu ký chứng khoán</b>	13.946	12.989	12.794	-1,50%
<b>Lãi từ các khoản cho vay và phải thu</b>	253.382	319.638	434.203	35,84%
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	468	8.271	12.765	54,33%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	229.984	285.114	714.179	150,49%
<b>Lợi nhuận khác</b>	888	2.277	474	-79,18%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	230.872	287.392	714.653	148,67%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	187.401	231.087	577.372	149,85%
<b>Thị phần môi giới</b>	0,76%	0,76%	0,80%	5,26%
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)</b>	9,20%	10,77%	20,22%	87,74%

Kết thúc năm 2025, doanh thu thuần của Công ty đạt 2.095.842 triệu đồng, tăng 103,04% so với năm 2024. Các mảng kinh doanh của VBSE đều ghi nhận mức tăng trưởng khả quan nhờ vào diễn biến tích cực của TTCK Việt Nam năm 2025.

### Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Với diễn biến tích cực của TTCK, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô thế giới còn nhiều thách thức và biến động khó lường, Công ty đã luôn chủ động theo dõi, đánh giá sát tình hình và kịp thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo điều hành phù hợp, qua đó hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kết thúc năm 2025, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 577.372 triệu đồng, tăng 149,85% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 của Công ty đạt 714.653 triệu đồng, tăng 148,67% so với năm 2024, đạt 240,3% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

# Tổ chức và nhân sự



## Danh sách Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty tại thời điểm 31/12/2025  
gồm các thành viên:

**Ông Vũ Đức Mạnh**  
Thành viên Hội đồng quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

**Ông Phạm Ngọc Hiệp**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Tuấn Anh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Ông Đặng Anh Hòa**  
Phó Tổng Giám đốc

**Bà Trần Thị Ngọc Tài**  
Phó Tổng Giám đốc

**Bà Nguyễn Thị Anh Thư**  
Kế toán trưởng

**Sinh năm:** 1981  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:** 0% (không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Sinh năm:** 1978  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:** 0%  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

**Sinh năm:** 1983  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:** 0%  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Sinh năm:** 1984  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:** 0% (không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính

**Sinh năm:** 1982  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:** 0%  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Sinh năm:** 1979  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:** 0%  
**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

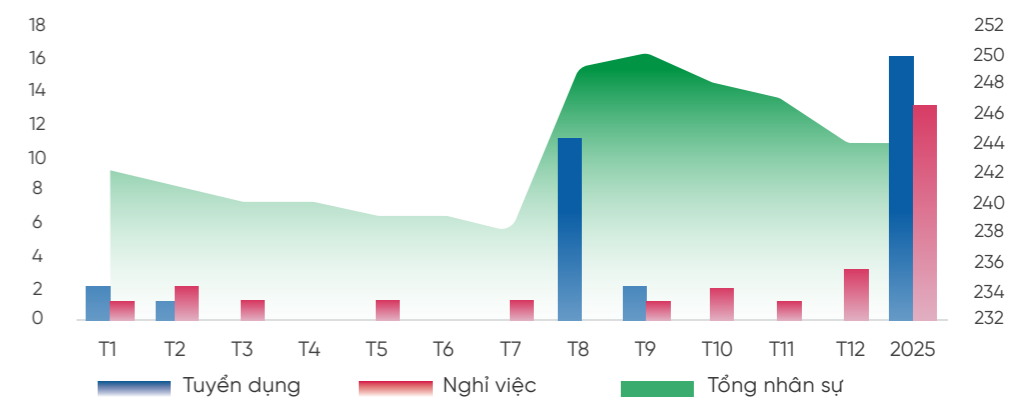
## Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Năm 2025, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank duy trì ổn định quy mô nhân sự trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn. Tổng số nhân sự đầu năm là 241 người và kết thúc năm ở mức 244 người, tăng 03 nhân sự so với đầu năm. Trong năm, Công ty tuyển dụng mới 16 nhân sự, trong đó 13 nhân sự thuộc bộ phận kinh doanh, tập trung chủ yếu trong tháng 8, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động và kế hoạch kinh doanh giai đoạn cuối năm.

Cùng kỳ, Công ty ghi nhận 13 nhân sự nghỉ việc, phát sinh rải rác trong năm và không gây biến động lớn đến tổng quy mô lao động. Nhờ đợt tuyển dụng tập trung trong quý III/2025, tổng số nhân sự đạt mức cao nhất 250 người vào tháng 9/2025, sau đó giảm nhẹ trong các tháng cuối năm. Nhìn chung, năm 2025 Công ty đã kiểm soát tốt biến động nhân sự, duy trì lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu hoạt động và định hướng kinh doanh.

## Tình hình biến động nhân sự năm 2025

Tổng số nhân sự năm 2025  
**244**  
Người



## Cụ thể bảng số liệu

Nội dung	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Năm 2025
Tuyển dụng	2	1	0	0	0	0	0	11	2	0	0	0	16
Nghỉ việc	1	2	1	0	1	0	1	0	1	2	1	3	13
Tổng nhân sự	242	241	240	240	239	239	238	249	250	248	247	244	244

## Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### Các khoản đầu tư lớn

Năm 2025, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã thực hiện giải ngân các khoản đầu tư cổ phiếu lớn như: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB), CTCP Chứng khoán VIX (VIX), CTCP Bất động sản Taseco (TAL), CTCP điện lực Gelex (GEE),... Một phần lợi nhuận các khoản đầu tư này đã được hiện thực hóa trong năm 2025 và mang lại hiệu quả tốt. Lợi nhuận từ mảng đầu tư cổ phiếu năm 2025 đạt 459,19 tỷ đồng (bao gồm lợi nhuận thực hiện, cổ tức và lợi nhuận chưa thực hiện) tương đương mức tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư: 38,3%.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, năm 2025, Công ty Chứng khoán VietinBank đã thực hiện đầu tư mới với tổng giá trị đầu tư theo mệnh giá là 628 tỷ đồng, bao gồm: 180 tỷ đồng trái phiếu CTCP Tập đoàn Trường Hải, 140 tỷ đồng trái phiếu CTCP Chương Dương, 120 tỷ đồng trái phiếu CTCP Tập đoàn Đầu tư Tây Bắc và 188 tỷ đồng trái phiếu CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa.

### Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

## Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	8.698.121.752.031	12.410.698.820.601	42,68%
2	Doanh thu thuần	1.032.246.753.412	2.095.841.946.317	103,04%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285.114.140.997	714.178.778.107	150,49%
4	Lợi nhuận khác	2.277.383.781	474.073.828	-79,18%
5	Lợi nhuận trước thuế	287.391.524.778	714.652.851.935	148,67%
6	Lợi nhuận sau thuế	231.086.774.298	577.371.584.960	149,85%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	43%(*)	-

(Đơn vị: đồng)

(\*) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty. Tỷ lệ phát hành 43%

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,34	1,29
Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,34	1,29
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)</b>			
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần	0,74	0,77
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,86	3,35
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,12	0,20
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,22	0,28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	Lần	0,11	0,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	Lần	0,03	0,05
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	27,62	34,08



# Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Cổ phần

<b>Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025</b>	<b>2.126.934.380.000 Đồng</b>
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2025	212.693.438 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2025	212.693.438 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2025	0 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng tại ngày 31/12/2025	212.693.438 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng tại ngày 31/12/2025	0 cổ phiếu

## Cơ cấu cổ đông

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài  
tối đa tại Công ty **49%**

Cơ cấu cổ đông:

	Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>160.873.331</b>	<b>75,636%</b>
-	Trong nước	160.873.331	75,636%
	Trong đó: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	160.873.331	75,636%
-	Nước ngoài	-	-
<b>2</b>	<b>Cổ đông Nhà nước (*)</b>	<b>160.873.331</b>	<b>75,636%</b>
<b>3</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>51.820.107</b>	<b>24,364%</b>
3.1	Trong nước	50.675.862	23,826%
-	Cổ đông tổ chức	932.693	0,439%
-	Cổ đông cá nhân	49.743.169	23,387%
3.2	Nước ngoài	1.144.245	0,538%
-	Cổ đông tổ chức	1.017.800	0,479%
-	Cổ đông cá nhân	126.445	0,059%
<b>4</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/11/2025 do VSDC cấp)

(\*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vừa là Cổ đông nhà nước vừa là Cổ đông lớn của Công ty.



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024

theo nội dung tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua. Vốn điều lệ sau phát hành là **2.126.934.380.000 đồng**.

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng (Tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Năm 2009	789,934		Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần	UBCKNN
Năm 2015	837,3	47,366	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2016	904,24	66,94	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2017	976,5	72,26	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2018	1.064,4	87,9	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
	1.149,5	85,1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2022	1.487,3	337,8	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN
Năm 2025	2.126,9	639,55	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ (toàn bộ cổ phiếu Công ty đều là cổ phiếu phổ thông).

## Các chứng khoán khác

Không có

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## KHÔNG CÓ

Tác động lên môi trường

## KHÔNG CÓ

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

## KHÔNG CÓ

Tiêu thụ năng lượng

### Tiêu thụ nguồn nước

#### Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Do hoạt động kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp không liên quan đến lĩnh vực sản xuất, lượng tiêu thụ nước của Công ty chủ yếu phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng. Tổng kinh phí tiêu thụ nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh được đơn vị cho thuê văn phòng tính toán và thanh toán hàng theo thực tế sử dụng.

Toàn bộ Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty luôn đảm bảo tuân thủ việc tiết kiệm nguồn tài nguyên như điện, nước, giấy văn phòng trong hoạt động và công việc tại Công ty, đồng thời có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường **Không có**

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường **Không có**

## Chính sách liên quan đến người lao động

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp. Có thể nói năm 2025 là một năm nhiều biến động, khó khăn của nền kinh tế nói chung và các Công ty chứng khoán nói riêng. Với sự lãnh đạo sáng suốt của Lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên, Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt, thu nhập bình quân năm 2025 đối với cán bộ nhân viên Công ty đạt: 44,670 triệu đồng/tháng tăng 27,7% so với năm 2024; đối với cán bộ quản lý tiền lương bình quân của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát cũng tăng 27,7% so với năm 2024. Ngoài ra các chính sách về khen thưởng, các chương trình phúc lợi cũng được Công ty thực hiện đầy đủ đối với người lao động, tạo động lực to lớn về tinh thần cũng như vật chất để gắn kết tinh thần đoàn kết, tạo động lực làm việc nâng cao vị thế của Công ty, cạnh tranh về thu nhập trên thị trường chứng khoán.



### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe. Đánh giá tầm quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực cả về thể chất, bên cạnh đảm bảo tuân thủ đầy đủ các chính sách của nhà nước về BHYT theo quy định của Luật lao động, từ 10 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho Cán bộ nhân viên và người thân hợp tác cùng Công ty Bảo hiểm VietinBank. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ được áp dụng cho tất cả Cán bộ nhân viên tại các cơ sở khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.

### Hoạt động đào tạo người lao động

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025, Công ty đã xây dựng và triển khai đào tạo theo 04 nhóm chính, bao gồm:

- Đào tạo nhân viên mới
- Đào tạo nội bộ
- Đào tạo bên ngoài
- Đào tạo bên ngoài ngoài kế hoạch

Cụ thể:

#### Đào tạo nhân viên mới:

**Đào tạo hội nhập:** Công ty đã hoàn thành đào tạo hội nhập cho 16 cán bộ mới tuyển dụng trong năm 2025. Hoạt động đào tạo hội nhập được triển khai giúp các bộ mới nắm bắt được các nội dung tổng quan về Công ty, sản phẩm mà Công ty đang cung cấp cũng như giải đáp các thắc mắc của cán bộ mới về chế độ, chính sách, quy định... của Công ty.

**Đào tạo phát triển năng lực nền tảng:** 16 cán bộ mới được đào tạo 04 kỹ năng nền tảng thông qua hệ thống đào tạo E-Learning của Trường ĐT&PTNNL VietinBank như (i) Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, (ii) Kỹ năng làm việc nhóm (iii) Kỹ năng thuyết trình, (iv) Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian.

**Đánh giá:** Hoạt động đào tạo nhân viên mới góp phần chuẩn hóa chương trình đầu vào, giúp nhân sự mới nắm bắt hệ thống quy trình, quy định, văn hóa doanh nghiệp và chuẩn mực tác nghiệp ngay từ giai đoạn đầu; qua đó rút ngắn thời gian thích nghi và giảm thiểu sai sót nghiệp vụ trong thời gian thử việc.

#### Đào tạo nội bộ

Năm 2025 Công ty hoàn thành triển khai 36 khóa đào tạo nội bộ. Các đơn vị nghiệp vụ đã chủ động triển khai đào tạo nội bộ bám sát nội dung đào tạo theo kế hoạch đào tạo của Công ty, hoạt động đào tạo nội bộ giúp Công ty phát huy hiệu quả nguồn lực giảng viên nội bộ là các cán bộ có chuyên môn vững và am hiểu sâu quy trình nghiệp vụ qua đó chuẩn hóa cách thức triển khai và đồng bộ thực hành nghiệp vụ giữa Trụ sở chính và các Chi nhánh góp phần tối ưu chi phí đào tạo so với phương án thuê ngoài.

### Đào tạo bên ngoài

Năm 2025 Công ty hoàn thành triển khai 19 khóa đào tạo bên ngoài. Hoạt động đào tạo bên ngoài năm 2025 được triển khai theo định hướng nâng cao nghiệp vụ chuyên sâu và bổ trợ cho đào tạo nội bộ tập trung vào các lĩnh vực đòi hỏi kiến thức cập nhật và kinh nghiệm thực tiễn cao như phân tích đầu tư, công nghệ, quản trị nhân sự và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Các khóa đào tạo bên ngoài mà Công ty đã triển khai chủ yếu thuộc các mảng phân tích tài chính - đầu tư - vĩ mô, AI, Công nghệ thông tin chuyên sâu và Quản trị nhân sự chuyên nghiệp... Các khóa đào tạo đã triển khai đáp ứng đúng đối tượng, đúng nhu cầu chuyên môn, mang lại hiệu quả thiết thực cho các đơn vị như TD&BLPH, Công nghệ thông tin, Tổ chức và Hành chính, Kế toán Tài chính... qua đó góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, phân tích và hiệu quả ra quyết định của Công ty.



### Đào tạo ngoài kế hoạch

Năm 2025 Công ty hoàn thành triển khai 05 khóa đào tạo bên ngoài ngoài kế hoạch bao gồm:

- Chiến lược trí tuệ nhân tạo dành cho lãnh đạo doanh nghiệp (AIS)
- Ứng dụng AI trong công việc
- Lãnh đạo đích thực
- Kỹ năng dành cho CVCC (Dare to Lead)
- Quản trị Công ty

**Đánh giá:** Đào tạo bên ngoài ngoài kế hoạch năm 2025 được triển khai kịp thời, bám sát nhu cầu phát sinh và xu hướng mới, qua đó bổ trợ hiệu quả cho chương trình đào tạo theo kế hoạch. Các khóa tập trung vào nhóm năng lực ưu tiên (AI, năng lực lãnh đạo và quản trị công ty), với đối tượng tham gia phù hợp (lãnh đạo, cán bộ quản lý và toàn Công ty), góp phần nâng cao tư duy chuyển đổi, khả năng ứng dụng công cụ mới và chuẩn hóa năng lực quản trị.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, thông qua hoạt động của Ban chấp hành Đoàn thanh niên, Công ty đã tổ chức và tham gia chuỗi các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội, cụ thể:



✓ Công ty tích cực triển khai hoạt động hiến máu nhân đạo thông qua hai hình thức: trực tiếp phối hợp với Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tổ chức các đợt hiến máu tại đơn vị, đồng thời hưởng ứng tham gia chương trình “VietinBank - Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống” do Đoàn Thanh niên VietinBank phát động trong năm 2025. Chương trình thu hút sự tham gia đông đảo của cán bộ nhân viên Công ty, tạo nên một ngày hội ý nghĩa, lan tỏa tinh thần nhân ái và sẻ chia. Mỗi giọt máu trao đi không chỉ giúp cứu sống những bệnh nhân kém may mắn mà còn thể hiện trách nhiệm cộng đồng của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank. Một hành động nhỏ nhưng mang lại giá trị lớn, tiếp thêm hy vọng và sự sống cho những người đang cần giúp đỡ. Thông qua hoạt động nêu trên, Công ty đã đóng góp hàng trăm đơn vị máu vào quỹ dự trữ quốc gia, kịp thời phục vụ công tác cấp cứu và điều trị bệnh nhân, khẳng định vai trò xung kích của tuổi trẻ Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank trong các hoạt động an sinh xã hội.

✓ Ngày 01/3/2025, tại xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đồng hành cùng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành phố Hà Nội tổ chức chương

trình “Tháng Ba biên giới” - một hành trình ý nghĩa hướng về vùng đất địa đầu Tổ quốc. Chương trình quy tụ 50 đại biểu trẻ đến từ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành phố Hà Nội, các cơ sở Đoàn - Hội, các y bác sĩ thuộc Hội Thầy thuốc trẻ Hà Nội cùng các nghệ sĩ trẻ, thành viên các Hội, CLB trực thuộc và các đơn vị tài trợ. Tại chương trình, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã trao tặng công trình xoá nhà tạm cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn tỉnh Hà Giang, góp phần mang lại cuộc sống ổn định hơn cho bà con vùng biên.

✓ Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã đồng hành cùng Ngân hàng VietinBank tổ chức Lễ Khởi công công trình “VietinBank đồng hành cùng em”



Xây dựng công trình trường bán trú tại tỉnh Bắc Kạn (nay thuộc tỉnh Thái Nguyên)

tại Trường PTDT Bán trú THCS Văn Vũ (huyện Na Ri, tỉnh Bắc Kạn) ngày 25/06/2025. Đây là một hoạt động ý nghĩa nằm trong chuỗi chương trình kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, thể hiện cam kết đồng hành cùng cộng đồng và lan tỏa những giá trị nhân văn thông qua các hoạt động an sinh xã hội.

✓ Công ty cũng đã nhiều năm liền tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện do Bệnh viện Châm cứu Trung ương tổ chức. Đặc biệt, trong hai năm 2023 và 2024 liên tiếp, Công ty đã đồng hành với vai trò đơn vị tài trợ của chương trình “Hội Chợ Xuân 0 Đồng” - một sự kiện ý nghĩa nhằm mang đến những suất quà miễn phí, lan tỏa niềm vui và sự sẻ chia đến các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại bệnh viện. Công ty vinh dự được trao tặng bằng chứng nhận những đóng góp tích cực trong việc hỗ trợ bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn và đồng hành cùng bệnh viện lan tỏa những giá trị nhân ái tới cộng đồng tại “Lễ kỷ niệm Ngày Công tác Xã hội Việt Nam 25/3 - Tri ân các nhà hảo tâm” do Phòng Công tác Xã hội Bệnh viện Châm cứu Trung ương tổ chức ngày 25/03/2025.

✓ Đoàn Thanh niên Công ty cũng đã đồng hành cùng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam triển khai chương trình “Nồi cháo tình thương” tại Bệnh viện Nhi Trung ương, cung cấp các suất cháo dinh dưỡng cho bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn, duy trì thường xuyên các ngày trong năm (trừ dịp lễ, Tết). Thông qua đó góp phần chăm lo sức khỏe, hỗ trợ dinh dưỡng cho bệnh nhân; lan tỏa tinh thần nhân ái, trách nhiệm cộng đồng và tăng cường sự gắn kết, đoàn kết trong cán bộ, đoàn viên, người lao động.

✓ Trong tháng 12/2025, Công ty cũng đã thực hiện ủng hộ 100.000.000 đồng cho nhân dân Thành phố Đà Nẵng bị ảnh hưởng do bão lũ gây ra (thông qua Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam - Thành phố Đà Nẵng).



Chương trình “Tháng Ba biên giới” 2025



Trao tặng 100 triệu đồng tới Quỹ Hỗ trợ Nhân dân Thành phố Đà Nẵng

## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.



# 03

## Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

- 43 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 53 Tình hình tài chính
- 55 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 55 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 56 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán
- 57 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2025, VBSE ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.096 tỷ đồng, tăng 103% so với năm 2024. Trong đó, lãi từ hoạt động tự doanh tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu với tỷ lệ 55,8%; tương ứng với giá trị đạt khoảng 1.170 tỷ đồng. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán cũng ghi nhận giá trị khoảng 434 tỷ đồng, tăng trưởng 35,8% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động môi giới cũng ghi nhận tín hiệu tích cực khi ghi nhận doanh thu khoảng 181 tỷ đồng, tăng trưởng 71,9% so với cùng kỳ. Các kết quả trên diễn ra trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2025 có diễn biến thuận lợi hơn các giai đoạn trước đó khi chỉ số VN-Index đã có sự tăng trưởng ngoạn mục lên mốc 18xx điểm.

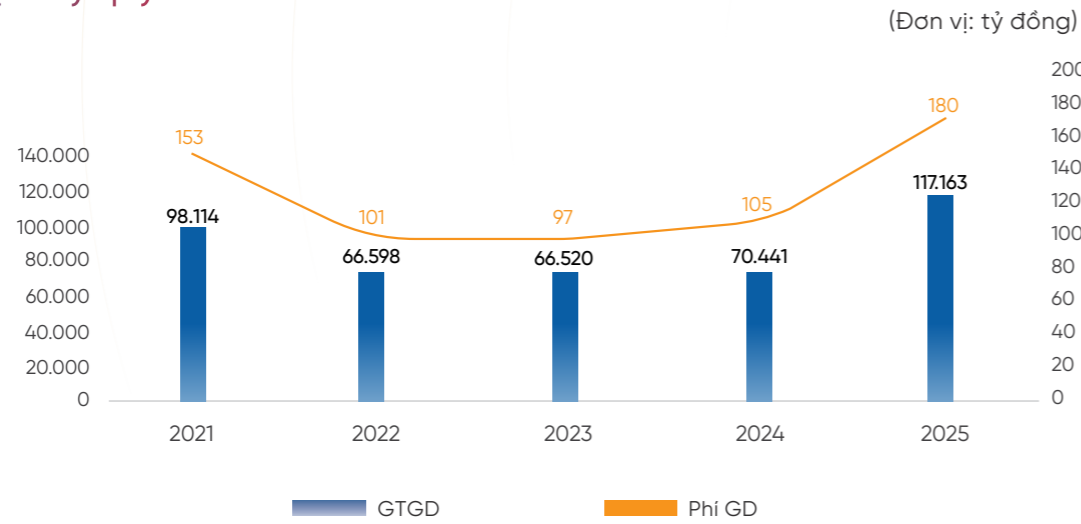
Nhờ quản lý hiệu quả các chi phí từ hoạt động kinh doanh, VBSE đạt:



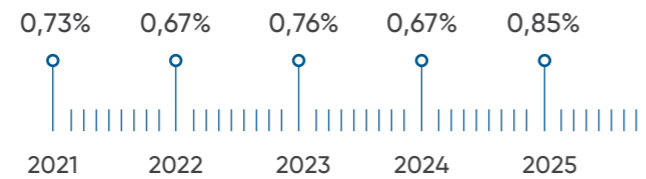
tương ứng ~ 240% kế hoạch lợi nhuận của cả năm.

### Hoạt động môi giới chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ

#### Doanh thu Phí



#### Thị phần giao dịch

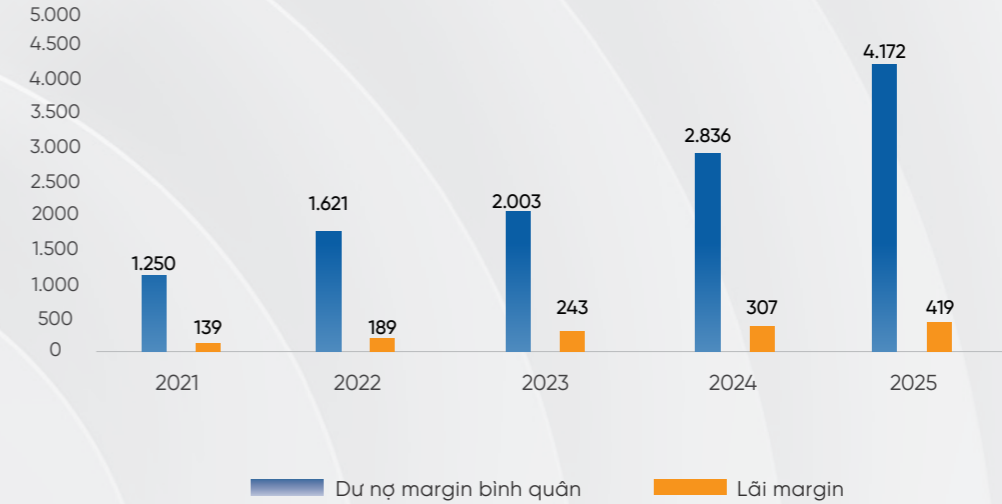


Năm 2025, Công ty đã nỗ lực và tích cực đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán. Giá trị giao dịch toàn Công ty đạt 117.163 tỷ đồng, doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới toàn Công ty đạt 180 tỷ đồng, tăng lần lượt 66% và 71% so với năm 2024.

Thị phần giao dịch của Công ty tính chung cả năm 2025 tăng trưởng khá tốt và đạt mức cao nhất từ trước đến nay với mức 0,67% (năm 2024) lên 0,85%, tương ứng tỷ lệ tăng 27% so với năm 2024.

### Dư nợ margin, lãi margin

(Đơn vị: tỷ đồng)



Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (Margin) tiếp tục được chú trọng và đẩy mạnh. Trong năm 2025, Công ty mở rộng quy mô hoạt động cho vay margin thông qua việc duy trì và đẩy mạnh dư nợ khách hàng vay ký quỹ của nhóm khách hàng hiện tại đồng thời tìm kiếm và phát triển khách hàng mới, đặc biệt là nhóm khách hàng vay ký quỹ với dư nợ lớn, có nhiều tài sản đảm bảo.

Dư nợ Margin trong năm 2025 đã có bước nhảy vọt so với năm 2024. Lãi Margin Công ty thu được năm 2025 là 419 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2024. Dư nợ Margin bình quân năm 2025 toàn Công ty ghi nhận 4.172 tỷ đồng, tăng 47% so với năm trước. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, dư nợ Margin của Công ty vượt mức 4.000 tỷ đồng. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đáp ứng về giới hạn Dư nợ Margin không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo Thông tư hướng dẫn Giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### Công tác phát triển khách hàng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025
1	Số lượng mở mới TKGD thông thường	3.492	2.496	5.227	10.680
2	Số lượng mở mới TKGD Margin	712	795	517	1.472
3	TK Active	14.776	12.245	13.343	14.235

Năm 2025, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới của Công ty ghi nhận 10.680 tài khoản, tăng 2,04 lần so với năm 2024.

Cùng với đó, số lượng tiểu khoản Margin tăng vọt từ 517 tiểu khoản (năm 2024) lên 1.472 tiểu khoản (năm 2025) tương ứng với tỷ lệ tăng 2,8 lần.

## Chiến lược đã thực hiện

Trong năm 2025, Khối Môi giới và Tư vấn Đầu tư tiếp tục bám sát chiến lược trung hạn đã đề ra là đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, với ưu tiên hàng đầu là mục tiêu tăng trưởng Doanh thu và Thị phần.



### Khách hàng là trọng tâm và nâng cao trải nghiệm dịch vụ khách hàng

Khối Môi giới và Tư vấn Đầu tư xác định khách hàng là trung tâm trong xây dựng và triển khai hoạt động kinh doanh. Trong năm 2025, Khối đã chủ động bám sát với diễn biến thị trường, nghiên cứu sâu nhu cầu và hành vi khách hàng nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Song song đó, các chính sách và dịch vụ được vận dụng linh hoạt, kết hợp phát triển các sản phẩm “may đo” phù hợp với từng phân khúc khách hàng trọng điểm

### Triển khai các chương trình ưu đãi cho khách hàng

Tăng cường xây dựng, cập nhật các chương trình khuyến mại, chính sách phí, chính sách lãi suất ưu đãi; thiết kế các sản phẩm dịch vụ có tính xu hướng, linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng, từng khu vực khách hàng nhằm hút khách hàng giao dịch gia tăng thị phần. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai chương trình “Đầu tư dễ dàng - Sinh lời bền vững” - Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty, mở tài khoản chứng khoán số đẹp và tiếp tục triển khai các chương trình lãi suất margin hấp dẫn “Miễn lãi T+”, “Vay nhiều - Giảm lãi”, “Miễn phí giao dịch” cho khách hàng liên kết tài khoản thanh toán VietinBank iPay.

### Đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ thông qua việc duy trì và gia tăng dư nợ đối với các nhóm khách hàng hiện tại; tìm kiếm, sàng lọc và phát triển nhóm khách hàng Deal mới, đồng thời đẩy mạnh dư nợ cho vay giao dịch từ nhóm khách hàng Mass tại Công ty;

### Phát triển và mở rộng đội ngũ cộng tác viên

Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng chính sách phí Cộng tác viên linh hoạt, có tính cạnh tranh để thu hút và phát triển các cộng tác viên chất lượng, thiện chiến, có khả năng phát triển khách hàng lớn.

### Tiếp tục đào tạo nhân sự và nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng

Xác định hoạt động tư vấn đầu tư là một trụ cột cốt lõi trong mô hình môi giới, Phòng Môi giới & Tư vấn Đầu tư thường xuyên phối hợp với Phòng Nghiên cứu Phát triển & Phát triển Sản phẩm nhằm xây dựng các sản phẩm phân tích chuyên sâu, có tính ứng dụng cao. Việc triển khai các room tư vấn và hệ thống khuyến nghị đầu tư bám sát diễn biến thị trường đã mang lại hiệu quả tích cực, gia tăng mức độ gắn kết và sự tin tưởng của nhà đầu tư đối với VBSE.

Song song đó, nhằm mở rộng thị phần môi giới và nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo nội bộ, tập trung nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và năng lực chăm sóc khách hàng cho đội ngũ môi giới.

### Ra mắt hệ thống giao dịch thế hệ mới VBSE iTrade

Trong năm 2025, VBSE đã chính thức ra mắt nền tảng giao dịch thế hệ mới VBSE iTrade trên nền tảng giao dịch thế hệ mới VBSE iTrade trên nền tảng MobileTrading và WebTrading nhằm mang tới những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng; nâng cao chất lượng, gia tăng tần suất tư vấn, khuyến nghị, bản tin và các báo cáo phân tích nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư cho khách hàng.

### Khai thác tối đa hệ sinh thái Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Để phát triển khách hàng là khách hàng nội bộ và khách hàng của VietinBank; tăng cường gặp gỡ, hợp tác với Khối Bán lẻ và Chi nhánh VietinBank để đào tạo, truyền thông về sản phẩm dịch vụ của Công ty nhằm gia tăng tính hiệu quả bán chéo sản phẩm trong hệ sinh thái.

## Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Trong năm 2025, thị trường vốn Việt Nam dần ghi nhận tín hiệu ổn định hơn so với giai đoạn biến động trước đó, tuy nhiên mặt bằng lãi suất – thanh khoản – khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư vẫn duy trì trạng thái thận trọng, kéo theo yêu cầu cao hơn về minh bạch thông tin, năng lực tài chính của tổ chức phát hành và chuẩn hóa hồ sơ pháp lý trong các giao dịch huy động vốn. Bên cạnh đó, khung pháp lý đối với thị trường chứng khoán và trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục được hoàn thiện theo hướng siết kỷ luật thị trường, khiến tiến độ triển khai và ghi nhận doanh thu của nhiều thương vụ chịu tác động bởi quy trình thẩm định, phê duyệt và mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, VBSE vẫn duy trì vai trò là đơn vị tư vấn có năng lực triển khai đồng bộ, tập trung vào chất lượng dịch vụ và tuân thủ, đồng thời mở rộng tệp khách hàng theo hướng chọn lọc. Kết thúc năm 2025, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 21.604 triệu đồng, và doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành đạt 592,7 triệu đồng. Về số lượng hợp đồng, trong năm 2025 Công ty đã ký mới 68 hợp đồng và hoàn thành 33 hợp đồng tư vấn dịch vụ; trong đó có nhiều hợp đồng có giá trị cao, khẳng định được vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường. Cơ cấu hợp đồng ký mới tập trung vào các mảng dịch vụ trọng yếu gồm tư vấn trái phiếu 34 hợp đồng, tư vấn tái cấu trúc 4 hợp đồng và tư vấn truyền thống 28 hợp đồng. Các kết quả này phản ánh năng lực duy trì hoạt động ổn định và khả năng bắt nhịp kịp thời với xu hướng “chất lượng – chuẩn hóa – tuân thủ” của thị trường năm 2025.

### Đối với hoạt động tư vấn truyền thống

Trong điều kiện doanh nghiệp ưu tiên các phương án huy động vốn và tái cấu trúc theo hướng thận trọng, các dịch vụ tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán cổ phiếu ra công chúng, tư vấn chuyển nhượng vốn và các thủ tục liên quan tiếp tục được Công ty triển khai có trọng tâm. Năm 2025 ghi nhận nhu cầu gia tăng đối với các dịch vụ giúp doanh nghiệp chuẩn hóa quản trị, minh bạch tài chính và nâng mức độ sẵn sàng lên sàn/huy động vốn, qua đó hỗ trợ củng cố uy tín thương hiệu tư vấn của VBSE trên thị trường.

Song song, mảng tư vấn M&A được Ban Lãnh đạo chú trọng theo hướng “tư vấn chiến lược – cấu trúc giao dịch – thu xếp nguồn lực trong hệ sinh thái”, nhằm đón đầu các cơ hội tái cơ cấu và dịch chuyển sở hữu xuất hiện rõ hơn khi mặt bằng định giá và nhu cầu tối ưu vốn của doanh nghiệp trở nên cấp thiết. Năm 2025 ghi nhận nhu cầu rõ nét hơn ở nhóm doanh nghiệp cần rà soát lại mô hình tài chính – vận hành nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn và cải thiện các chỉ tiêu an toàn. Công ty đã triển khai dịch vụ tư vấn tái cấu trúc theo hướng thực chất, tập trung vào tối ưu cơ cấu vốn, xử lý các nút thắt tài chính, chuẩn hóa quản trị – báo cáo, và thiết kế lộ trình nâng cao sức khỏe doanh nghiệp để sẵn sàng cho các phương án huy động vốn trung – dài hạn. Việc ký mới 4 hợp đồng tái cấu trúc (trong đó có 2 hợp đồng tư vấn mua bán sáp nhập (M&A)) phản ánh xu hướng doanh nghiệp chủ động củng cố nền tảng trước khi quay lại các kênh vốn.

### Đối với mảng tư vấn trái phiếu và đại lý phát hành

Năm 2025, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vận động theo hướng phân hóa mạnh, tập trung vào nhóm doanh nghiệp có nền tảng tài chính tốt, tài sản bảo đảm/điều kiện phát hành rõ ràng và hệ thống công bố thông tin chặt chẽ. Hoạt động phát hành vì vậy không còn chạy theo quy mô, mà chuyển sang trọng tâm cấu trúc sản phẩm phù hợp, kiểm soát rủi ro pháp lý, tăng niềm tin nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ điều kiện phát hành. VBSE, với lợi thế về kinh nghiệm thị trường và khả năng phối hợp trong hệ sinh thái VietinBank, đã tập trung cung cấp giải pháp toàn diện cho doanh nghiệp phát hành từ tư vấn cấu trúc, chuẩn hóa hồ sơ, đến các dịch vụ giá trị gia tăng và triển khai đại lý phát hành theo đúng quy định, vì vậy, mảng tư vấn phát hành trái phiếu và đại lý phát hành đã tiếp tục đóng góp tích cực trong điều kiện thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn tuân thủ cao và nhịp phát hành chọn lọc hơn.

Mặc dù đạt kết quả tích cực, hoạt động tư vấn trong năm 2025 vẫn chịu ảnh hưởng bởi đặc thù thị trường: quy trình thẩm định/đánh giá rủi ro chặt chẽ hơn, tiến độ phê duyệt và mức độ sẵn sàng của khách hàng có thể kéo dài thời gian triển khai, qua đó tác động đến thời điểm ghi nhận doanh thu. Dù vậy, với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm triển khai và định hướng bám sát kỷ luật thị trường, VBSE tiếp tục ưu tiên chiến lược đa dạng hóa dịch vụ, tăng cường bán chéo trong hệ sinh thái VietinBank, mở rộng tệp khách hàng theo hướng chọn lọc và nâng chuẩn chất lượng dịch vụ. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty củng cố vị thế và tạo đà tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

## Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Năm 2025, hoạt động đầu tư cổ phiếu doanh nghiệp ghi nhận lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đạt 459,19 tỷ đồng tăng +17,2% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận đầu tư cổ phiếu đạt 38,3% đứng top đầu trong ngành trong năm 2025. Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đề cao hơn hoạt động quản trị rủi ro, cụ thể: Chủ động giảm quy mô đầu tư/vốn chủ sở hữu; tổng giá trị bán cổ phiếu trong năm đạt 1.564 tỷ đồng hiện thực hóa lợi nhuận 361,82 tỷ đồng; Chiến lược đầu tư của Công ty theo xu hướng thận trọng, tập trung nắm giữ cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt thuộc các ngành nghề kinh doanh thiết yếu hoặc có khả năng thích nghi khi có các biến động lớn của nền kinh tế như ngành Ngân hàng, Điện,....

Năm 2025, hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank tiếp tục duy trì mở rộng khi thực hiện đầu tư mới 628 tỷ đồng (tăng 39,6% so với năm 2024), giá trị thu nợ gốc năm 2025 đạt 560,41 tỷ đồng, tổng giá trị danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tại 31/12/2025 đạt 772,26 tỷ đồng (tăng 6,47% so với đầu năm). Thu nhập tiền lãi từ hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp năm 2025 là 84,31 tỷ đồng.

## Hoạt động kinh doanh vốn

Năm 2025, thị trường tài chính toàn cầu vận hành trong bối cảnh chịu tác động đồng thời từ nhiều sự kiện lớn và khó lường. Chính sách thuế gây tranh cãi tại Hoa Kỳ, chu kỳ cắt giảm lãi suất đồng loạt của các ngân hàng trung ương lớn sau giai đoạn thắt chặt kéo dài, cùng với các diễn biến địa chính trị phức tạp và dai dẳng từ Đông Âu đến Trung Đông đã làm gia tăng biến động trên các thị trường tài chính quốc tế. Trong môi trường đó, vai trò trú ẩn của các tài sản an toàn được củng cố rõ nét; giá vàng và bạc thiết lập các mức đỉnh lịch sử mới, trong khi đồng USD suy yếu đáng kể so với nhiều đồng tiền chủ chốt. Các điều kiện tài chính toàn cầu biến động mạnh, tác động lan tỏa đến thị trường ngoại hối và mặt bằng lãi suất tại nhiều nền kinh tế mới nổi, trong đó có Việt Nam.

Tại thị trường trong nước, áp lực tỷ giá gia tăng trong phần lớn thời gian của năm và chỉ thực sự dịu lại trong quý IV/2025, khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đẩy mạnh bán ngoại tệ can thiệp, đồng thời điều chỉnh tăng lãi suất trên kênh nghiệp vụ thị trường mở (OMO) nhằm ổn định thanh khoản hệ thống và định hướng kỳ vọng thị trường. Bên cạnh đó, nhu cầu tín dụng tăng cao trong các tháng cuối năm đã tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất, khiến chi phí vốn có xu hướng gia tăng so với giai đoạn đầu năm.

Trước bối cảnh đó, Phòng Kinh doanh vốn đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị nguồn vốn theo hướng thận trọng và linh hoạt. Đơn vị tích cực tìm kiếm, đa dạng hóa các nguồn vay với chi phí hợp lý và điều kiện ổn định thông qua đàm phán, mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng, tổ chức tín dụng và định chế tài chính trong và ngoài nước. Đồng thời, công tác quản lý dòng tiền và cân đối kỳ hạn được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo duy trì thanh khoản của Công ty tại mọi thời điểm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp quy đổi đạt 33.411 tỷ đồng, trong đó hạn mức tín chấp đạt 21.268 tỷ đồng, tương đương 63,7% tổng giá trị hạn mức được cấp. Quy mô và chất lượng hạn mức tín dụng tiếp tục được cải thiện, thể hiện uy tín và năng lực tài chính ngày càng được củng cố của Công ty đối với các đối tác tài chính.

## Vững vàng nền tảng thanh khoản

“Vững vàng nền tảng thanh khoản” tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm của Phòng Kinh doanh vốn trong năm 2025, đóng vai trò tiền đề quan trọng để Công ty duy trì ổn định hoạt động và tạo dư địa mở rộng các mảng kinh doanh trọng yếu trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Bên cạnh nhiệm vụ đảm bảo thanh khoản và cân đối nguồn vốn, Phòng Kinh doanh vốn không ngừng đổi mới tư duy, chủ động nghiên cứu và triển khai các cấu trúc kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty, góp phần khẳng định vị thế và vai trò là một thành viên quan trọng trong hệ sinh thái VietinBank. Trong năm 2025, Phòng tích cực tìm kiếm và chọn lọc các cơ hội đầu tư vào Hợp đồng tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng phát hành. Hoạt động đầu tư được thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, đảm bảo cân đối hài hòa giữa hiệu quả sinh lời và kiểm soát rủi ro, phù hợp với chiến lược quản trị tài sản – nguồn vốn của Công ty. Các khoản đầu tư và kinh doanh này đã mang lại lợi nhuận 64,58 tỷ đồng, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung. Song song đó, hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu Chính phủ tiếp tục được triển khai linh hoạt theo diễn biến thị trường, tối ưu hóa cơ hội chênh lệch giá mua – bán. Trong năm 2025, doanh thu từ hoạt động này đạt 12,152 tỷ đồng, qua đó gia tăng nguồn thu ổn định và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Ngoài hoạt động kinh doanh trực tiếp, Phòng Kinh doanh vốn còn phối hợp chặt chẽ với các phòng/ban trong Công ty và các Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để tổ chức đào tạo, trao đổi nghiệp vụ và thúc đẩy khai thác các sản phẩm thu nhập cố định. Hoạt động phối hợp này không chỉ góp phần tối ưu hóa dòng tiền và giải pháp đầu tư cho khách hàng, mà còn nâng cao hình ảnh và uy tín của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank trên thị trường tài chính Việt Nam.

## Công tác quản trị rủi ro

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì mô hình cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro theo ba tuyến bảo vệ độc lập và thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình quản lý rủi ro, bao gồm: nhận diện, đo lường, theo dõi, kiểm soát và xử lý, báo cáo rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và quyền lợi của khách hàng. Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường, chú trọng và luôn song hành cùng các hoạt động kinh doanh nhằm phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các cảnh báo rủi ro kịp thời, qua đó giúp VBSE chủ động phòng ngừa và hạn chế các tổn thất có thể xảy ra. Ban Lãnh đạo cùng các tuyến bảo vệ thường xuyên thực hiện việc đánh giá rủi ro trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, quản lý các khoản nợ đến hạn và quá hạn, rủi ro tác nghiệp, cũng như rủi ro đối với các sản phẩm mới, từ đó đưa ra các cảnh báo và biện pháp quản lý rủi ro phù hợp, hiệu quả.

## Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Trong năm 2025 Công ty tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm bổ sung, xây dựng và kiện toàn cơ cấu nhân sự cho hoạt động của các phòng/ban. Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá đúng năng lực, đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức lương năm 2025 đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân viên Công ty và cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.



## Công tác an sinh xã hội

# AN SINH XÃ HỘI THIỆN NGUYÊN

Trong năm 2025, song hành cùng định hướng phát triển kinh doanh bền vững, VBSE đặt trách nhiệm xã hội là một trụ cột quan trọng trong sứ mệnh của mình. Thông qua các chương trình an sinh xã hội được triển khai bài bản và xuyên suốt, VBSE mong muốn đóng góp thiết thực cho cộng đồng, lan tỏa tinh thần sẻ chia, nhân ái và gắn kết bền chặt giữa doanh nghiệp với xã hội.



Với sự đồng hành của Ban Lãnh đạo và sự tham gia tích cực của cán bộ nhân viên, các hoạt động an sinh xã hội trong năm được triển khai đa dạng, trải rộng trên nhiều lĩnh vực: hỗ trợ cộng đồng, giáo dục, y tế, tri ân lịch sử và bồi đắp các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

### Tháng 3/2025 | Chương trình “Tháng Ba biên giới” 2025

VBSE đồng hành cùng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành phố Hà Nội tổ chức chương trình “Tháng Ba biên giới” tại xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (nay là tỉnh Tuyên Quang). Trong khuôn khổ chương trình, VBSE đã trao tặng công trình xá nhà tạm cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn, góp phần mang lại cuộc sống ổn định hơn cho bà con vùng biên.

### Tháng 3/2025 | Hành trình về nguồn tại Nghệ An

VBSE tổ chức Hành trình về nguồn tại Nghệ An – mảnh đất giàu truyền thống lịch sử và cách mạng. VBSE đã tới thăm Khu di tích Kim Liên, Làng Hoàng Trù, Làng Sen, thực hiện Lễ báo công dâng Bác, dâng hương tại khu mộ bà Hoàng Thị Loan và đến thờ Quang Trung. Hành trình là dịp để cán bộ nhân viên ôn lại truyền thống, bồi đắp lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm, qua đó lan tỏa tinh thần học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần củng cố quyết tâm cống hiến và xây dựng VBSE phát triển bền vững.

### Tháng 3/2025 | Được Bệnh viện Châm cứu Trung Ương tri ân vì những đóng góp tích cực trong công tác xã hội

Tại Lễ Kỷ niệm Ngày Công tác Xã hội Việt Nam (25/3) do Bệnh viện Châm cứu Trung ương tổ chức, VBSE vinh dự được trao tặng chứng nhận đóng góp tích cực trong việc hỗ trợ bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn và đồng hành cùng bệnh viện lan tỏa những giá trị nhân ái tới cộng đồng. Đây là sự ghi nhận ý nghĩa, đồng thời là động lực để VBSE tiếp tục đồng hành cùng các hoạt động an sinh xã hội, lan tỏa các giá trị nhân ái và trách nhiệm với cộng đồng.

### Tháng 6/2025 | Tổ chức Ngày hội Hiến máu tình nguyện “Trao giọt máu hồng – Kết nối yêu thương”

VBSE tổ chức Ngày hội Hiến máu tình nguyện “Trao giọt máu hồng – Kết nối yêu thương”, thu hút sự tham gia hưởng ứng của đông đảo cán bộ nhân viên cùng đoàn viên, sinh viên trên địa bàn Hà Nội. Chương trình không chỉ góp phần bổ sung nguồn máu quý giá cho ngành Y tế, kịp thời hỗ trợ công tác chăm sóc và cứu chữa người bệnh, mà còn lan tỏa mạnh mẽ tinh thần nhân ái, sẻ chia và trách nhiệm của cộng đồng đối với sự sống con người. Hoạt động hiến máu tình nguyện đã và đang trở thành một nét đẹp văn hóa được VBSE duy trì thường xuyên, thể hiện cam kết lâu dài của Công ty trong việc đồng hành cùng xã hội, góp phần xây dựng những giá trị bền vững và nhân văn.

### Tháng 6/2025 | Xây dựng công trình trường bán trú tại tỉnh Bắc Kạn (nay thuộc tỉnh Thái Nguyên)

VBSE đồng hành cùng Ngân hàng VietinBank triển khai công trình “VietinBank đồng hành cùng em” tại Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (nay thuộc tỉnh Thái Nguyên). Công trình góp phần cải thiện điều kiện học tập và sinh hoạt cho học sinh vùng cao, mang đến môi trường học tập an toàn, khang trang, qua đó tiếp thêm niềm tin và động lực để các em yên tâm học tập, từng bước nuôi dưỡng ước mơ. Hoạt động thể hiện cam kết bền bỉ của VBSE trong việc chung tay phát triển giáo dục và lan tỏa các giá trị nhân văn lâu dài.

### Tháng 7/2025 | Tổ chức lễ dâng hoa, dâng hương tưởng niệm tại Nghĩa trang Liệt sĩ Ngọc Hồi

Nhân kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2025), VBSE phối hợp cùng các đơn vị trong hệ thống VietinBank tổ chức lễ dâng hoa, dâng hương tưởng niệm tại Nghĩa trang Liệt sĩ Ngọc Hồi (Hà Nội). Trong không khí trang nghiêm, đoàn đã kính cẩn dâng hương tại Đài tưởng niệm và từng phần mộ liệt sĩ, bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Hoạt động mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, bồi đắp đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, nhắc nhở cán bộ nhân viên về trách nhiệm gìn giữ hòa bình và tiếp nối những giá trị tốt đẹp trong hành trình xây dựng và phát triển đất nước.

### Tháng 12/2025 | Trao tặng 100 triệu đồng tới Quỹ Hỗ trợ Nhân dân Thành phố Đà Nẵng

Trước những thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra cho người dân miền Trung, VBSE Đà Nẵng đã trao tặng 100 triệu đồng tới Quỹ Hỗ trợ Nhân dân thành phố Đà Nẵng nhằm chung tay cùng chính quyền địa phương sẻ chia khó khăn, hỗ trợ bà con khắc phục hậu quả và từng bước ổn định đời sống. Sự hỗ trợ kịp thời này không chỉ góp phần xoa dịu những mất mát trước thiên tai mà còn thể hiện tinh cảm gắn bó, trách nhiệm và sự đồng hành của VBSE Đà Nẵng đối với miền Trung – khu vực gắn liền với hành trình phát triển của VBSE.

Thông qua chuỗi hoạt động an sinh xã hội trong năm 2025, VBSE tiếp tục khẳng định định hướng phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn, xây dựng hình ảnh doanh nghiệp chứng khoán uy tín, tận tâm và vì cộng đồng.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản (Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % năm 2025 so với 2024
<b>I Tổng tài sản</b>	<b>8.698.122</b>	<b>12.410.699</b>	<b>142,68%</b>
<b>A Tài sản ngắn hạn</b>	<b>8.598.347</b>	<b>12.312.369</b>	<b>143,19%</b>
1 Tài sản tài chính	8.590.786	12.302.973	143,21%
1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	300.234	733.418	244,28%
+ Tiền	300.234	733.418	244,28%
+ Các khoản tương đương tiền	-	-	-
1.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.961.890	6.447.421	129,94%
+ Đầu tư tiền gửi trên 03 tháng	1.708.532	3.562.612	208,52%
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	325.782	53.357	16,38%
+ Trái phiếu chưa niêm yết	725.314	585.868	80,77%
+ Cổ phiếu niêm yết	950.314	507.637	53,42%
+ Trái phiếu niêm yết	623.734	1.737.947	278,64%
+ Đầu tư ngắn hạn khác	628.213		0,00%
1.3 Các khoản cho vay	3.241.314	4.964.253	153,16%
1.4 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	-4.810	-4.810	100,00%
1.5 Tài sản tài chính ngắn hạn khác	92.159	162.691	176,53%
Trong đó:			
+ Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-671	-748	111,45%
2 Tài sản ngắn hạn khác	7.561	9.397	124,28%
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>99.775</b>	<b>98.329</b>	<b>98,55%</b>

Tổng tài sản cuối năm 2025 tăng mạnh so với năm 2024 (bằng 142,68%), trong đó: Tài sản ngắn hạn đạt 12.312 tỷ đồng (cao hơn 43,19% so với năm 2024; Tài sản dài hạn đạt 98.329 tỷ đồng, giảm 1,45% so với năm 2024.

Tài sản tài chính (không gồm tiền và tương đương tiền) vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2025 của Công ty (93,97%), trong đó chủ yếu là Đầu tư tài chính ngắn hạn: 6.447 tỷ đồng (chiếm 52,37% tài sản ngắn hạn), bằng 129,94% so với năm 2024. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn trên 3 tháng là 3.563 đồng; tự doanh khoảng 561 tỷ đồng vào cổ phiếu (trong đó có 90% là cổ phiếu niêm yết và tập trung vào các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng cao như GEE, EIB) và 2.324 tỷ đồng vào trái phiếu, với gần 75% là trái phiếu niêm yết. Chiếm tỷ trọng cao thứ hai là các khoản cho vay, bao gồm cho vay margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, với giá trị ghi nhận đạt mức 4.964 tỷ đồng, tăng khoảng 1.723 tỷ đồng so với năm trước, tương

ứng với mức tăng 53,16%. Tiền và các khoản tương đương tiền đạt 733 tỷ đồng, tăng 144,28% so với năm trước và chủ yếu là tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay (gồm cho vay margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán) tại 31/12/2025 đạt mức 4.964 tỷ đồng (chiếm 40,32% tài sản ngắn hạn). Như vậy dư nợ cho vay của Công ty năm 2025 tăng so với năm 2024 khoảng 53,16%.

Tài sản tài chính ngắn hạn khác của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 162.691 tỷ đồng, bằng 176,53% so với cuối năm 2024, trong đó tăng chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn (tại 31/12/2024 là 87 tỷ đồng, trong khi đó tại ngày 31/12/2025 là 152 tỷ đồng đến từ các khoản phải thu lãi margin chưa đến hạn và lãi hợp đồng tiền gửi chưa đáo hạn).

### Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2025, tổng dư nợ ngắn hạn của Công ty là 8.423 tỷ đồng (bằng 133,05% so với cuối năm 2024), dư nợ bằng VND đạt 8.423 tỷ đồng, dư nợ bằng USD là 0 USD. Trong đó, các khoản nợ vay tài chính này đều phát sinh với các ngân hàng có mối quan hệ tín dụng tốt với Công ty như:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM
- Ngân hàng TMCP Petrolimex
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Ngoài ra, trong năm 2025 Công ty không ghi nhận phát sinh các khoản vay dài hạn và không có nợ quá hạn.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai chính sách quản lý và trọng dụng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, gắn với công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển lâu dài. Trong năm, Công ty đã tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên; đồng thời hỗ trợ học phí cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng chăm lo đời sống và phúc lợi cho người lao động thông qua việc duy trì các chế độ bảo hiểm, chính sách khen thưởng, khuyến khích thi đua tại các phòng/ban.

Song song với công tác đào tạo và phúc lợi, Công ty tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình quản lý và các chính sách nội bộ theo hướng tinh gọn, rõ chức năng nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị. Công tác quản lý nhân sự được tăng cường theo hướng minh bạch, nhất quán, gắn trách nhiệm với hiệu quả công việc, qua đó góp phần nâng cao kỷ cương, hiệu suất lao động và chất lượng quản trị chung của Công ty.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bước sang năm 2026, Công ty tiếp tục kế thừa và phát huy các nền tảng đã được xây dựng, đồng thời đẩy mạnh triển khai các chương trình chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ. Đây được xác định là dấu mốc quan trọng trong lộ trình phát triển, tạo tiền đề cho chặng đường tiếp theo, với mục tiêu củng cố vị thế của VBSE trong hệ sinh thái VietinBank, hướng tới tăng trưởng bền vững dựa trên giá trị cốt lõi và sự đồng hành lâu dài cùng khách hàng.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục tăng trưởng thị phần mảng môi giới chứng khoán, và tăng cường cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiền bán... trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện hạ tầng công nghệ phục vụ giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn phục vụ khách hàng. Đảm bảo cơ cấu đóng góp vào doanh thu hoạt động cho vay margin của khách hàng duy trì ở mức hợp lý nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ diễn biến phức tạp của thị trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, tập trung xây dựng hạ tầng công nghệ hiện đại, kho dữ liệu tập trung phục vụ quản trị rủi ro và cá nhân hóa sản phẩm dịch vụ. Từng bước tự động hóa quy trình vận hành, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động giao dịch; nghiên cứu, ứng dụng AI trong tư vấn khách hàng, cảnh báo rủi ro và phân tích xu hướng thị trường nhằm nâng cao chất lượng tác nghiệp trên nền tảng số.

Phát triển mạnh mẽ quản lý tài sản và dịch vụ ngân hàng đầu tư, đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của từng nhóm khách hàng. Tăng cường khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái VietinBank thông qua bán chéo sản phẩm, phối hợp xây dựng hành trình đầu tư trọn gói cho khách hàng; mở rộng hoạt động tư vấn M&A, huy động vốn, tái cấu trúc doanh nghiệp và từng bước tham gia các giao dịch ngân hàng đầu tư có quy mô lớn, mang tính khu vực.

Đẩy mạnh các mảng hoạt động đầu tư kinh doanh vốn, tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất. Xây dựng hệ thống, từng bước tự động hóa hoạt động cân đối nguồn vốn và quản trị thanh khoản của công ty. Tìm kiếm, đa dạng hóa quan hệ với các TCTD trong và ngoài nước để huy động bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

Đối với hoạt động tự doanh, Công ty chủ động cân đối tỷ trọng đầu tư trong cơ cấu doanh thu phù hợp với từng giai đoạn của thị trường, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sinh lời và hạn chế tác động bất lợi từ biến động thị trường đến kết quả kinh doanh. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong công tác sàng lọc, lựa chọn tài sản đầu tư, quản trị danh mục và xác định thời điểm chốt lãi, cắt lỗ, qua đó nâng cao tính kỷ luật và hiệu quả đầu tư. Linh hoạt triển khai các chiến lược đầu tư ngắn hạn và dài hạn, thực hiện giao dịch trên cơ sở phân tích diễn biến thị trường và các yếu tố vĩ mô, hướng tới cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát rủi ro. Đồng thời, chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp

tiềm năng, bao gồm cả doanh nghiệp chưa niêm yết, để nắm giữ trung hạn và đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình phát triển, qua đó tạo dư địa gia tăng giá trị cho danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, ưu tiên đầu tư vào các sản phẩm có tính minh bạch cao, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng, đáp ứng đầy đủ các quy định pháp lý và được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận. Tận dụng hiệu quả lợi thế về dữ liệu và tệp khách hàng doanh nghiệp trong hệ sinh thái VietinBank, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để chủ động quản lý dòng tiền, tài sản bảo đảm, từ đó nâng cao hiệu quả và mức độ an toàn của các khoản đầu tư.

Tiếp tục xây dựng và khẳng định thương hiệu của Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường, cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất.

## Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến Kiểm toán

Không có



# Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai và duy trì các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào việc sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên nước, công cụ lao động và nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tiết kiệm điện, nước tại nơi làm việc; đồng thời thực hiện theo dõi, kiểm soát chặt chẽ mức tiêu thụ điện, nước tại các trụ sở, văn phòng làm việc.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành. Định kỳ hằng năm, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ với các đơn vị có đủ năng lực chuyên môn để triển khai công tác quan trắc môi trường lao động, quan trắc nước thải theo quy định; đồng thời ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải văn phòng tại các trụ sở của Công ty, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển và định hướng chiến lược của Công ty trong từng giai đoạn. Công ty khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm và năng lực quản lý, phù hợp với vị trí công tác và lộ trình phát triển nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ, bao gồm chế độ tiền lương, tiến thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi khác, góp phần đảm bảo đời sống, quyền lợi hợp pháp và tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, thông qua hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên và sự tham gia tích cực của cán bộ nhân viên, Công ty tiếp tục tổ chức và tham gia các chương trình an sinh xã hội, hoạt động thiện nguyện theo định hướng và kế hoạch đã đề ra (Mục "Công tác an sinh" - Chương 3 của Báo Cáo). Đồng thời, Công ty tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hướng tới cộng đồng, tập trung vào các lĩnh vực bảo vệ môi trường, hỗ trợ giáo dục và chăm sóc sức khỏe, qua đó thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng địa phương.



# 04

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 61 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 64 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 65 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

# Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN  
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực dù phải đối mặt với nhiều thách thức đến từ thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt 714.653 tỷ đồng, tăng 148,67%, hoàn thành 240,3% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2025 do Đại hội đồng Cổ đông giao. Trong đó, lợi nhuận sau thuế đạt 577,372 tỷ đồng, tăng 149,85% so với năm 2024. Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2025, cụ thể như sau:

## Tình hình hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán và kinh doanh vốn

### Về hoạt động đầu tư

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì mô hình cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro theo ba tuyến bảo vệ độc lập và thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình quản lý rủi ro, bao gồm: nhận diện, đo lường, theo dõi, kiểm soát và xử lý, báo cáo rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và quyền lợi của khách hàng. Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường, chú trọng và luôn song hành cùng các hoạt động kinh doanh nhằm phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các cảnh báo rủi ro kịp thời, qua đó giúp VBSE chủ động phòng ngừa và hạn chế các tổn thất có thể xảy ra. Ban Lãnh đạo cùng các tuyến bảo vệ thường xuyên thực hiện việc đánh giá rủi ro trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, quản lý các khoản nợ đến hạn và quá hạn, rủi ro tác nghiệp, cũng như rủi ro đối với các sản phẩm mới, từ đó đưa ra các cảnh báo và biện pháp quản lý rủi ro phù hợp, hiệu quả.

### Về hoạt động kinh doanh vốn

Năm 2025, Công ty đã triển khai hiệu quả, đảm bảo thanh khoản để phục vụ hoạt động kinh doanh đồng thời tối ưu hóa chi phí vốn trong điều kiện thị trường tài chính tiếp tục chịu nhiều biến động khi lãi suất toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao, tỷ giá VND/USD biến động lớn, giá vàng tăng cao và môi trường kinh tế còn nhiều thách thức. Tính đến hết năm 2025, Công ty đã thiết lập và mở rộng quan hệ với hơn 48 tổ chức tín dụng và các định chế tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tổng hạn mức tín dụng, hạn mức vay vốn và bảo lãnh Công ty được cấp đến 31/12/2025 quy đổi ra VND đạt gần 33.411 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực triển khai các phương án kinh doanh vốn để góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận đạt được trong năm.

### Hoạt động môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tăng cường đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán với kết quả khả quan, cụ thể như sau: Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán toàn Công ty năm 2025 đạt 180,79 tỷ đồng tăng mạnh 71,87% so với năm 2024. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới tại Công ty năm 2025 ghi nhận 10.681 tài khoản, tăng mạnh 104,32% so với năm 2024.

Về hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty đã chú trọng kiểm soát rủi ro chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các giới hạn về cho vay giao dịch ký quỹ như dư nợ margin không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Với việc quản lý danh mục vay thận trọng, điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường cùng với áp dụng các chương trình, chính sách phí ưu đãi, dư nợ margin cuối năm 2025 của Công ty tăng trưởng mạnh, tăng 53,2% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 4.892,466 tỷ đồng. Tổng doanh thu từ tiền lãi margin thu được năm 2025 là 419,3 tỷ đồng, tăng 36,59% so với năm 2024.

### Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành chứng khoán

Năm 2025, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty đã có những bước đột phá. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành toàn Công ty đạt gần 22,2 tỷ đồng, tăng 122,3% so với năm 2024, trong đó doanh thu từ tư vấn tài chính đạt 21,6 tỷ đồng, tăng 143,69%, doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành đạt 592,73 triệu đồng, giảm 47,08% so với năm 2024. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành chứng khoán đã ghi nhận doanh thu tăng trưởng vượt trội nhờ vào việc hoàn thành nhiều hợp đồng có giá trị lớn, phát triển tệp khách hàng chất lượng, tăng giá trị cốt lõi, bền vững, đồng thời tạo tiềm năng mở rộng cho các năm tới. Bên cạnh đó, với nỗ lực không ngừng của Công ty trong việc thích ứng những thay đổi và nắm bắt cơ hội của thị trường, cùng năng lực triển khai dịch vụ tư vấn được nâng cao và nhu cầu thị trường hồi phục trong nửa cuối năm đã đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của hoạt động này trong năm 2025.

### Các hoạt động hỗ trợ và công tác quản lý rủi ro

- Hoạt động nghiên cứu phân tích, phát triển sản phẩm

Trong năm 2025, hoạt động nghiên cứu phân tích và phát triển sản phẩm của Công ty tiếp tục cung cấp được nhiều bản tin nhận định và khuyến nghị bổ ích tới nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo chuyên sâu mang tính chất định hướng, hỗ trợ cho mảng nghiệp vụ môi giới chứng khoán và các phòng ban nghiệp vụ khác trong nội bộ. Bên cạnh đó, nghiệp vụ phát triển sản phẩm cũng đẩy mạnh với nhiều hoạt động: (i) Đầu mối các dự án nâng cấp phần mềm của công ty: Dự án nâng cấp phần mềm giao dịch trực tuyến và dự án mở tài khoản trực tuyến toàn trình (Bảng phương thức eKYC và chữ ký số); (ii) Tham gia dự án KRX, nâng cấp Core, chuyển đổi Core, thay đổi nhận diện thương hiệu; (iii) Các hoạt động khác như khảo sát/nghiên cứu các sản phẩm mới và xây dựng các chương trình marketing (Chương trình ưu đãi kép kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, kết nối với khối bán lẻ VietinBank quảng bá chương trình ưu đãi kép trên

ứng dụng VietinBank Ipay,..) cũng được chú trọng để giúp gia tăng độ nhận diện thương hiệu của Công ty cũng như thu hút khách hàng mở mới/duy trì hoạt động của tài khoản.

- Công tác quản lý kế toán, tài chính

Hoạt động quản lý tài chính kế toán của Công ty năm 2025 tiếp tục có được sự phối hợp chặt chẽ giữa các Đơn vị nội bộ trong việc theo dõi, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch các khoản mục tài sản, nguồn vốn, tình hình đầu tư kinh doanh của Công ty cũng như số dư tiền gửi của khách hàng giao dịch chứng khoán theo chế độ quy định. Toàn bộ các số liệu kế toán được cập nhật, lưu trữ và theo dõi tập trung trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ, giúp tối ưu hóa công tác kiểm soát và truy xuất dữ liệu định kỳ. Công tác kế toán tài chính trong năm 2025 cũng đã hỗ trợ, phối hợp khá chặt chẽ với các Đơn vị nội bộ thực hiện điều tiết, cân đối vốn, đảm bảo thanh khoản an toàn, ổn định và đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật

- Hoạt động công nghệ thông tin

Trong năm 2025, bên cạnh việc bảo đảm Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) vận hành ổn định, an toàn và liên tục, Công ty đã triển khai thành công nhiều dự án trọng điểm như: Dự án nâng cấp Core chứng khoán nhằm đáp ứng yêu cầu Core mới theo mô hình KRX của các Sở giao dịch chứng khoán; triển khai hệ thống Web/App thể hệ mới dành cho nhà đầu tư; nâng cấp website Công ty; triển khai dự án Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) và các dự án rà soát, đánh giá an toàn thông tin, ..... góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện đồng bộ nhiều dự án nâng cấp hạ tầng CNTT không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, yêu cầu của cơ quan quản lý mà còn góp phần gia tăng năng lực xử lý, mức độ an toàn và an ninh cho toàn bộ hệ thống. Ngoài ra, trong năm vừa qua, Công ty đã tích cực phối hợp với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong việc triển khai các nội dung liên quan đến kết nối hạ tầng CNTT, phục vụ các dự án giao dịch chứng chỉ tiền gửi trên nền tảng iPay, cũng như các hoạt động chia sẻ và kết nối thông tin khách hàng.

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty (tiếp)

TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN  
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### • Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì mô hình cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro theo ba tuyến bảo vệ độc lập và thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình quản lý rủi ro, bao gồm: nhận diện, đo lường, theo dõi, kiểm soát và xử lý, báo cáo rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và quyền lợi của khách hàng. Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường, chú trọng và luôn song hành cùng các hoạt động kinh doanh nhằm phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các cảnh báo rủi ro kịp thời, qua đó giúp VBSE chủ động phòng ngừa và hạn chế các tổn thất có thể xảy ra. Ban Lãnh đạo cùng các tuyến bảo vệ thường xuyên thực hiện việc đánh giá rủi ro trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, quản lý các khoản nợ đến hạn và quá hạn, rủi ro tác nghiệp, cũng như rủi ro đối với các sản phẩm mới, từ đó đưa ra các cảnh báo và biện pháp quản lý rủi ro phù hợp, hiệu quả.

### • Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tập trung tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời thực hiện bổ nhiệm, điều động và luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức, đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của các đơn vị. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được đẩy mạnh thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và các khóa đào tạo chuyên sâu bên ngoài, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Chính sách tiền lương của Công ty tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kết quả đánh giá hiệu quả công việc (KPIs), bảo đảm tính công bằng, minh bạch, gắn với năng lực và mức độ đóng góp của người lao động. Đồng thời, Công ty thường xuyên rà soát, cải tiến cơ chế đãi ngộ nhằm nâng cao khả năng thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

### • Công tác hành chính quản trị

Trong năm 2025, công tác hành chính – quản trị được tổ chức hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và phương tiện phục vụ công việc được đầu tư, nâng cấp, bảo trì và bảo dưỡng định kỳ, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành.

Công ty duy trì tốt công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc; công tác phòng, chống cháy nổ được triển khai đầy đủ, tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, bảo đảm môi trường làm việc an toàn, ổn định cho người lao động.

### • Công tác an sinh xã hội

Trong năm 2025, VBSE tiếp tục khẳng định cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc duy trì và triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội thiết thực. Công ty thực hiện đóng góp vào các quỹ xã hội, từ thiện và tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng thông qua hoạt động của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động tham gia và khởi xướng các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa chi tiết theo Mục Công tác an sinh xã hội – Chương III của Báo cáo này, để hướng tới các giá trị lâu dài, góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín thương hiệu và thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ, các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được giao theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

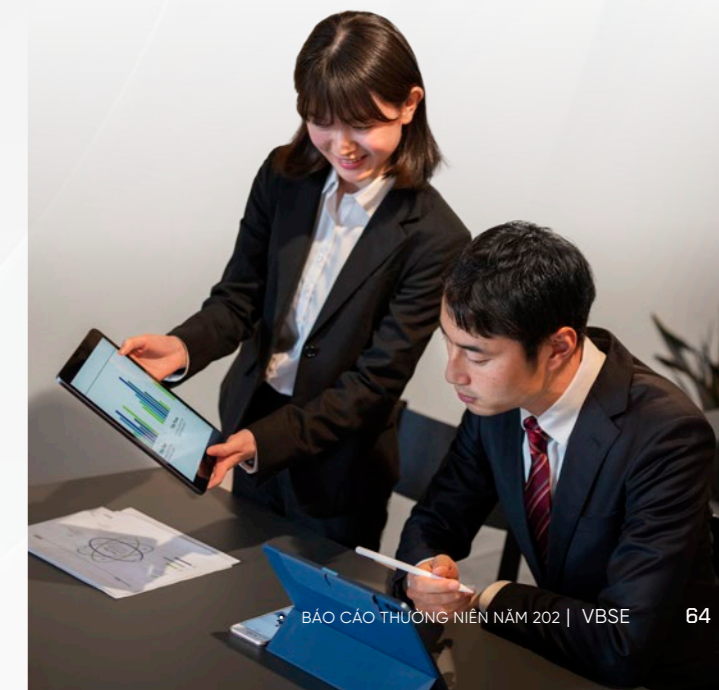
Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong việc điều hành công việc kinh doanh và hoạt động hằng ngày của Công ty được thực hiện thông qua các quyết nghị, chỉ đạo cụ thể của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ/bất thường khi có phát sinh và trong các Nghị quyết được Hội đồng quản trị phê duyệt theo phương thức Lấy ý kiến bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, đồng thời giám sát qua các kênh như qua cơ chế báo cáo của Tổng Giám đốc lên Hội đồng quản trị, qua hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, ...

Thông qua hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các nội dung định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và các công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao trên cơ sở quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành. Trong năm 2025, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng quản trị thông qua, trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ kinh doanh cụ thể tới từng đơn vị liên quan để triển khai và thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện theo quy định.

Tại các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã thực hiện báo cáo về các mảng hoạt động của Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh trong thời gian tiếp theo, bên cạnh đó Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện việc báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị và báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị cũng giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành của Ban Tổng Giám đốc đối với các quy chế, quy định, quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm an toàn, hiệu quả cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã phê duyệt ban hành Quy chế về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị nhằm mục đích tạo cơ chế thống nhất cho hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị để đảm bảo hoạt động giám sát được minh bạch và hiệu quả.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 giao cũng như trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025.



## Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi phù hợp với xu hướng và nhận định thị trường, duy trì và tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty, cụ thể như sau:

### Khai thác hiệu quả hệ sinh thái Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank):

Với lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - một trong những ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, Công ty đã định hướng và triển khai mạnh mẽ chiến lược bán chéo nhằm khai thác tối đa giá trị của hệ sinh thái VietinBank. Theo đó, Công ty tập trung: (i) Tích cực thúc đẩy bán chéo các sản phẩm, dịch vụ thuộc các mảng môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và kinh doanh vốn; (ii) Xây dựng các chương trình ưu đãi phù hợp với định hướng theo từng thời kỳ của Công ty (iii) Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động bán chéo. Qua đó, Công ty góp phần hình thành và phát triển hệ sinh thái VietinBank trở nên đồng bộ, toàn diện, tối ưu và hiệu quả.

### Hoạt động môi giới và cho vay ký quỹ:

Với định hướng xuyên suốt là ưu tiên tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới và gia tăng thị phần môi giới chứng khoán, năm 2026, Công ty sẽ tiếp

tục nghiên cứu, xây dựng và tiến hành triển khai các giải pháp: (i) Thúc đẩy gia tăng giao dịch của khách hàng thông qua cải tiến phần mềm giao dịch chứng khoán với nhiều tiện ích và tính năng ưu việt thu hút nhà đầu tư; Gia tăng chất lượng khuyến nghị, chất lượng các bản tin/báo cáo, linh hoạt với diễn biến thị trường; triển khai các gói sản phẩm, chương trình ưu đãi để thu hút khách hàng; nghiên cứu chính sách thu hút các Quý đầu tư trong nước/nước ngoài, các khách hàng tổ chức/khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty (ii) Đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ hướng tới khai thác tối đa hạn mức margin trên vốn chủ sở hữu toàn Công ty trên cơ sở đảm bảo quản trị rủi ro cho vay chặt chẽ (iii) Xây dựng cơ chế, chính sách linh hoạt để phát triển mạng lưới Cộng tác viên và tạo động lực cho cán bộ môi giới.

### Hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành:

Năm 2026, Công ty định hướng tăng cường quản trị rủi ro định hướng chiến lược, kiểm soát tỷ trọng danh mục cổ phiếu/vốn chủ sở hữu, duy trì cách tiếp cận linh hoạt, bám sát các yếu tố vĩ mô và diễn biến thị trường, kết hợp với quản trị chặt chẽ rủi ro danh mục để đưa ra các quyết định đầu tư tối ưu, hiệu quả và an toàn đối với danh mục cổ phiếu; Tiếp tục mở rộng đầu tư mới danh mục trái phiếu doanh nghiệp thông qua tệp khách hàng tiềm năng trong hệ sinh thái VietinBank để hợp tác, chia sẻ cơ hội đầu tư; tìm kiếm, lựa chọn trái phiếu phát hành ra công chúng, trái phiếu của các doanh nghiệp lớn, có tình hình tài chính/dòng tiền tốt, tài sản bảo đảm có giá trị đồng thời phải đáp ứng các điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật; Đẩy mạnh dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu để tăng cường thu phí dịch vụ.

### Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp:

Năm 2026, Công ty định hướng nâng cao chất lượng và tinh chuyên sâu của dịch vụ qua việc chuẩn hóa quy trình tư vấn, hồ sơ, báo cáo; từng bước xây dựng sản phẩm tư vấn trọn gói, gắn với mục tiêu và kết quả đầu ra. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng kiểm soát rủi ro và tính bền vững thông qua việc lựa chọn kỹ đối tác và dự án tư vấn, kiểm soát chặt chẽ điều khoản hợp đồng, tiến độ nghiệm thu, hạn chế rủi ro công nợ và kéo dài thời gian ghi nhận doanh thu. Công ty đưa ra nhiều giải pháp về tổ chức, về truyền thông, đào tạo nội bộ để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động bán chéo sản phẩm trong hệ thống, ưu tiên các dịch vụ có thể kết hợp với hoạt động đầu tư, cho vay và đại lý phát hành, tạo chuỗi giá trị tuần hoàn khép kín. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tập trung phát triển các mảng tư vấn có nhu cầu thực, khả năng ghi nhận doanh thu cao, đặc biệt trong hoạt động Tư vấn tái cấu trúc tài chính, phát hành Trái phiếu, Tư vấn mua bán sáp nhập (M&A).

### Hoạt động kinh doanh vốn:

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu đảm bảo thanh khoản ổn định, vững chắc, duy trì đệm thanh khoản đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty tại mọi thời điểm, đồng thời định hướng phát triển quan hệ với các Tổ chức tín dụng theo

chiều sâu, nhằm khai thác nguồn vốn vay với lãi suất tốt nhất. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường quản trị thanh khoản, chủ động ứng biến với mọi thách thức, biến động khó lường từ thị trường tài chính trong nước và quốc tế; cân đối vay vốn trên thị trường trong nước và nước ngoài, dựa trên dự báo về xu hướng lãi suất, để tối ưu chi phí vốn toàn Công ty. Bên cạnh công tác quản trị thanh khoản và tối ưu chi phí lãi vay, Công ty cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh giao dịch giấy tờ có giá để gia tăng lợi nhuận, đa dạng hóa danh mục tài sản trên Bảng cân đối kế toán, đưa hình ảnh năng động của Công ty Chứng khoán Công thương hiện diện rộng khắp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

### Các hoạt động khác:

Trong năm 2026, bên cạnh định hướng về hoạt động kinh doanh nêu trên, Công ty cũng sẽ tiếp tục bám sát các chủ điểm trọng tâm bao gồm: (i) Tăng cường triển khai các chương trình/sáng kiến chuyển đổi số, sáng kiến kinh doanh; (ii) Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, qua đó gia tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực và nâng cao năng suất lao động; (iii) Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và gia tăng hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ; (iv) Triển khai các biện pháp bảo mật cao, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các sự cố an ninh mạng.

# 05

## Quản trị công ty

- 69 Hội đồng quản trị
- 75 Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán
- 79 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán

# Hội đồng quản trị

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu thành viên HĐQT Công ty đáp ứng yêu cầu có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và có 01 thành viên độc lập HĐQT để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



**Ông Trần Phúc Vinh**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

**Không**

**Ông Vũ Đức Mạnh**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

**Không**

**Bà Trần Thu Trang<sup>(4)</sup>**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

- Trưởng Phòng Quản lý tuân thủ - Khối Pháp chế và tuân thủ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**Bà Hồ Thị Thu Hiền**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

- Trưởng Phòng Quản lý tuân thủ - Khối Pháp chế và tuân thủ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thông tin tin dụng Việt Nam
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

**Ông Phạm Việt Hùng<sup>(5)</sup>**  
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

**Không**

**Ông Đặng Anh Hào<sup>(1)</sup>**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

**Không**

**Bà Bùi Thị Thanh Thủy<sup>(2)</sup>**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

- Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư - Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**Bà Phạm Thị Huyền Trang<sup>(3)</sup>**  
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành:

**0 (\*)**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

- (1) Ông Đặng Anh Hào được ĐHCĐ thường niên 2025 tổ chức ngày 24/04/2025 của Công ty thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 24/04/2025.
- (2) Bà Bùi Thị Thanh Thủy được ĐHCĐ thường niên 2025 tổ chức ngày 24/04/2025 của Công ty bầu làm Thành viên HĐQT Công ty với nhiệm kỳ kể từ ngày 24/04/2025 đến hết ngày 09/04/2029 và được ĐHCĐ bất thường năm 2025 tổ chức ngày 18/11/2025 của Công ty thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 18/11/2025.
- (3) Bà Phạm Thị Huyền Trang được ĐHCĐ thường niên 2025 tổ chức ngày 24/04/2025 của Công ty thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên độc lập HĐQT Công ty kể từ ngày 24/04/2025.

- (4) Bà Trần Thu Trang được ĐHCĐ bất thường năm 2025 tổ chức ngày 18/11/2025 của Công ty bầu làm Thành viên HĐQT Công ty với nhiệm kỳ kể từ ngày 18/11/2025 đến hết ngày 09/04/2029.
  - (5) Ông Phạm Việt Hùng được ĐHCĐ thường niên 2025 tổ chức ngày 24/04/2025 của Công ty bầu làm Thành viên độc lập HĐQT Công ty với nhiệm kỳ kể từ ngày 24/04/2025 đến hết ngày 09/04/2029.
- (\*) Không bao gồm số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu của NHCTVN tại Công ty.

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HĐQT đã:

- Duy trì cơ cấu hoạt động của HĐQT Công ty (trong đó tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) để đảm bảo đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT và tuân thủ quy định của Pháp luật.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách, giám sát các mảng hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.
- Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/07/2020 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.



### Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty (Điều lệ Công ty).

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã xác định các mục tiêu hoạt động, phê duyệt việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh cho các Đơn vị và giám sát việc triển khai thực hiện để hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 32 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của 100% các thành viên HĐQT (trong đó đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh), qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao.

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT tích cực thảo luận, trao đổi và cho ý kiến. Các nội dung phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT cũng đã được Chủ tịch HĐQT tổ chức họp để lấy ý kiến các thành viên HĐQT đầy đủ theo quy định.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện Lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các quyết nghị và ban hành 210 Nghị quyết HĐQT theo phương thức trên. Tổng cộng số lượng Nghị quyết HĐQT Công ty đã ban hành trong năm 2025 là 242 Nghị quyết.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	<b>Ông Trần Phúc Vinh</b>	32/32	100%	-
2	<b>Ông Vũ Đức Mạnh</b>	32/32	100%	-
3	<b>Ông Đặng Anh Hòa</b>	10/10	100%	Không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/04/2025
4	<b>Bà Bùi Thị Thanh Thúy</b>	16/16	100%	Bắt đầu là Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/04/2025; Không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/11/2025
5	<b>Bà Trần Thu Trang</b>	06/06	100%	Bắt đầu là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/11/2025
6	<b>Bà Hồ Thị Thu Hiền</b>	32/32	100%	-
7	<b>Bà Phạm Thị Huyền Trang</b>	10/10	100%	Không còn là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 24/04/2025
8	<b>Ông Phạm Việt Hùng</b>	22/22	100%	Bắt đầu là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 24/04/2025

Nội dung các cuộc họp HĐQT trực tiếp (32 cuộc họp và không bao gồm các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	03/2025/NQ-HĐQT-CKCT	07/01/2025	Đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của các Đơn vị	100%
2	09/2025/NQ-HĐQT-CKCT	21/01/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 01/2025	100%
3	10/2025/NQ-HĐQT-CKCT	21/01/2025	Phê duyệt Giao kế hoạch tài chính cho các Đơn vị năm 2025	100%
4	14/2025/NQ-HĐQT-CKCT	24/01/2025	Đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý nhân sự của Hội đồng quản trị	100%
5	20/2025/NQ-HĐQT-CKCT	17/02/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 02/2025	100%
6	28/2025/NQ-HĐQT-CKCT	03/03/2025	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	100%
7	37/2025/NQ-HĐQT-CKCT	13/03/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 03/2025	100%
8	43/2025/NQ-HĐQT-CKCT	20/03/2025	Phê duyệt phương án tên Thương hiệu và Logo thương hiệu của Công ty	100%
9	81/2025/NQ-HĐQT-CKCT	22/04/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 04/2025	100%
10	85/2025/NQ-HĐQT-CKCT	23/04/2025	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty và các vấn đề liên quan	100%
11	90/2025/NQ-HĐQT-CKCT	08/05/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 05/2025	100%
12	99/2025/NQ-HĐQT-CKCT	26/05/2025	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
13	103/2025/NQ-HĐQT-CKCT	30/05/2025	Thù lao và các chế độ khác đối với Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	103A/2025/NQ-HĐQT-CKCT	04/06/2025	Chi khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân lao động tiên tiến năm 2024	100%
15	118/2025/NQ-HĐQT-CKCT	30/06/2025	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100%
16	122/2025/NQ-HĐQT-CKCT	03/07/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 07/2025	100%
17	123/2025/NQ-HĐQT-CKCT	04/07/2025	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
18	130/2025/NQ-HĐQT-CKCT	21/07/2025	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
19	132/2025/NQ-HĐQT-CKCT	25/07/2025	Công tác cán bộ	100%
20	143/2025/NQ-HĐQT-CKCT	21/08/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 08/2025	100%
21	147/2025/NQ-HĐQT-CKCT	27/08/2025	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
22	172/2025/NQ-HĐQT-CKCT	01/10/2025	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
23	174/2025/NQ-HĐQT-CKCT	08/10/2025	Điều chỉnh thù lao và các chế độ khác đối với Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	100%
24	175/2025/NQ-HĐQT-CKCT	08/10/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 10/2025	100%
25	183/2025/NQ-HĐQT-CKCT	27/10/2025	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty và các vấn đề liên quan	100%
26	193/2025/NQ-HĐQT-CKCT	17/11/2025	Cập nhật Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty	100%
27	208/2025/NQ-HĐQT-CKCT	04/12/2025	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch chi phí năm 2025 của toàn Công ty	100%
28	217/2025/NQ-HĐQT-CKCT	18/12/2025	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 12/2025	100%
29	222/2025/NQ-HĐQT-CKCT	24/12/2025	Phân chia lại Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi và chi Quỹ Khen thưởng để thưởng cho Cán bộ nhân viên nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty	100%
30	227/2025/NQ-HĐQT-CKCT	26/12/2025	Chi Quỹ Khen thưởng	100%
31	229/2025/NQ-HĐQT-CKCT	29/12/2025	Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	100%
32	235/2025/NQ-HĐQT-CKCT	31/12/2025	Thù lao, lương/thưởng và lợi ích khác đối với Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025	100%

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

#### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 24/04/2025 của Công ty, ĐHĐCĐ đã thông qua Tờ trình nhân sự và bầu Thành viên HĐQT, theo đó, số lượng thành viên HĐQT được bầu là 02 (hai) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên độc lập HĐQT. Trên cơ sở kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty, trong năm 2025, Công ty có sự thay đổi về Thành viên độc lập HĐQT, cụ thể:

- Từ 01/01/2025 đến 23/04/2025: Thành viên độc lập HĐQT là Bà Phạm Thị Huyền Trang.
- Từ 24/04/2025 đến 31/12/2025: Thành viên độc lập HĐQT là Ông Phạm Việt Hùng.

Trong năm 2025, ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Thành viên HĐQT, trên cương vị là Thành viên độc lập HĐQT, trong thời gian đảm nhận chức vụ, Bà Phạm Thị Huyền Trang và Ông Phạm Việt Hùng đã thực hiện vai trò Thành viên độc lập HĐQT của Công ty theo quy định của pháp luật, giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo cho lợi ích của các cổ đông, tham dự đầy đủ, thường xuyên đóng góp ý kiến trên cương vị độc lập và biểu quyết tại 100% cuộc họp của HĐQT/lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Thành viên độc lập HĐQT cũng đã chủ động đưa ra những ý kiến đóng góp/đề xuất đối với hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và quản lý điều hành của Công ty.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Tên khóa học	Đơn vị tổ chức	Số lượng người tham gia
1	Quản trị công ty cho các công ty Cổ phần Đại chúng	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	01 người

### Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã:

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách, giám sát các mảng hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.
- Duy trì cơ cấu hoạt động của HĐQT Công ty (trong đó tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) để đảm bảo đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT và tuân thủ quy định của Pháp luật.
- Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/07/2020 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

# Ban kiểm soát / Ủy ban kiểm soát

## Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán



### Bà Phan Thị Thu Hằng Trưởng Ban kiểm soát

Ngày bắt đầu là trưởng Ban kiểm soát: **10/04/2019**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kế toán doanh nghiệp**

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

### Bà Lâm Thị Thu Hương Kiểm soát viên

Ngày bắt đầu thành viên Ban kiểm soát: **16/06/2014**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kế toán doanh nghiệp**

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

### Bà Trần Thị Kim Oanh Kiểm soát viên

Ngày bắt đầu thành viên Ban kiểm soát: **10/01/2022**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kế toán doanh nghiệp**

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

## Hoạt động của Ban Kiểm soát / Ủy ban Kiểm toán

### Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ với sự tham gia của đầy đủ các Kiểm soát viên để triển khai các công việc, kiểm điểm tiến độ, triển khai các chỉ đạo của NHCT, thảo luận

và cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi công việc, trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát. Tỷ lệ tham dự đạt 100%, cụ thể:

STT	Kiểm soát viên	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Bà Phan Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	06/06	100%	100%	-
2	Bà Lâm Thị Thu Hương – TVBKS chuyên trách	06/06	100%	100%	-
3	Bà Trần Thị Kim Oanh – TVBKS chuyên trách	06/06	100%	100%	-

## Đối với hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, BDH trong việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Nhìn chung, hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và BDH đã tuân thủ các quy định Luật CK, Điều lệ Công ty, triển khai theo đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, BDH được triển khai thông qua các nội dung chính sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, BDH trong việc quản trị và điều hành Công ty (bao gồm kiểm tra tính hợp lý và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo đánh giá công tác quản trị của Hội đồng quản trị);
- Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập BCTC);
- Giám sát định kỳ, triển khai các Đoàn kiểm tra trực tiếp rà soát, kiểm tra các hoạt động của Công ty. Đánh giá hiệu quả, hiệu lực hệ thống KTKSNB, KTNB, QLRR và cảnh báo sớm của Công ty;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ.
- Thực hiện rà soát và lập Báo cáo giám sát định kỳ/đợt xuất các hoạt động của Công ty theo yêu cầu từ cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

## Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau

### GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành để thực hiện theo định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua. Căn cứ kết quả giám sát cho thấy về cơ bản Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định của Luật CK, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau:

### Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cập nhật thông tin, tình hình hoạt động kinh doanh (HĐKD) của Công ty, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BDH

Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, tham dự và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của BDH. Ban Kiểm soát đã đưa ra ý kiến, quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, ghi nhận các tồn tại, rủi ro trong HĐKD, công tác quản trị điều hành, QLRR của Công ty, từ đó Ban Kiểm soát kiến nghị/ khuyến nghị các nội dung cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, tăng cường kiểm soát, Ban Kiểm soát đều đưa ra những ý kiến cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

### Rà soát các văn bản chính sách, xem xét Nghị quyết Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát đã phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát rà soát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị gửi Ban Kiểm soát theo quy định, rà soát một số văn bản chính sách của Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc ban hành mang tính trọng yếu, có tác động toàn diện tới hoạt động Công ty. Kết quả rà soát cho thấy cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, nội dung thông qua phù hợp quy định pháp luật, đúng thẩm quyền và đạt được sự nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị.

### THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (BCTC)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thành lập Tổ thẩm định để thẩm định BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) soát xét. Thông qua thẩm định, Ban Kiểm soát đã đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, tính đầy đủ và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.

### GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ, THỰC HIỆN KIỂM TRA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác rà soát, giám sát định kỳ một số hoạt động của Công ty đồng thời thành lập các Đoàn để kiểm tra trực tiếp hoạt động của một số Phòng ban TSC/CN. Qua kết quả giám sát định kỳ và kết quả của các Đoàn kiểm tra, Ban Kiểm soát đã đánh giá, nhận diện các vấn đề, rủi ro tiềm ẩn, thực hiện kiến nghị Hội đồng quản trị, BĐH chỉ đạo các Đơn vị khắc phục, chỉnh sửa, xử lý các tồn tại theo kiến nghị của các Đoàn kiểm tra/kiểm toán nội/ngoại ngành.

Ngoài ra, qua kết quả giám sát, kiểm tra, Ban Kiểm soát cũng thực hiện đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty để đưa ra các kiến nghị/khuyến nghị thực hiện cũng như các lưu ý mang tính tư vấn cho Hội đồng quản trị/BĐH để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

### RÀ SOÁT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã rà soát các hợp đồng giữa Công ty và người có liên quan của Công ty. Qua rà soát cho thấy việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được Hội đồng quản trị phê duyệt phù hợp với thẩm quyền và được CBTT theo quy định.

### SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty theo thư mời, về cơ bản các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BĐH khi gửi xin ý kiến Hội đồng quản trị đồng thời được gửi cho Ban Kiểm soát;

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, BĐH và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trao đổi thông tin trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty;

Các thành viên Hội đồng quản trị, BĐH và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

Trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, Ban Kiểm soát đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các giải pháp, tư vấn hỗ trợ Hội đồng quản trị, BĐH nâng cao công tác quản trị điều hành, kiểm soát rủi ro, triển khai các giải pháp cần thiết để khắc phục những tồn tại, hạn chế, hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai các biện pháp thúc đẩy kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược, kiểm soát rủi ro có hiệu quả, nâng cao chất lượng và an toàn hoạt động Công ty.

### Phương hướng, định hướng hoạt động của ban Kiểm soát trong năm 2026

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty trong năm 2026, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ và vai trò của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

#### Thực hiện chức năng giám sát theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Công ty trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị; giám sát i) Việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ ii) Việc thông qua Hợp đồng/giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền ĐHCĐ/Hội đồng quản trị iii) Thẩm định BCTC hàng năm;
- Tiếp tục tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, cảnh báo, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, các hoạt động tiềm ẩn rủi ro, trong đó tập trung một số rủi ro trọng yếu; tăng cường giám sát thông qua hệ thống thông tin, báo cáo, nhận diện và kiểm soát kịp thời các vấn đề có tác động trọng yếu đến hoạt động Công ty để có kiến nghị/khuyến nghị và xây dựng biện pháp ứng xử phù hợp; tăng cường mối quan hệ phối hợp trao đổi thông tin với Hội đồng quản trị, BĐH để kịp thời nắm bắt thông tin phục vụ công tác giám sát, nhằm thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, phát huy tối đa vai trò trách nhiệm của Ban Kiểm soát;
- Tiếp tục chủ động rà soát, ban hành đầy đủ các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ;
- Giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các tồn tại, hạn chế theo kiến nghị các đoàn kiểm tra nội/ngoại ngành (thông qua báo cáo của bộ phận KTNB, KTKSNB Công ty).

#### Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Ban Kiểm soát

- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;
- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động;
- Xây dựng, triển khai các giải pháp nhằm đổi mới phương pháp, công cụ, tư duy kiểm tra, nâng cao năng lực kiểm tra, chuyển đổi số phù hợp xu hướng đang diễn ra, đảm bảo công tác giám sát toàn diện theo đúng quy định pháp luật và nội

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT/ỦY BAN KIỂM TOÁN

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích	Ghi chú
<b>I THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.003.736.905	
2	Vũ Đức Mạnh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.999.965.000	
3	Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc	784.981.200	Thôi là Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/04/2025
4	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	444.701.145	
5	Bùi Thị Thanh Thúy	Thành viên Hội đồng quản trị	245.025.135	Bầu là Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/04/2025; Thôi là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/11/2025
6	Trần Thu Trang	Thành viên Hội đồng quản trị	72.517.420	Bầu là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/11/2025
7	Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	292.314.286	Bầu là thành viên độc lập HĐQT từ 10/04/2024; Thôi là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 24/04/2025
8	Phạm Việt Hùng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	803.623.810	Bầu là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 24/04/2025
<b>II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b>				
1	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	1.441.320.643	
2	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	780.280.644	
3	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	859.216.162	
<b>III BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>				
1	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	2.063.115.171	
2	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.979.635.523	
3	Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.338.943.308	
4	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.956.847.548	
<b>IV CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b>				
1	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	1.622.328.288	
2	Lê Diệu Thúy	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng	1.156.563.942	
3	Hà Ngọc Hùng	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.173.473.972	

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2025) Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 148.738.311 cổ phiếu		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025) Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 212.693.438 cổ phiếu		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	
1	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch HĐQT	0 (*)	0%	0 (*)	0%	
2	Vũ Đức Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	0 (*)	0%	0 (*)	0%	
3	Trần Thu Trang	Thành viên HĐQT	0	0%	0 (*)	0%	Thành viên HĐQT từ 18/11/2025
4	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%	
5	Phạm Việt Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	0	0%	Thành viên độc lập HĐQT từ 24/04/2025
6	Bùi Thị Thanh Thúy	Thành viên HĐQT	0 (*)	0%	0 (*)	0%	Thôi là Thành viên HĐQT từ 18/11/2025
7	Đặng Anh Hào	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty	0 (*)	0%	0	0%	Thôi là Thành viên HĐQT từ 24/04/2025
8	Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	0	0%	Thôi Thành viên độc lập HĐQT từ 24/04/2025
9	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
10	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	
11	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc Công ty, Người được ủy quyền CBTT	0	0%	0	0%	
12	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%	0	0%	
13	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%	
14	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%	
15	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng Bộ phận KTNB	0	0%	0	0%	
16	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	0	0%	0	0%	
17	Lê Mai Khanh	Người phụ trách quản trị Công ty	0	0%	0	0%	
18	Phạm Thị Thanh Mai	Thư ký Công ty	0	0%	0	0%	Thôi là Thư ký Công ty từ 27/12/2025

(\*) Không bao gồm số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu của NHCTVN tại Công ty.

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (tiếp)

Giao dịch cổ phiếu của cá nhân, tổ chức là người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ghi chú
		Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 148.738.311 cổ phiếu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 212.693.438 cổ phiếu		
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)	112.498.833	75,635%	160.873.331	75,635%	Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty	Cổ đông Nhà nước, Cổ đông lớn

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành 10 (mười) Nghị quyết chấp thuận thông qua việc Giao dịch với người có liên quan, cụ thể:

- Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 04/04/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng Đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư lưu ký tại ngân hàng lưu ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội.
- Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 17/04/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng khung giao dịch mua bán giấy tờ có giá và thực hiện giao dịch mua/bán giấy tờ có giá với Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 22/05/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng số 16B/2022/TVCB/CKCT07 - VIETINBANK ngày 29/09/2022 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) về việc chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ra công chúng của VietinBank.
- Nghị quyết số 165/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 29/09/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu, Tư vấn niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) với VietinBank.
- Nghị quyết số 191/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 14/11/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng khung giao dịch mua bán Giấy Tờ Có Giá và thực hiện giao dịch mua/bán Giấy Tờ Có Giá với Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Indovina (IVB).
- Nghị quyết số 213/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 15/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng với Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Nghị quyết số 215/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 18/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá Quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam để thực hiện gói mua sắm quà tặng cao cấp tri ân đối tác khách hàng nhân dịp năm mới 2026.
- Nghị quyết số 218/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 23/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng Đại lý đăng ký và Đại lý thanh toán Trái Phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) với VietinBank.
- Nghị quyết số 221/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 24/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bảo hiểm sức khỏe với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Nghị quyết số 230/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 31/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá Quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam để thực hiện gói mua sắm quà tặng phổ thông tri ân đối tác khách hàng nhân dịp năm mới 2026.



## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan; đồng thời thực hiện đầy đủ các quy định quản trị nội bộ theo Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2025, VBSE đã thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin, bao gồm Báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ, Báo cáo thường niên và các tài liệu theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, HĐQT đã hoạt động tích cực, trách nhiệm đối với triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Giám sát việc thực hiện tuân thủ các quy chế, quy định trong công tác quản trị công ty, thực hiện ban hành quy chế, quy định về quản trị Công ty khi cần thiết để bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2026 Hội đồng quản trị Công ty sẽ:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc giám sát tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật, thực hiện cập nhật quy định về quản trị công ty phù hợp với tình hình thực tế và các chuẩn mực theo quy định (nếu có).
- Tăng cường rà soát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo thông tin được truyền tải đến cổ đông minh bạch, chính xác và kịp thời.

06

## Báo cáo tài chính

- 87 Ý kiến Kiểm toán
- 87 Báo cáo tài chính được kiểm toán

## Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam

## Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty đã được công bố trên website của VBSE theo đường dẫn: ...

<https://www.vbse.vn/co-dong/vbse-cbtt-bao-cao-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2025-bao-cao-ty-le-atc-da-duoc-kiem-toan-nam-2025-vbse-disclosing-the-2025-audited-financial-statements-and-2025-audited-financial-safety-ratio-rep/>

Toàn văn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 được nêu chi tiết tại phụ lục đính kèm Báo cáo này.

## Thông tin về doanh nghiệp

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động</b>	Số 107/UBCK-GP để ngày 1 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 133/GPĐC-UBCK được cấp ngày 10 tháng 12 năm 2025.	
<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp</b>	Số 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 1 tháng 7 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 15) được cấp ngày 25 tháng 12 năm 2025.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>Ông Trần Phúc Vinh</b>	Chủ tịch
	<b>Bà Hồ Thị Thu Hiền</b>	Thành viên
	<b>Ông Vũ Đức Mạnh</b>	Thành viên
	<b>Bà Bùi Thị Thanh Thúy</b>	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/4/2025, miễn nhiệm ngày 18/11/2025)
	<b>Bà Trần Thu Trang</b>	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/11/2025)
	<b>Ông Phạm Việt Hùng</b>	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
	<b>Ông Đặng Anh Hòa</b>	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
	<b>Bà Phạm Thị Huyền Trang</b>	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>Bà Phan Thị Thu Hằng</b>	Trưởng Ban Kiểm soát
	<b>Bà Lâm Thị Thu Hường</b>	Thành viên
	<b>Bà Trần Thị Kim Oanh</b>	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>Ông Vũ Đức Mạnh</b>	Tổng Giám đốc
	<b>Ông Đặng Anh Hòa</b>	Phó Tổng Giám đốc
	<b>Ông Phạm Ngọc Hiệp</b>	Phó Tổng Giám đốc
	<b>Ông Nguyễn Tuấn Anh</b>	Phó Tổng Giám đốc
	<b>Bà Trần Thị Ngọc Tài</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	<b>Ông Trần Phúc Vinh</b>	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Trụ sở chính</b>	Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2, Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (tên trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam) ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Tập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho Bà Trần Thị Ngọc Tài – Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 31/2025/GUQ-CKCT ngày 27 tháng 2 năm 2025.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 92 đến trang 149. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Thị Ngọc Tài**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

## Báo cáo Kiểm toán độc lập

### Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (tên trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam) ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 03 tháng 03 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 92 đến trang 149.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 (28) 3823 0796, www.pwc.com/vn

# Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 2 năm 2025 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

## Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



### Đỗ Đức Hậu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2591-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4254  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

### Nguyễn Văn Nam

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5082-2025-006-1

# Báo cáo tình hình tài chính

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>12.312.369.495.806</b>	<b>8.598.346.699.061</b>
<b>110</b>	<b>Tài sản tài chính</b>		<b>12.302.972.861.088</b>	<b>8.590.785.882.831</b>
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	733.418.224.109	300.233.633.348
111.1	Tiền		733.418.224.109	300.233.633.348
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2(a)	2.067.592.404.950	2.572.643.782.442
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.2(b)	3.562.611.569.910	1.708.531.750.000
114	Các khoản cho vay	3.2(c)	4.964.252.752.264	3.241.314.421.264
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	3.2(d)	817.217.366.000	680.714.100.000
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	3.3	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
117	Các khoản phải thu		152.401.951.678	85.898.897.406
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	3.4(a)	11.900.000.000	1.040.000.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	3.4(b)	140.501.951.678	84.858.897.406
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		140.501.951.678	84.858.897.406
118	Trả trước cho người bán		1.277.835.599	2.581.536.807
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4(c)	8.681.604.742	2.593.001.367
122	Các khoản phải thu khác	3.4(d)	1.077.325.469	1.756.092.924
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.5	(747.805.495)	(670.964.589)
<b>130</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.396.634.718</b>	<b>7.560.816.230</b>
131	Tạm ứng		53.400.000	39.600.000
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		10.975.000	-
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.6(a)	9.239.567.487	7.456.523.999
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		88.000.000	60.000.000
136	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.14(a)	4.692.231	4.692.231
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>98.329.324.795</b>	<b>99.775.052.970</b>
220	Tài sản cố định		62.824.763.952	57.879.676.464
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	19.591.237.552	25.524.944.673
222	Nguyên giá		88.569.812.260	88.837.855.604
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(68.978.574.708)	(63.312.910.931)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	43.233.526.400	32.354.731.791
228	Nguyên giá		88.726.410.499	75.686.917.896
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(45.492.884.099)	(43.332.186.105)
<b>240</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>3.7(c)</b>	<b>145.300.000</b>	<b>4.313.869.770</b>
250	Tài sản dài hạn khác		35.359.260.843	37.581.506.736
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.086.840.000	1.090.840.000
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.6(b)	4.131.576.398	6.370.073.230
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8	20.000.000.000	20.000.000.000
255	Tài sản dài hạn khác	3.9	10.140.844.445	10.120.593.506
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>12.410.698.820.601</b>	<b>8.698.121.752.031</b>

# Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

MẪU SỐ B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.555.262.431.087</b>	<b>6.445.212.840.277</b>
310	Nợ phải trả ngắn hạn		9.534.204.197.869	6.422.042.545.663
311	Vay		8.422.953.273.232	6.330.591.455.000
312	Vay ngắn hạn	3.11	8.422.953.273.232	6.330.591.455.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.12	19.088.910.523	3.637.138.798
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.13	937.193.207.930	2.374.080.235
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		483.500.000	610.750.000
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.14(b)	71.514.917.534	28.428.679.180
323	Phải trả người lao động		44.889.263.760	25.385.286.983
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	28.470.498.961	22.501.894.483
327	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.606.975.603	328.881.744
328	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		24.360.000	-
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		2.061.786.642	1.645.004.142
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	4.917.503.684	6.539.375.098
<b>340</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>21.058.233.218</b>	<b>23.170.294.614</b>
351	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		573.435.256	641.202.624
356	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	3.17	20.484.797.962	22.529.091.990
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.855.436.389.514</b>	<b>2.252.908.911.754</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.855.436.389.514</b>	<b>2.252.908.911.754</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.134.349.460.553	1.494.812.190.553
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.18	2.126.934.380.000	1.487.383.110.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.126.934.380.000	1.487.383.110.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		7.415.080.553	7.429.080.553
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.19	49.773.892.800	-
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2.22(c)	7.000.641.200	7.000.641.200
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.20	664.312.394.961	751.096.080.001
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		631.867.774.163	679.190.110.930
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		32.444.620.798	71.905.969.071
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>12.410.698.820.601</b>	<b>8.698.121.752.031</b>

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

MẪU SỐ B01 – CTCK

# Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
			<b>Theo số lượng</b>	
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.1	212.693.438	148.738.311
			<b>Theo mệnh giá (VND)</b>	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) của công ty chứng khoán		1.129.474.140.000	1.317.569.840.000
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.109.474.140.000	1.185.769.840.000
	Tài sản tài chính giao dịch chờ thanh toán		-	800.000.000
	Tài sản tài chính giao dịch phong tỏa, tạm giữ		20.000.000.000	131.000.000.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		1.460.000	1.460.000
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		769.000.000.000	-
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán		435.724.560.000	1.296.683.440.000
	Trái phiếu không niêm yết		423.000.000.000	570.714.100.000
	Chứng chỉ tiền gửi		-	624.000.000.000
	Cổ phiếu không niêm yết		12.724.560.000	101.969.340.000
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
			<b>Theo mệnh giá (VND)</b>	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		27.408.484.060.000	26.808.941.070.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		14.494.759.051.000	14.422.296.540.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		767.161.210.000	684.048.390.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		6.009.989.750.000	4.300.960.240.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		5.875.201.160.000	7.341.278.240.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		261.372.889.000	60.357.660.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư		54.586.000.000	54.787.000.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		54.586.000.000	54.787.000.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		194.119.930.000	81.932.310.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của nhà đầu tư		-	1.083.230.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư		227.425.650.000	326.345.890.000

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

# Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

MẪU SỐ B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)</b>		Theo giá trị (VND)	
026	Tiền gửi của khách hàng		1.759.031.420.756	760.323.576.255
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.274.606.986.080	621.159.044.799
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		2.715.846.460	-
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		474.800.948.906	106.657.687.808
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		624.790.504	25.736.282.232
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước		105.993.630	22.881.441.484
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài		518.796.874	2.854.840.748
030	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán		6.282.848.806	6.770.561.416
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.752.748.571.950	753.553.014.839
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.750.489.973.650	749.108.887.801
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.258.598.300	4.444.127.038
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		6.282.848.806	6.770.561.416

# Báo cáo kết quả Hoạt động

MẪU SỐ B02 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		1.170.380.444.790	391.767.991.951
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1(a)	607.056.320.640	162.404.934.575
01.2	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	543.992.878.953	206.655.985.136
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	5.3	19.331.245.197	22.707.072.240
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM	5.4	179.953.509.828	119.525.223.514
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	5.5	434.202.879.200	319.637.893.115
04	Lãi từ tài sản tài chính AFS	5.6	79.861.979.479	64.879.576.528
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		180.787.476.455	105.190.238.623
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		3.202.727.273	1.120.000.000
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		290.000.000	-
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		12.793.796.811	12.989.457.983
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		21.603.874.720	8.865.183.340
11	Thu nhập hoạt động khác		12.765.257.761	8.271.188.358
<b>20</b>	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>2.095.841.946.317</b>	<b>1.032.246.753.412</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(643.669.743.348)	(249.612.249.079)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1(b)	(45.702.833.640)	(28.550.348.038)
21.2	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(597.941.994.454)	(220.987.596.628)
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(24.915.254)	(74.304.413)
23	Lỗ và ghi nhận đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		(1.240.051.903)	-
24	Hoàn nhập chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		-	15.690.000.000
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.7	(30.060.846.775)	(13.189.092.482)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.7	(135.904.637.609)	(75.989.121.786)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.7	(24.232.540.584)	(19.976.617.044)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	5.7	(14.093.152.792)	(12.802.328.051)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.7	(76.840.906)	(96.206.711)
<b>40</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(849.277.813.917)</b>	<b>(355.975.615.153)</b>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		53.562.390	-
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.207.908.609	2.411.361.570
44	Doanh thu khác về đầu tư		355.344.419	1.394.316.275

**Lưu Thị Tuyền**  
Người lập

**Nguyễn Thị Anh Thư**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Ngọc Tài**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 03 tháng 03 năm 2026

# Báo cáo kết quả Hoạt động (tiếp theo)

MẪU SỐ B02 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
<b>50</b>	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>5.8</b>	<b>2.616.815.418</b>	<b>3.805.677.845</b>
	<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
52	Chi phí lãi vay		(374.201.802.904)	(251.314.962.363)
55	Chi phí tài chính khác		(332.453.342)	(5.028.717.385)
<b>60</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>5.9</b>	<b>(374.534.256.246)</b>	<b>(256.343.679.748)</b>
<b>62</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>5.10</b>	<b>(160.467.913.465)</b>	<b>(138.618.995.359)</b>
<b>70</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>714.178.778.107</b>	<b>285.114.140.997</b>
	<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	Thu nhập khác		689.080.327	2.791.736.431
72	Chi phí khác		(215.006.499)	(514.352.650)
<b>80</b>	<b>TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>		<b>474.073.828</b>	<b>2.277.383.781</b>
<b>90</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>714.652.851.935</b>	<b>287.391.524.778</b>
91	Lợi nhuận đã thực hiện		768.601.967.436	301.723.136.270
92	Lỗ chưa thực hiện		(53.949.115.501)	(14.331.611.492)
<b>100</b>	<b>CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		<b>(137.281.266.975)</b>	<b>(56.304.750.480)</b>
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.11	(151.769.034.203)	(59.171.072.777)
100.2	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	5.11	14.487.767.228	2.866.322.297
<b>200</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>577.371.584.960</b>	<b>231.086.774.298</b>
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	3.19	49.773.892.800	-
301	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		49.773.892.800	-
<b>400</b>	<b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN</b>		<b>627.145.477.760</b>	<b>231.086.774.298</b>
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.12	2.715	971
502	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.12	<b>2.715</b>	<b>971</b>

**Lưu Thị Tuyền**  
Người lập

**Nguyễn Thị Anh Thu**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Ngọc Tài**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 03 tháng 03 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

# Báo cáo lưu chuyển Tiền tệ

MẪU SỐ B03B – CTCK

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>		<b>714.652.851.935</b>	<b>287.391.524.778</b>
<b>02</b>	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>326.437.019.804</b>	<b>(121.172.381.356)</b>
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		9.534.408.352	9.411.694.366
04	Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		76.840.906	(15.593.793.289)
06	Chi phí lãi vay		374.201.802.904	251.314.962.363
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(206.376.865)	(2.918.182)
08	Dự thu tiền lãi		(57.169.655.493)	(366.302.326.614)
<b>10</b>	<b>Biến động các chi phí phi tiền tệ</b>		<b>597.941.994.454</b>	<b>220.987.596.628</b>
11	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		597.941.994.454	220.987.596.628
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ		(543.992.878.953)	(206.655.985.136)
19	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(543.992.878.953)	(206.655.985.136)
<b>30</b>	<b>Tổng thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(2.744.078.884.407)</b>	<b>(363.036.867.205)</b>
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		451.102.261.991	(549.052.347.944)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(1.854.079.819.910)	74.000.000.000
33	Tăng các khoản cho vay		(1.722.938.331.000)	(464.511.770.975)
34	(Tăng)/giảm các tài sản tài chính AFS		(74.285.900.000)	87.364.847.369
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(10.860.000.000)	366.260.000.000
36	Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.526.601.221	474.430.863.860
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(6.088.603.375)	609.769.119
39	Giảm các khoản phải thu khác		1.986.468.663	345.490.990
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(24.775.000)	84.470.591
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		3.953.988.548	746.413.409
42	Giảm chi phí trả trước		410.922.549	7.977.624.305
43	Thuế TNDN đã nộp		(119.580.774.595)	(57.797.052.662)
44	Lãi vay đã trả		(372.187.186.974)	(246.255.683.399)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		950.143.649.420	(4.688.469.479)
47	Tăng thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		10.897.978.746	1.134.057.512
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		19.503.976.777	(1.786.077.628)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		2.651.468.991	(36.749.234.096)
51	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		308.000.000	224.000.000
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.518.810.459)	(15.373.768.177)
<b>60</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.649.039.897.167)</b>	<b>(182.486.112.291)</b>

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

# Báo cáo lưu chuyển

## Tiền tệ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B03B – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(10.323.456.230)	(18.789.297.553)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		186.125.926	2.918.182
<b>70</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.137.330.304)</b>	<b>(18.786.379.371)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.537.316.500
73	Tiền vay gốc		48.977.508.816.260	30.055.744.801.985
73.2	Tiền vay khác		48.977.508.816.260	30.055.744.801.985
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(46.885.146.998.028)	(29.980.629.160.286)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(46.885.146.998.028)	(29.980.629.160.286)
<b>80</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.092.361.818.232</b>	<b>76.652.958.199</b>
<b>90</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>433.184.590.761</b>	<b>(124.619.533.463)</b>
<b>101</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3.1</b>	<b>300.233.633.348</b>	<b>424.853.166.811</b>
101.1	Tiền		300.233.633.348	424.853.166.811
<b>103</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3.1</b>	<b>733.418.224.109</b>	<b>300.233.633.348</b>
103.1	Tiền		733.418.224.109	300.233.633.348

Giao dịch chủ yếu không sử dụng tiền trong năm bao gồm giao dịch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với giá trị là 639.551.270.000 Đồng (Thuyết minh 6.1).

# Báo cáo lưu chuyển

## Tiền tệ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B03B – CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,  
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	152.613.870.675.570	125.364.332.972.830
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(148.247.154.680.576)	(122.500.511.502.952)
07	Biến động tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng	(3.368.407.383.695)	(3.087.949.451.876)
07.1	Tiền gửi ký quỹ của khách hàng tại VSDC	2.406.266.701	-
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(1.519.320.889)	(1.957.121.795)
14	Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	4.039.511.373.078	6.387.869.426.204
15	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	(4.039.999.085.688)	(6.385.882.597.740)
20	Tặng/(giảm) tiền thuần trong năm	998.707.844.501	(224.098.275.329)
<b>30</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>760.323.576.255</b>	<b>984.421.851.584</b>
31	Tiền gửi ngân hàng	760.323.576.255	984.421.851.584
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	621.159.044.799	792.983.924.882
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	106.657.687.808	130.396.066.737
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.736.282.232	56.258.127.013
35	Tiền gửi của tổ chức phát hành trong đó có kỳ hạn	6.770.561.416	4.783.732.952
<b>40</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>1.759.031.420.756</b>	<b>760.323.576.255</b>
41	Tiền gửi ngân hàng	1.759.031.420.756	760.323.576.255
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.277.322.832.540	621.159.044.799
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	474.800.948.906	106.657.687.808
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	624.790.504	25.736.282.232
45	Tiền gửi của tổ chức phát hành trong đó có kỳ hạn	6.282.848.806	6.770.561.416

**Lưu Thị Tuyền**  
Người lập


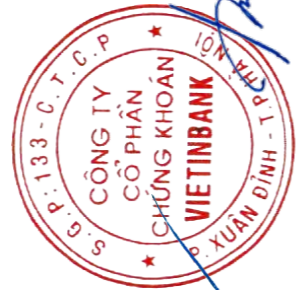


**Nguyễn Thị Anh Thư**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Ngọc Tài**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 03 tháng 03 năm 2026

# Báo cáo tình hình Biến động vốn chủ sở hữu

	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025		Tại ngày	
	1/1/2024 VND	1/1/2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2024 VND	31/12/2025 VND
<strong>I. Biến động vốn chủ sở hữu</strong>								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.493.533.622.734	1.494.812.190.553	1.278.567.819	-	639.551.270.000	(14.000.000)	1.494.812.190.553	2.134.349.460.553
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.487.383.110.000	1.487.383.110.000	-	-	639.551.270.000	-	1.487.383.110.000	2.126.934.380.000
1.3 Thặng dư vốn cổ phần	6.150.512.734	7.429.080.553	1.278.567.819	-	-	(14.000.000)	7.429.080.553	7.415.080.553
2. Cổ phiếu quỹ	(258.748.681)	-	-	258.748.681	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4.264.647.988	7.000.641.200	2.735.993.212	-	-	-	7.000.641.200	7.000.641.200
5. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	67.863.520.000	67.863.520.000	(67.863.520.000)	49.773.892.800	-	-	49.773.892.800
8. Lợi nhuận chưa phân phối	540.395.034.915	751.096.080.001	242.702.863.493	(32.001.818.407)	616.832.933.233	(703.616.618.273)	751.096.080.001	664.312.394.961
8.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	457.023.776.649	679.190.110.930	242.702.863.493	(20.536.529.212)	616.832.933.233	(664.155.270.000)	679.190.110.930	631.867.774.163
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	83.371.258.266	71.905.969.071	-	(11.465.289.195)	-	(39.461.348.273)	71.905.969.071	32.444.620.798
<strong>Tổng cộng</strong>	<strong>2.037.934.556.956</strong>	<strong>2.252.908.911.754</strong>	<strong>314.580.944.524</strong>	<strong>(99.606.589.726)</strong>	<strong>1.306.158.096.033</strong>	<strong>(703.630.618.273)</strong>	<strong>2.252.908.911.754</strong>	<strong>2.855.436.389.514</strong>
<strong>II. Thu nhập toán diện khác</strong>								
1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	-	-	63.131.320.000	(63.131.320.000)	49.773.892.800	-	-	49.773.892.800
4. Lãi toán diện khác	-	-	4.732.200.000	(4.732.200.000)	-	-	-	-
<strong>Tổng cộng</strong>	<strong>-</strong>	<strong>-</strong>	<strong>67.863.520.000</strong>	<strong>(67.863.520.000)</strong>	<strong>49.773.892.800</strong>	<strong>-</strong>	<strong>-</strong>	<strong>49.773.892.800</strong>

Lưu Thị Tuyền  
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Tài  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 03 tháng 03 năm 2026

## Thuyết minh Báo cáo tài chính

VỮNG BỀN GIÁ TRỊ  
SOI SÁNG THÀNH CÔNG

MẪU SỐ B09 – CTCK  
CHO NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (tên trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 1 tháng 7 năm 2009 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 1 tháng 7 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 15) được cấp ngày 25 tháng 12 năm 2025. Giấy phép Thành lập và Hoạt động thay đổi lần gần nhất được cấp ngày 10 tháng 12 năm 2025. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy phép Thành lập và Hoạt động thay đổi gần nhất, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 31 tháng 7 năm 2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là CTS. Ngày 20 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

#### Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2, Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### Thông tin liên hệ:

Email: cskh@vbse.vn | Điện thoại: (+84 24) 3974 1771

#### Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.

#### Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 244 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 241 nhân viên).

Quy mô vốn	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("ngày báo cáo") VND
Vốn điều lệ của Công ty	<strong>2.126.934.380.000</strong>
Tổng vốn chủ sở hữu	<strong>2.855.436.389.514</strong>
Tổng tài sản	<strong>12.410.698.820.601</strong>

**Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư**

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

**Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có 2 chi nhánh và 1 phòng giao dịch, trong đó:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) được thành lập theo Quyết định số 72/2000/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2000. Chi nhánh đặt tại Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5, Tòa nhà Văn phòng – Cao ốc Central Garden, Số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank – Chi nhánh Đà Nẵng (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng) được thành lập theo Quyết định số 1006/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 10 năm 2017. Chi nhánh đặt tại Tầng 8, Số 36 Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank – Phòng Giao dịch Bà Triệu (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Phòng Giao dịch Bà Triệu) được thành lập theo Quyết định số 1004/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2023. Phòng Giao dịch đặt tại Tầng 1, Số 306 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Ngày 9 tháng 4 năm 2018, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 20/GCN-UBCK chứng nhận Công ty đủ điều kiện cung cấp dịch vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh, bao gồm: môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh và tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.

**Thông tin khác**

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

**2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**Báo cáo tài chính đã được lập theo các quy định sau:**

- Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam;
- Thông tư 210/2014/TT-BTC để ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư 334/2016/TT-BTC để ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”) sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Công văn 6190/BTC-CĐKT để ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) hướng dẫn kế toán chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai, chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Thông tư 23/2018/TT-BTC để ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành;
- Thông tư 91/2020/TT-BTC để ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Thông tư 102/2025/TT-BTC để ngày 29 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 102/2025/TT-BTC”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Thông tư 114/2021/TT-BTC để ngày 17 tháng 12 năm 2021 (“Thông tư 114/2021/TT-BTC”) của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ;
- Các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường).

**2.2 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.8 và 3.2); và
- Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.8 và 3.3).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

### 2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### 2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

### 2.6 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

### 2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của công ty chứng khoán, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán đang được giữ trên tài khoản ngân hàng của Công ty, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

### 2.8 Tài sản tài chính

#### (a) Phân loại và đo lường

##### (i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tài sản tài chính này là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Tài sản tài chính này là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

##### (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL");
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS"); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm tài chính liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:

(i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc

(ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

### (iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Theo Quyết định 109/QĐ-VSD và 110/QĐ-VSD, từ ngày 29 tháng 8 năm 2022, các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng một ngày rưỡi (1,5) từ ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

### (iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại thời điểm báo cáo, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

**(b) Phân loại lại****(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL**

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ**

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào thu nhập/(lỗ) toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao đáng kể rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

**(d) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý**

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo hướng dẫn định giá trong sổ tay định giá và các quy định pháp lý có liên quan để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

**(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")**

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

**(ii) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC")**

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày định giá nhưng không quá một (1) tháng tính đến ngày định giá. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

**(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán**

Giá trị hợp lý được xác nhận dựa trên giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Nếu các trái phiếu này không có giao dịch trong vòng 14 ngày tính đến ngày báo cáo tình hình tài chính, giá trị hợp lý được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.

**(iv) Trái phiếu không niêm yết**

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

**(v) Chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF**

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại năm tài chính gần nhất tính đến ngày định giá.

**(vi) Chứng chỉ quỹ niêm yết**

Chứng chỉ quỹ niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

**(vii) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi**

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo gần nhất.

**(viii) Chứng chỉ tiền gửi**

Chứng chỉ tiền gửi được định giá bằng giá trị chứng chỉ cộng lãi phải thu tính tới ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

**(e) Hạch toán lãi/(lỗ)****Chi phí mua**

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

**Chi phí bán**

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

**Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán**

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

**Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

**2.9 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thu hồi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.10 Hợp đồng tương lai**

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

**Giao dịch môi giới**

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC".

**2.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp/cầm cố**

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản đầu tư đem đi thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

**2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")**

**TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình**

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính.

**Khấu hao**

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	<b>7 năm</b>
Máy móc, thiết bị	<b>3 – 7 năm</b>
Phương tiện vận tải	<b>6 năm</b>
Thiết bị văn phòng	<b>4 – 5 năm</b>
TSCĐ hữu hình khác	<b>4 năm</b>
Phần mềm máy tính	<b>3 – 5 năm</b>
Quyền sử dụng đất	<b>50 năm</b>

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

**Thanh lý**

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.13 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.15 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn**

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

**2.16 Nợ phải trả****(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

**(b) Phân loại**

- Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:
- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.17 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

**2.8 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.19 Thuế thu nhập của nhà đầu tư**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư.

Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

**2.20 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

**2.21 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được ước tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những yếu tố trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính.

**2.22 Vốn chủ sở hữu****(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý**

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

**(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ**

Theo Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, theo Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

**(d) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**(e) Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế TNDN hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

**2.23 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tình hình tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động.

**2.24 Tài sản của và nợ phải trả khách hàng**

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

**2.25 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán và doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, dựa vào mức độ hoàn thành của từng giao dịch trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày của báo cáo tình hình tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

**(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính**

Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính bao gồm lãi/(lỗ) từ đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL, lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ. Ảnh hưởng khi ghi nhận trên cơ sở thuận được trình bày ở Thuyết minh 5.2.

**(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính (tiếp theo)**

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn tài sản tài chính được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

**(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh**

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Thu nhập trên vốn kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

**(d) Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán**

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

**(e) Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

**2.26 Chi phí****(a) Ghi nhận**

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**(b) Phân loại**

- Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:
- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

**2.27 Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi phát sinh từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.28 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

**2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.31 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên một thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.32 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

**2.33 Số liệu bằng không**

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

**3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	188.373.434	659.991.582
Tiền gửi ngân hàng	733.110.512.061	299.423.939.461
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	119.338.614	149.702.305
	<b>733.418.224.109</b>	<b>300.233.633.348</b>

**3.2 Danh mục tài sản tài chính  
(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")**

Mã chứng khoán	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM</b>	<b>406.044.230.490</b>	<b>449.686.928.538</b>	<b>1.119.995.229.051</b>	<b>991.083.088.136</b>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	207.993.836.598	263.055.000.000	207.993.836.598	238.355.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	94.709.854.790	35.851.904.690	94.709.854.790	33.086.552.600
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	65.043.020.000	128.445.600.000	-	-
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lê – CTCP	35.065.711.200	15.787.475.100	35.065.711.200	14.757.705.900
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	3.219.058.835	6.526.484.000	145.368.280.000	122.963.890.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	-	209.884.904.009	170.925.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	-	-	95.760.195.000	91.636.540.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	87.709.460.862	71.336.582.400
Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	-	-	172.233.359.311	178.926.350.000
Công ty Cổ phần FECON	-	-	48.182.560.000	47.601.840.000
Tổng Công ty Hoá dầu Petrolimex – CTCP	-	-	11.514.470.798	10.339.840.000
Công ty Cổ phần Chương Dương	-	-	6.760.000.000	6.820.000.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	-	4.800.400.000	4.312.500.000
Cổ phiếu khác	12.749.067	20.464.748	12.196.483	21.287.236
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết và đăng ký giao dịch</b>	<b>8.594.595.370</b>	<b>1.716.278.075</b>	<b>56.403.758.012</b>	<b>277.935.936.411</b>
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	-	-	47.809.162.642	275.589.956.592
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tài tạo	7.630.000.000	-	7.630.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	956.136.400	1.713.540.776	956.136.400	2.343.252.260
Cổ phiếu khác	8.458.970	2.737.299	8.458.970	2.727.559
<b>Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu chính phủ</b>	<b>1.528.994.003.077</b>	<b>1.528.930.053.132</b>	<b>623.733.970.000</b>	<b>623.733.970.000</b>
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	79.263.649.315	80.867.945.205	44.600.000.000	44.600.000.000
Công ty Cổ phần Chương Dương	79.263.649.315	80.867.945.205	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	-	-	24.600.000.000	24.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Chứng chỉ quỹ</b>	<b>4.209.981.138</b>	<b>6.391.200.000</b>	<b>5.262.476.423</b>	<b>7.077.500.000</b>
Quỹ ETF DCVFMVN Diamond	4.209.981.138	6.391.200.000	5.262.476.423	7.077.500.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	628.213.287.895	628.213.287.895
	<b>2.027.106.459.390</b>	<b>2.067.592.404.950</b>	<b>2.478.208.721.381</b>	<b>2.572.643.782.442</b>

**Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL của Công ty như sau:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	406.044.230.490	121.781.575.939	(78.138.877.891)	449.686.928.538
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.594.595.370	758.041.797	(7.636.359.092)	1.716.278.075
Trái phiếu niêm yết	1.528.994.003.077	-	(63.949.945)	1.528.930.053.132
Trái phiếu không niêm yết	79.263.649.315	1.604.295.890	-	80.867.945.205
Chứng chỉ quỹ	4.209.981.138	2.181.218.862	-	6.391.200.000
	<b>2.027.106.459.390</b>	<b>126.325.132.488</b>	<b>(85.839.186.928)</b>	<b>2.067.592.404.950</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.119.995.229.051	37.125.861.491	(166.038.002.406)	991.083.088.136
Cổ phiếu chưa niêm yết	56.403.758.012	229.168.537.491	(7.636.359.092)	277.935.936.411
Trái phiếu niêm yết	623.733.970.000	-	-	623.733.970.000
Trái phiếu không niêm yết	44.600.000.000	-	-	44.600.000.000
Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	1.815.023.577	-	7.077.500.000
Chứng chỉ tiền gửi	628.213.287.895	-	-	628.213.287.895
	<b>2.478.208.721.381</b>	<b>268.109.422.559</b>	<b>(173.674.361.498)</b>	<b>2.572.643.782.442</b>

**(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn ("HTM")**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng đến 1 năm (*)</b>	<b>3.362.611.569.910</b>	<b>-</b>	<b>1.708.531.750.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở chính	1.244.506.662.376	-	1.304.700.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	600.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt	500.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội	380.920.657.534	-	35.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	237.184.250.000	-	68.831.750.000	-
Ngân hàng TMCP Lạc Phát Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	200.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	200.000.000.000	-	-	-
<b>Tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên 1 năm (*)</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	200.000.000.000	-	-	-
	<b>3.562.611.569.910</b>	<b>-</b>	<b>1.708.531.750.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5,0%/năm đến 6,2%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị là 3.562.611.569.910 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.708.531.750.000 Đồng) đã được dùng để làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 3.10).

**(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
<b>Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ (i)</b>	<b>4.892.465.609.033</b>	<b>(4.810.368.138)</b>	<b>3.193.557.161.274</b>	<b>(4.810.368.138)</b>
<b>Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)</b>	<b>71.787.143.231</b>	<b>-</b>	<b>47.757.259.990</b>	<b>-</b>
	<b>4.964.252.752.264</b>	<b>(4.810.368.138)</b>	<b>3.241.314.421.264</b>	<b>(4.810.368.138)</b>

**(i) Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ**

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch kỳ quỹ và các chứng khoán này được Công ty nắm giữ làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của nhà đầu tư. Giá trị thị trường của tổng tài sản bảo đảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 18.831.536.278.230 Đồng.

**(ii) Ứng trước tiền bán chứng khoán**

Ứng trước tiền bán chứng khoán là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh tại ngày giao dịch nhưng chưa đến hạn thanh toán, và sẽ được hoàn trả vào ngày thanh toán bù trừ của giao dịch bán đó.

**(d) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>103.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	62.000.000.000	103.200.000.000	-	-
<b>Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (*)</b>	<b>188.000.000.000</b>	<b>209.017.366.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	188.000.000.000	209.017.366.000	-	-
<b>Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết (*)</b>	<b>505.000.000.000</b>	<b>505.000.000.000</b>	<b>680.714.100.000</b>	<b>680.714.100.000</b>
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	180.000.000.000	180.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần DNP Holding	130.000.000.000	130.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tây Bắc	105.000.000.000	105.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	90.000.000.000	90.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy Điện Đắk Psi	-	-	120.714.100.000	120.714.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	-	-	110.000.000.000	110.000.000.000
	<b>755.000.000.000</b>	<b>817.217.366.000</b>	<b>680.714.100.000</b>	<b>680.714.100.000</b>

(\*) Toàn bộ các trái phiếu này được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.10).

**3.3 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (*)</b>	<b>4.810.368.138</b>	<b>4.810.368.138</b>

(\*) Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay ký quỹ đã được trích lập dự phòng suy giảm toàn bộ giá trị với giá trị gốc vay là 4.810.368.138 Đồng không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Công ty thực hiện theo dõi lãi dự thu phát sinh cho mục đích quản trị nội bộ và sẽ ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.810.368.138</b>	<b>4.810.368.138</b>
<b>Trích lập dự phòng trong năm</b>	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.810.368.138</b>	<b>4.810.368.138</b>

**3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
<b>(a) Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	<b>11.900.000.000</b>	-	<b>1.040.000.000</b>	-
Phải thu đáo hạn tài sản tài chính FVTPL (*)	11.900.000.000	-	-	-
Phải thu bán tài sản tài chính FVTPL	-	-	1.040.000.000	-
<b>(b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính</b>	<b>140.501.951.678</b>	-	<b>84.858.897.406</b>	-
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	83.332.296.185	-	44.154.600.723	-
Dự thu tiền lãi hoạt động cho vay ký quỹ	53.756.338.384	-	37.341.182.982	-
Dự thu tiền lãi trái phiếu không niêm yết	2.266.301.376	-	3.244.901.946	-
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán	168.385.314	-	54.924.084	-
Dự thu tiền lãi trái phiếu niêm yết	978.630.419	-	63.287.671	-
<b>(c) Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp</b>	<b>8.681.604.742</b>	<b>1.025.809.834</b>	<b>2.593.001.367</b>	<b>947.377.218</b>
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	2.147.434.169	1.011.400.639	2.085.714.899	932.968.023
Phải thu hoạt động tư vấn	4.296.055.750	-	293.588.480	-
Phải thu hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.410.000.000	-	-	-
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	567.186.398	-	185.529.449	-
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	110.000.000	-	-	-
Phải thu dịch vụ khác	150.928.425	14.409.195	28.168.539	14.409.195
<b>(d) Các khoản phải thu khác</b>	<b>1.077.325.469</b>	-	<b>1.756.092.924</b>	-
	<b>162.160.881.889</b>	<b>1.025.809.834</b>	<b>90.247.991.697</b>	<b>947.377.218</b>

(\*) Số dư thể hiện khoản phải thu về đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết của một tổ chức phát hành trong nước.

**3.5 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	Giá trị phải thu khó đòi			Dự phòng		
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Trả trước cho người bán	42.500.000	42.500.000	(42.500.000)	-	-	(42.500.000)
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	947.377.218	1.025.809.834	(628.464.589)	(212.204.084)	135.363.178	(705.305.495)
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	932.968.023	1.011.400.639	(614.055.394)	(212.204.084)	135.363.178	(690.896.300)
Phải thu dịch vụ khác	14.409.195	14.409.195	(14.409.195)	-	-	(14.409.195)
<b>Tổng cộng</b>	<b>989.877.218</b>	<b>1.068.309.834</b>	<b>(670.964.589)</b>	<b>(212.204.084)</b>	<b>135.363.178</b>	<b>(747.805.495)</b>

**3.6 Chi phí trả trước****(a) Ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí thuê văn phòng	4.371.349.127	4.878.384.519
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.868.218.360	2.578.139.480
	<b>9.239.567.487</b>	<b>7.456.523.999</b>

**(a) Dài hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	1.690.757.344	4.822.750.144
Chi phí công cụ, dụng cụ	710.058.977	1.056.360.629
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.730.760.077	490.962.457
	<b>4.131.576.398</b>	<b>6.370.073.230</b>

**3.7 TSCĐ****(a) TSCĐ hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị vốn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.890.829.636	48.131.035.628	22.390.230.857	13.387.019.483	38.740.000	88.837.855.604
Mua mới trong năm	-	254.880.000	-	-	-	254.880.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	-	1.197.653.397	-	-	-	1.197.653.397
Phân loại lại	-	8.732.189.578	-	(8.732.189.578)	-	-
Thanh lý	-	(374.617.861)	(679.280.000)	(666.678.880)	-	(1.720.576.741)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	4.890.829.636	57.941.140.742	21.710.950.857	3.988.151.025	38.740.000	88.569.812.260
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(4.890.829.636)	(36.811.826.509)	(15.749.839.515)	(5.821.675.271)	(38.740.000)	(63.312.910.931)
Khấu hao trong năm	-	(4.264.546.100)	(1.522.439.988)	(1.599.254.430)	-	(7.386.240.518)
Phân loại lại	-	(4.602.705.511)	-	4.602.705.511	-	-
Thanh lý	-	374.617.861	679.280.000	666.678.880	-	1.720.576.741
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(4.890.829.636)	(45.304.460.259)	(16.592.999.503)	(2.151.545.310)	(38.740.000)	(68.978.574.708)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	-	11.319.209.119	6.640.391.342	7.565.344.212	-	25.524.944.673
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	12.636.680.483	5.117.951.354	1.836.605.715	-	19.591.237.552

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 52.150.275.962 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 53.870.852.702 Đồng). Công ty không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

**(b) TSCĐ vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	39.439.384.884	36.247.533.012	75.686.917.896
Mua mới trong năm	-	2.571.000.000	2.571.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 7(c))	-	10.468.492.603	10.468.492.603
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	39.439.384.884	49.287.025.615	88.726.410.499
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(7.936.235.359)	(35.395.950.746)	(43.332.186.105)
Khấu hao trong năm	(790.396.368)	(1.370.301.626)	(2.160.697.994)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(8.726.631.727)	(36.766.252.372)	(45.492.884.099)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	31.503.149.525	851.582.266	32.354.731.791
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	30.712.753.157	12.520.773.243	43.233.526.400

Quyền sử dụng đất liên quan đến quyền sử dụng 483 m2 đất tại Phố Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm, kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2014. Toàn bộ quyền sử dụng đất đang được dùng để bảo đảm cho các khoản Công ty vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Thuyết minh 3.10).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 34.590.283.012 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 34.590.283.012 Đồng).

Công ty không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán TSCĐ vô hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí phát triển phần mềm	-	4.001.224.000
Khác	145.300.000	312.645.770
	<b>145.300.000</b>	<b>4.313.869.770</b>

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu năm	4.313.869.770	-
Tăng trong năm	7.497.576.230	4.313.869.770
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.7(a))	(1.197.653.397)	-
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.7(b))	(10.468.492.603)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>145.300.000</b>	<b>4.313.869.770</b>

**3.8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSDC, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại VSDC và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiền nộp bổ sung	10.285.174.778	10.285.174.778
Tiền lãi phân bổ	6.560.385.111	6.560.385.111
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**3.9 Tiền nộp Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh**

Theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 4 năm 2025 của VSDC, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	140.844.445	120.593.506
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.140.844.445</b>	<b>10.120.593.506</b>

**3.10 Tài sản đã cầm cố, thế chấp**

	Mục đích cầm cố/ thế chấp		Căn cứ định giá	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 3.2(a))</b>				
Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu chính phủ	-	147.002.780.000	Theo giá trị thị trường	
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	-	44.600.000.000	Theo giá trị sổ sách	
Chứng chỉ tiền gửi	-	164.389.516.834	Theo giá trị sổ sách	
<b>Các khoản đầu tư HTM (Thuyết minh 3.2(b))</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.562.611.569.910	1.708.531.750.000	Theo giá trị sổ sách	1.708.531.750.000
<b>Tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.2(d))</b>				
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	693.000.000.000	680.714.100.000	Theo giá trị sổ sách	-
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	188.000.000.000	505.000.000.000	Theo giá trị sổ sách	680.714.100.000
<b>TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.7(b))</b>				
Quyền sử dụng đất	30.712.753.157	31.503.149.525	Theo giá trị sổ sách còn lại	31.503.149.525
	<b>4.286.324.323.067</b>	<b>2.776.741.296.359</b>		

**3.11 Các khoản vay**

Biến động các khoản vay trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2025 VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>5.301.096.820.000</b>	<b>44.973.508.816.260</b>	<b>(42.889.652.363.028)</b>	<b>7.384.953.273.232</b>
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	700.000.000.000	3.121.985.637.143	(3.121.985.637.143)	700.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	620.730.000.000	1.561.712.000.000	(1.914.147.446.000)	268.294.554.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Định Công	600.000.000.000	3.281.310.618.501	(3.881.310.618.501)	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	500.000.000.000	2.005.947.212.857	(2.505.947.212.857)	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Hội sở chính	474.486.540.000	3.083.985.785.000	(2.752.952.392.143)	805.519.932.857
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội	444.000.000.000	1.699.219.550.000	(2.143.219.550.000)	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	370.663.500.000	6.127.211.170.262	(4.943.813.672.646)	1.554.060.997.616
Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc – Chi nhánh Hà Nội	300.000.000.000	400.000.000.000	(400.000.000.000)	300.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	248.380.000.000	-	(248.380.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu – Chi nhánh Hà Nội	200.000.000.000	3.104.355.978.465	(2.842.963.079.706)	461.392.898.759
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Trụ sở chính	165.834.000.000	200.000.000.000	(365.834.000.000)	-
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại – Chi nhánh Thăng Long	150.000.000.000	130.925.000.000	(280.925.000.000)	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	147.002.780.000	-	(147.002.780.000)	-
Ngân hàng iM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	120.000.000.000	240.000.000.000	(360.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	10.862.621.407.324	(10.962.621.407.324)	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội	90.000.000.000	270.000.000.000	(270.000.000.000)	90.000.000.000
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	70.000.000.000	210.000.000.000	(210.000.000.000)	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	1.895.909.294.000	(1.466.897.790.000)	429.011.504.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở chính	-	855.033.936.708	(855.033.936.708)	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Hội sở chính	-	2.095.396.650.000	(2.095.396.650.000)	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	600.000.000.000	(500.000.000.000)	100.000.000.000
Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	261.221.190.000	(261.221.190.000)	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	-	719.990.000.000	(360.000.000.000)	359.990.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thăng Long	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	-	446.683.386.000	-	446.683.386.000
<b>Vay các tổ chức khác</b>	<b>1.029.494.635.000</b>	<b>4.004.000.000.000</b>	<b>(3.995.494.635.000)</b>	<b>1.038.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	-	290.000.000.000	(290.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	639.494.635.000	2.174.000.000.000	(2.285.494.635.000)	528.000.000.000
Công ty Cổ phần Dây điện Và Phích cắm Trần Phú	-	290.000.000.000	(200.000.000.000)	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Thế giới Di động	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt	90.000.000.000	90.000.000.000	(180.000.000.000)	-
Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng TNHH MB Shinsei	300.000.000.000	770.000.000.000	(750.000.000.000)	320.000.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Công nghệ Dịch vụ Hùng Duy	-	290.000.000.000	(290.000.000.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.330.591.455.000</b>	<b>48.977.508.816.260</b>	<b>(46.885.146.998.028)</b>	<b>8.422.953.273.232</b>

Số dư thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác có thời gian đáo hạn dưới một năm, trong đó có một số khoản vay có tài sản bảo đảm như được trình bày ở Thuyết minh 3.10. Gốc vay được trả một lần vào cuối thời hạn của từng lần giải ngân. Lãi suất của các khoản vay là từ 4,45%/năm đến 8,60%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,5%/năm đến 6,3%/năm). Mục đích của các khoản vay là để tài trợ cho hoạt động đầu tư và vốn lưu động của Công ty.

Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**3.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	3.206.091.326	845.900.826
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	1.403.151.466	782.663.556
Phải trả VSDC	774.284.990	698.399.195
Phải trả các tổ chức phát hành về phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	13.285.295.800	875.834.800
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	420.086.941	434.340.421
	<b>19.088.910.523</b>	<b>3.637.138.798</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán. Công ty có khả năng thanh toán được toàn bộ các khoản phải trả này.

**3.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả mua trái phiếu chính phủ (*)	922.287.580.000	-
Phải trả mua hàng hóa dịch vụ	14.905.627.930	2.374.080.235
	<b>937.193.207.930</b>	<b>2.374.080.235</b>

(\*) Đây là khoản phải trả mua trái phiếu chính phủ niêm yết theo hợp đồng mua bán trái phiếu chính phủ để ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giao dịch mua trái phiếu chính phủ này đã được khớp lệnh trên sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty đã thanh toán khoản phải trả này trong tháng 1 năm 2026.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán. Công ty có khả năng thanh toán được toàn bộ các khoản phải trả này.

**3.14 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn/ thực nộp trong năm VND	Cấn trừ VND	Tại ngày 31/12/2025 VND
<b>(a) Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	-	131.811.165	-	(131.811.165)	-
Thuế khác	4.692.231	-	-	-	4.692.231
	<b>4.692.231</b>	<b>131.811.165</b>	<b>-</b>	<b>(131.811.165)</b>	<b>4.692.231</b>
<b>(b) Phải trả</b>					
Thuế GTGT đầu ra	319.963.998	3.819.003.558	(3.021.412.637)	(131.811.165)	985.743.754
Thuế TNDN – hiện hành	20.697.218.046	151.769.034.203	(119.580.774.595)	-	52.885.477.654
Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	4.089.435.700	21.246.150.437	(19.288.812.499)	-	6.046.773.638
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	3.322.061.436	80.830.394.636	(72.555.533.584)	-	11.596.922.488
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	441.782.251	(441.782.251)	-	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí khác	-	191.094	(191.094)	-	-
	<b>28.428.679.180</b>	<b>258.112.556.179</b>	<b>(214.894.506.660)</b>	<b>(131.811.165)</b>	<b>71.514.917.534</b>

**3.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí lãi vay	20.889.785.177	18.875.169.247
Chi phí dịch vụ cộng tác viên môi giới	7.151.417.895	3.063.227.393
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	429.295.889	563.497.843
	<b>28.470.498.961</b>	<b>22.501.894.483</b>

**3.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động về Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.539.375.098</b>	<b>4.042.818.595</b>
Trích lập trong năm (Thuyết minh 6.1)	24.604.000.000	17.800.536.000
Tiền khen thưởng tập thể	308.000.000	224.000.000
Khấu hao của TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.530.160)	(12.530.160)
Sử dụng trong năm	(26.521.341.254)	(15.515.449.337)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.917.503.684</b>	<b>6.539.375.098</b>

**3.17 Thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Thuế TNDN hoãn lại</b>		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	20.484.797.962	22.529.091.990

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu năm	22.529.091.990	25.613.864.751
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.11)	(14.487.767.228)	(3.084.772.761)
Ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện	12.443.473.200	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.484.797.962</b>	<b>22.529.091.990</b>

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2025 là 20% (năm 2024: 20%).
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả chủ yếu đến từ chênh lệch tăng về đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và tài sản tài chính AFS.

**3.18 Vốn góp của chủ sở hữu**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	31/12/2025	31/12/2024
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	212.693.438	148.738.311
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	212.693.438	148.738.311
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	212.693.438	148.738.311

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	160.873.331	75,64%	112.505.658	75,64%
Các cổ đông khác	51.820.107	24,36%	36.232.653	24,36%
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>212.693.438</b>	<b>100,00%</b>	<b>148.738.311</b>	<b>100,00%</b>

**3.18 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)**

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu quỹ VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	<b>1.487.383.110.000</b>	<b>(258.748.681)</b>	<b>1.487.124.361.319</b>
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	258.748.681	258.748.681
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.487.383.110.000	-	1.487.383.110.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh 6.1)	639.551.270.000	-	639.551.270.000
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>2.126.934.380.000</b>	<b>-</b>	<b>2.126.934.380.000</b>

**3.19 Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý	62.217.366.000	-
Trừ: thuế TNDN hoãn lại	(12.443.473.200)	-
	<b>49.773.892.800</b>	<b>-</b>

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	49.773.892.800	39.718.877.000
Phân loại lại vào báo cáo kết quả hoạt động khi bán	-	(39.718.877.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>49.773.892.800</b>	<b>-</b>

**3.20 Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	631.867.774.163	679.190.110.930
Lợi nhuận chưa thực hiện	32.444.620.798	71.905.969.071
<b>Tổng cộng</b>	<b>664.312.394.961</b>	<b>751.096.080.001</b>

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính như sau

	Số dư tại ngày 31/12/2024 VND	Lợi nhuận/(lỗ) trong năm VND	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi VND (Thuyết minh 6.1)	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức VND (Thuyết minh 6.1)	Số dư tại ngày 31/12/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	679.190.110.930	616.832.933.233	(24.604.000.000)	(639.551.270.000)	631.867.774.163
Lợi nhuận chưa thực hiện	71.905.969.071	(39.461.348.273)	-	-	32.444.620.798
Lợi nhuận chưa phân phối	751.096.080.001	577.371.584.960	(24.604.000.000)	(639.551.270.000)	664.312.394.961

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**4.1 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2025	31/12/2024
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	63.955.127	148.738.311
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	148.738.311	148.738.311
	<b>212.693.438</b>	<b>148.738.311</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
**5.1 Lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
<b>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</b>	<b>607.056.320.640</b>	<b>162.404.934.575</b>
Trong đó:		
Cổ phiếu niêm yết	255.381.867.448	69.648.961.380
Cổ phiếu chưa niêm yết	278.556.116.822	46.228.757.700
Trái phiếu niêm yết	40.481.418.428	32.279.496.777
Trái phiếu không niêm yết	20.809.997.513	6.897.405.935
Chứng chỉ tiền gửi	11.826.920.429	7.350.312.783
<b>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</b>	<b>(45.702.833.640)</b>	<b>(28.550.348.038)</b>
Trong đó:		
Cổ phiếu niêm yết	(15.518.832.653)	(1.838.325.561)
Cổ phiếu chưa niêm yết	(167.816)	(2.403.327.700)
Trái phiếu niêm yết	(27.240.481.351)	(24.308.694.777)
Trái phiếu không niêm yết	(2.943.351.820)	-
<b>Lãi ròng</b>	<b>561.353.487.000</b>	<b>133.854.586.537</b>

**5.1 Lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

**(a) Lãi từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND (*)	Lãi bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	52.821.029	1.091.008.065.025	835.626.197.577	255.381.867.448	69.648.961.380
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.324.338	326.365.360.464	47.809.243.642	278.556.116.822	46.228.757.700
Trái phiếu niêm yết	385.289.700	40.972.828.873.000	40.932.347.454.572	40.481.418.428	32.279.496.777
Trái phiếu không niêm yết	4.555.573	9.494.208.225.252	9.473.398.227.739	20.809.997.513	6.897.405.935
Chứng chỉ tiền gửi	1.532.218	4.816.991.580.747	4.805.164.660.318	11.826.920.429	7.350.312.783
<b>453.522.858</b>	<b>56.701.402.104.488</b>	<b>56.094.345.783.848</b>	<b>56.094.345.783.848</b>	<b>607.056.320.640</b>	<b>162.404.934.575</b>

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**(b) Lỗ từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND (*)	Lỗ bán năm nay VND	Lỗ bán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	6.287.506	148.509.291.000	164.028.123.653	(15.518.832.653)	(1.838.325.561)
Cổ phiếu chưa niêm yết	24	148.800	316.616	(167.816)	(2.403.327.700)
Trái phiếu niêm yết	28.890.000	3.228.815.580.000	3.256.056.061.351	(27.240.481.351)	(24.308.694.777)
Trái phiếu không niêm yết	250	247.462.093.950	250.405.445.770	(2.943.351.820)	-
Chứng chỉ tiền gửi	35.177.780	3.624.787.113.750	3.670.489.947.390	(45.702.833.640)	(28.550.348.038)

(\*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

**5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (i)	543.992.878.953	206.655.985.136
Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (ii)	(597.941.994.454)	(220.987.596.628)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(53.949.115.501)</b>	<b>(14.331.611.492)</b>

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ. Nếu Công ty thực hiện ghi nhận trên cơ sở số thuận, chỉ tiêu (i) và chỉ tiêu (ii) ở trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ giảm tương ứng là 685.721.769.279 Đồng.

**Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:**

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lãi lũy kế tại ngày		Chênh lệch đánh giá (Lỗ)/lãi ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm	
			31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	406.044.230.490	449.686.928.538	43.642.698.048	(128.912.140.915)	172.554.838.963	172.554.838.963
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.594.595.370	1.716.278.075	(6.878.317.295)	221.532.178.399	(228.410.495.694)	(228.410.495.694)
Trái phiếu niêm yết	1.528.994.003.077	1.528.930.053.132	(63.949.945)	-	(63.949.945)	(63.949.945)
Trái phiếu không niêm yết	79.263.649.315	80.867.945.205	1.604.295.890	-	1.604.295.890	1.604.295.890
Chứng chỉ quỹ	4.209.981.138	6.391.200.000	2.181.218.862	1.815.023.577	366.195.285	366.195.285
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.027.106.459.390</b>	<b>2.067.592.404.950</b>	<b>40.485.945.560</b>	<b>94.435.061.061</b>	<b>(53.949.115.501)</b>	<b>(53.949.115.501)</b>

**5.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Cổ tức	11.543.259.800	8.906.678.600
Trái tức	7.783.950.687	13.762.537.224
Lãi chứng chỉ tiền gửi	4.034.710	37.856.416
	<b>19.331.245.197</b>	<b>22.707.072.240</b>

**5.4 Lãi từ các khoản đầu tư HTM**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	177.761.919.984	119.525.223.514
Lãi chứng chỉ tiền gửi	2.191.589.844	-
	<b>179.953.509.828</b>	<b>119.525.223.514</b>

**5.5 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Cho vay ký quỹ	419.301.565.066	306.985.981.793
Ứng trước tiền bán chứng khoán	14.901.314.134	12.651.911.322
	<b>434.202.879.200</b>	<b>319.637.893.115</b>

**5.6 Lãi từ tài sản tài chính AFS**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Trái phiếu	79.861.979.479	55.361.025.708
Chứng chỉ tiền gửi	-	1.900.000.000
Cổ phiếu	-	1.500.000.000
Công cụ thị trường tiền tệ khác	-	6.118.550.820
	<b>79.861.979.479</b>	<b>64.879.576.528</b>

**5.7 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
<b>Chi phí hoạt động tự doanh</b>	<b>30.060.846.775</b>	<b>13.189.092.482</b>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	17.134.692.330	6.761.326.668
Phí giao dịch chứng khoán tự doanh	5.526.744.049	3.516.092.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.520.892.475	1.101.870.332
Chi phí khác	4.878.517.921	1.809.803.077
<b>Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán</b>	<b>135.904.637.609</b>	<b>75.989.121.786</b>
Chi phí dịch vụ cộng tác viên	48.662.189.115	19.267.115.591
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	31.941.477.784	22.314.718.712
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	34.005.897.418	19.444.366.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.186.407.542	5.971.326.054
Chi phí khác	10.108.665.750	8.991.594.830

<b>Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán</b>	<b>24.232.540.584</b>	<b>19.976.617.044</b>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	11.036.657.516	8.820.407.680
Phí lưu ký chứng khoán cho khách hàng	8.440.054.460	7.897.322.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.743.917.172	2.118.209.246
Chi phí khác	2.011.911.436	1.140.677.443
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	14.093.152.792	12.802.328.051
Chi phí các dịch vụ khác	76.840.906	96.206.711
<b>Tổng cộng</b>	<b>204.368.018.666</b>	<b>122.053.366.074</b>

**5.8 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.207.908.609	2.411.361.570
Doanh thu hoạt động tài chính khác	355.344.419	1.394.316.275
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	53.562.390	-
	<b>2.616.815.418</b>	<b>3.805.677.845</b>

**5.9 Chi phí tài chính**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	374.201.802.904	251.314.962.363
Chi phí tài chính khác	332.453.342	5.028.717.385
	<b>374.534.256.246</b>	<b>256.343.679.748</b>

**5.10 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	93.301.191.555	79.098.796.764
Chi phí vật tư văn phòng	2.044.044.881	2.324.460.545
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.382.856.036	2.559.085.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.141.536.798	7.371.056.859
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.041.253.333	3.563.953.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.537.713.780	27.592.689.502
Chi phí quản lý khác	24.019.317.082	16.108.952.881
	<b>160.467.913.465</b>	<b>138.618.995.359</b>

**5.11 Thuế TNDN**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	714.652.851.935	287.391.524.778
Thuế tính ở thuế suất 20%:	142.930.570.387	57.478.304.956
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(2.308.651.960)	(2.081.335.720)
Chi phí không được khấu trừ	519.878.790	907.781.244
Khác	(3.860.530.242)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	137.281.266.975	56.304.750.480
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động :		
Thuế TNDN – hiện hành (Thuyết minh 3.14)	151.769.034.203	59.171.072.777
Thuế TNDN – hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	(14.487.767.228)	(2.866.322.297)
<b>Chi phí thuế TNDN (*)</b>	<b>137.281.266.975</b>	<b>56.304.750.480</b>

- (\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.
- Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**5.12 Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính, trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2026 và có thể có sự khác biệt.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
		Tính lại (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	577.371.584.960	231.086.774.298
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(24.604.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	577.371.584.960	206.482.774.298
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	212.693.438	212.693.438
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>2.715</b>	<b>971</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được tính lại để điều chỉnh cho số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh 6.1) theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây		Số liệu tính toán lại
		Điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	231.086.774.298	-	231.086.774.298
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(24.604.000.000)	(24.604.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	231.086.774.298	(24.604.000.000)	206.482.774.298
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (ii)	148.738.311	63.955.127	212.693.438
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.554</b>		<b>971</b>

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 mà Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt trong năm 2025 (Thuyết minh 6.1).

(ii) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho tất cả các kỳ báo cáo sẽ được điều chỉnh hồi tố nếu số lượng cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu phổ thông tiềm năng đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

Do đó, số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định bằng tổng của:

Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu lưu hành trong năm;

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2024 (Thuyết minh 6.1) với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành từ ngày đầu kỳ báo cáo là ngày 1 tháng 1 năm 2024.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2025	1.487.383.110.000	7.429.080.553	-	-	7.000.641.200	751.096.080.001	2.252.908.911.754
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	577.371.584.960	577.371.584.960
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 3.16) (i)	-	-	-	-	-	(24.604.000.000)	(24.604.000.000)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (ii)	639.551.270.000	-	-	-	-	(639.551.270.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(14.000.000)	-	-	-	-	(14.000.000)
Chênh lệch đánh giá các tài sản tài chính AFS	-	-	-	62.217.366.000	-	-	62.217.366.000
Biến động khác	-	-	-	(12.443.473.200)	-	-	(12.443.473.200)
<b>Tại ngày 31.12.2025</b>	<b>2.126.934.380.000</b>	<b>7.415.080.553</b>	<b>-</b>	<b>49.773.892.800</b>	<b>7.000.641.200</b>	<b>664.312.394.961</b>	<b>2.855.436.389.514</b>
Tại ngày 1.1.2024	1.487.383.110.000	6.150.512.734	(258.748.681)	-	4.264.647.988	540.395.034.915	2.037.934.556.956
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	231.086.774.298	231.086.774.298
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.800.536.000)	(17.800.536.000)
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	-	2.735.993.212	(2.735.993.212)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.278.567.819	258.748.681	-	-	-	1.537.316.500
Chênh lệch đánh giá các tài sản tài chính AFS	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	150.800.000	150.800.000
<b>Tại ngày 31.12.2024</b>	<b>1.487.383.110.000</b>	<b>7.429.080.553</b>	<b>-</b>	<b>49.773.892.800</b>	<b>7.000.641.200</b>	<b>751.096.080.001</b>	<b>2.252.908.911.754</b>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-DHĐCD-CKCT để ngày 24 tháng 4 năm 2025, mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 24.604.000.000 Đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm 2024.  
(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-DHĐCD-CKCT để ngày 24 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 639.574.733 cổ phiếu.  
Theo Nghị quyết số 92/2025/NQ-HĐQT-CKCT của Hội đồng Quản trị để ngày 13 tháng 5 năm 2025; Hội đồng Quản trị đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.  
Theo Báo cáo phát hành số 90/2025/CV-CKCT07+12 ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Công ty, Công ty đã thực hiện phân phối 63.955.127 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tương ứng với tỷ lệ thực hiện là 100,43 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành.  
Theo Công văn số 2918/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") ngày 27 tháng 6 năm 2025, UBCKNN xác nhận đã nhận được Tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức để ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Công ty.

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

6.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	679.190.110.930	457.023.776.649
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	616.832.933.233	242.702.863.493
Số đã phân phối trong năm	(664.155.270.000)	(20.536.529.212)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	(639.551.270.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(24.604.000.000)	(17.800.536.000)
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(2.735.993.212)
<b>Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông</b>	<b>631.867.774.163</b>	<b>679.190.110.930</b>

7. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, ngân hàng mẹ do nắm giữ 75,64% vốn góp của chủ sở hữu của Công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện của chủ sở hữu của ngân hàng mẹ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>		
Doanh thu phí lưu ký trái phiếu	71.926.108	516.858.724
Doanh thu từ lãi tiền gửi	2.087.198.367	1.482.443.973
Lãi tiền gửi giao dịch chứng khoán	2.327.643.397	1.349.237.431
Doanh thu phí tư vấn phát hành	380.000.000	-
Doanh thu phí dịch vụ đại lý đăng ký trái phiếu	148.000.000	-
Doanh thu phí tư vấn chào bán cổ phiếu	100.000.000	-
Doanh thu phí dịch vụ trả cổ tức	50.000.000	-
Doanh thu phí quản lý sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	50.000.000	-
Doanh thu phí dịch vụ tư vấn niêm yết trái phiếu	318.181.818	340.000.000
Doanh thu khác	21.097.870	74.308.455
Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	-	2.219.707.840
Chi phí thuê văn phòng	1.182.720.000	2.952.000.000
Chi phí chuyển tiền	13.083.565	28.774.515
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	483.676.730.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công Thương Việt Nam</b>		
Chi phí mua bảo hiểm phân bổ	1.294.731.256	1.080.132.295

Các thuyết minh từ trang 102 đến trang 149 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

<b>Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>		
Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	18.863.483	20.318.257
Chi phí lãi tiền gửi	447.997	834.207
<b>Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>		
Lãi bán chứng chỉ tiền gửi	241.150.975	-
Lãi bán trái phiếu	31.897.500	-
Doanh thu phí môi giới	9.414.671	-
Mua vật tư trong năm	936.992.000	284.948.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	19.066.223.900	13.237.440.489

(\*) Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày		
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch	3.003.736.905	2.253.425.706
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên	444.701.145	290.788.762
Ông Vũ Đức Mạnh	Thành viên	Xem bên dưới	Xem bên dưới
Bà Bùi Thị Thanh Thúy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/4/2025, miễn nhiệm ngày 18/11/2025)	72.517.420	-
Bà Trần Thu Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/11/2025)	245.025.135	-
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	803.623.810	-
Bà Phạm Thị Huyền Trang	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	292.314.286	566.014.740
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 9/4/2024)	-	245.342.105
		4.861.918.701	3.355.571.313
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	1.441.320.643	1.116.269.961
Bà Lâm Thị Thu Hương	Thành viên	780.280.644	612.589.637
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	859.216.162	668.172.273
		3.080.817.449	2.397.031.871
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	2.999.965.000	2.123.610.768
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc	2.123.924.508	1.483.571.733
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	2.063.115.171	1.334.918.072
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.979.635.523	1.274.636.171
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.956.847.548	1.268.100.561
		11.123.487.750	7.484.837.305

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>		
Tiền gửi thanh toán của Công ty	82.063.611.275	84.009.740.384
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	836.584.639.809	556.798.332.281
Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	1.911.733	15.600.884
Phải thu phí tư vấn chào bán cổ phiếu	110.000.000	-
Phải thu phí dịch vụ trả cổ tức	55.000.000	-
Đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi	-	175.500.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.480.096	7.480.096
Các khoản phải trả	604.747.416	604.747.416
Doanh thu chưa thực hiện	<b>365.380.410</b>	<b>346.397.427</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công Thương Việt Nam</b>		
Phí bảo hiểm trả trước	1.074.325.641	1.019.996.172
Phải trả phí bảo hiểm	-	<b>4.160.000</b>
<b>Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	<b>257.921.168</b>	<b>189.830.654</b>
<b>Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	100.173	-
Phải trả tiền mua vật tư	<b>949.630.000</b>	<b>309.474.000</b>

## 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

### (a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

### (b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ khách hàng tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, đầu tư tài sản tài chính HTM và tài sản tài chính AFS.

Bộ phận bảo lãnh phát hành tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.

Bộ phận tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

## Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Bảo lãnh phát hành VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	640.549.410.227	1.430.195.934.097	3.202.727.273	21.893.874.720	2.095.841.946.317
Chi phí	(160.214.019.099)	(674.970.642.026)	-	(14.093.152.792)	(849.277.813.917)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(150.909.090.027)	(75.133.275.076)	-	(12.761.617.615)	(238.803.982.718)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	(597.941.994.454)	-	-	(597.941.994.454)
Chi phí khấu hao TSCĐ	(2.469.503.145)	(558.174.957)	-	(365.193.452)	(3.392.871.554)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(6.835.425.927)	(1.337.197.539)	-	(966.341.725)	(9.138.965.191)
<b>Kết quả bộ phận</b>	<b>480.335.391.128</b>	<b>755.225.292.071</b>	<b>3.202.727.273</b>	<b>7.800.721.928</b>	<b>1.246.564.132.400</b>
Chi phí tài chính thuần					(371.917.440.828)
Thu nhập khác thuần					474.073.828
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(160.467.913.465)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					<b>714.652.851.935</b>

(\*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Bảo lãnh phát hành VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	446.088.778.079	576.172.791.993	1.120.000.000	8.865.183.340	1.032.246.753.412
Chi phí	(96.061.945.541)	(247.111.341.561)	-	(12.802.328.051)	(355.975.615.153)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(89.967.951.506)	(25.126.172.719)	-	(11.249.269.625)	(126.343.393.850)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	(220.987.596.628)	-	-	(220.987.596.628)
Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.212.409.280)	(243.740.146)	-	(348.085.197)	(1.804.234.623)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(4.881.584.755)	(753.832.068)	-	(1.204.973.229)	(6.840.390.052)
<b>Kết quả bộ phận</b>	<b>350.026.832.538</b>	<b>329.061.450.432</b>	<b>1.120.000.000</b>	<b>(3.937.144.711)</b>	<b>676.271.138.259</b>
Chi phí tài chính thuần					(252.538.001.903)
Thu nhập khác thuần					2.277.383.781
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(138.618.995.359)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					287.391.524.778

(\*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

## Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Bảo lãnh phát hành VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	5.046.703.021.235	6.546.017.907.454	1.520.000.000	4.296.055.750	11.598.536.984.439
Tài sản phân bổ (*)	248.162.378.649	554.088.130.085	1.240.804.231	8.482.149.763	811.973.462.728
Tài sản không phân bổ					188.373.434
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.294.865.399.884</b>	<b>7.100.106.037.539</b>	<b>2.760.804.231</b>	<b>12.778.205.513</b>	<b>12.410.698.820.601</b>
Nợ phải trả bộ phận	19.088.910.523	9.365.725.651.194	-	3.663.910.859	9.388.478.472.576
Nợ phải trả phân bổ (*)	36.214.042.672	80.857.426.077	181.069.095	1.237.790.092	118.490.327.936
Nợ phải trả không phân bổ					48.293.630.575
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>55.302.953.195</b>	<b>9.446.583.077.271</b>	<b>181.069.095</b>	<b>4.901.700.951</b>	<b>9.555.262.431.087</b>

(\*) Tài sản và nợ phải trả phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Bảo lãnh phát hành VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	3.307.405.294.920	5.010.542.125.087	-	293.588.480	8.318.241.008.487
Tài sản phân bổ (*)	163.881.476.310	211.670.977.620	411.459.024	3.256.839.008	379.220.751.962
Tài sản không phân bổ					659.991.582
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.471.286.771.230</b>	<b>5.222.213.102.707</b>	<b>411.459.024</b>	<b>3.550.427.488</b>	<b>8.698.121.752.031</b>
Nợ phải trả bộ phận	3.637.138.798	6.353.120.546.990	-	1.580.834.368	6.358.338.520.156
Nợ phải trả phân bổ (*)	23.966.773.657	30.955.728.033	60.173.642	476.294.973	55.458.970.305
Nợ phải trả không phân bổ					31.415.349.816
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>27.603.912.455</b>	<b>6.384.076.275.023</b>	<b>60.173.642</b>	<b>2.057.129.341</b>	<b>6.445.212.840.277</b>

(\*) Tài sản và nợ phải trả phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

## 9. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc.

### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	733.229.850.675	299.573.641.766
Tài sản tài chính FVTPL – Chứng khoán nợ (Thuyết minh 3.2(a))	1.609.797.998.337	1.296.547.257.895
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.2(b))	3.562.611.569.910	1.708.531.750.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.2(c))	4.964.252.752.264	3.241.314.421.264
Tài sản tài chính AFS – Chứng khoán nợ (Thuyết minh 3.2(d))	714.017.366.000	680.714.100.000
Các khoản phải thu và phải thu khác (Thuyết minh 3.4)	162.160.881.889	90.247.991.697
Tạm ứng	53.400.000	39.600.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh 3.14(a))	4.692.231	4.692.231
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (Thuyết minh 3.8)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ (Thuyết minh 3.9)	10.140.844.445	10.120.593.506
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.174.840.000	1.150.840.000
<b>Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng</b>	<b>11.777.444.195.751</b>	<b>7.348.244.888.359</b>

### (i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có số dư tiền gửi và lãi dự thu tại các ngân hàng chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.464.649.054.626	1.434.707.717.065
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	633.087.945.223	314.701.643.839
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt	508.116.164.350	-
Ngân hàng TMCP An Bình	382.447.897.332	35.533.114.763
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	304.595.622.165	7.089.375
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	82.063.611.275	261.185.028.279

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư phải thu nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

### (ii) Tài sản tài chính FVTPL

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và trái phiếu không niêm yết có tài sản bảo đảm được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

### (iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ VSDC. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với VSDC bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

### (iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tình thanh khoản.

Bộ phận quản trị rủi ro có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản bảo đảm và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản bảo đảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 18.831.536.278.230 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.574.275.039.600 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

### Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại thời điểm báo cáo như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	4.810.368.138	4.810.368.138
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	4.887.655.240.895	3.188.746.793.136
Dự phòng đã lập	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>4.887.655.240.895</b>	<b>3.188.746.793.136</b>

**(v) Các khoản phải thu**

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

**Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo như sau:**

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Trong hạn	-	-	161.135.072.055	161.135.072.055
Quá hạn trên 3 tháng	1.025.809.834	-	-	1.025.809.834
	1.025.809.834	-	161.135.072.055	162.160.881.889
Dự phòng đã lập	(705.305.495)	-	-	(705.305.495)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>320.504.339</b>	<b>-</b>	<b>161.135.072.055</b>	<b>161.455.576.394</b>
Tại ngày 31/12/2024				
Trong hạn	-	-	89.300.614.479	89.300.614.479
Quá hạn trên 3 tháng	947.377.218	-	-	947.377.218
	947.377.218	-	89.300.614.479	90.247.991.697
Dự phòng đã lập	(628.464.589)	-	-	(628.464.589)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>318.912.629</b>	<b>-</b>	<b>89.300.614.479</b>	<b>89.619.527.108</b>

**(b) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

**• Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

**• Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu**

Các cổ phiếu và trái phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu và trái phiếu đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá các cổ phiếu và trái phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 165.407.392.396 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: cao hơn/thấp hơn 155.554.439.564 Đồng tương ứng).

**• Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ ("USD").

**Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:**

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản tài chính				
Tiền	-	-	-	-
Nợ tài chính				
Các khoản vay	-	(10.000.000)	-	(248.380.000.000)
Nợ tài chính thuần	-	(10.000.000)	-	(248.380.000.000)
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	-	(10.000.000)	-	(248.380.000.000)

Rủi ro ngoại tệ đối với Công ty được đánh giá là thấp do Công ty cũng đã quản lý rủi ro này bằng cách ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo đối với các khoản vay bằng ngoại tệ của Công ty.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh 3.10.

**Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:**

	Tại ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	8.422.953.273.232	6.330.591.455.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.12)	19.088.910.523	3.637.138.798
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	937.193.207.930	2.374.080.235
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	28.470.498.961	22.501.894.483
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.360.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.061.786.642	1.645.004.142
<b>Tổng nợ phải trả tài chính</b>	<b>9.409.792.037.288</b>	<b>6.360.749.572.658</b>

**(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính**

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và Thông tư 102/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 102/2025/TT-BTC") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91/2020/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025. Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 360% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 233%).

MẪU SỐ B09 – CTCK

**10. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
<b>Của Công ty</b>		
Cổ phiếu	83.508.197	1.911.025.742.614
Trái phiếu	913.801.927	117.983.809.747.522
Chứng chỉ quỹ	100.000	1.508.347.675
Chứng chỉ tiền gửi	1.563.123	9.553.229.278.104
<b>Của nhà đầu tư</b>		
Cổ phiếu	5.081.964.816	115.579.155.072.818
Trái phiếu	283.101.559	61.674.674.784.321
Chứng chỉ quỹ	242.820	6.425.894.560
Chứng quyền có bảo đảm	36.161.221	54.916.134.880
	<b>6.400.443.663</b>	<b>306.764.745.002.494</b>

**11. CÁC CAM KẾT**

**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Dưới 1 năm	15.870.982.827	12.873.640.000
Từ 1 đến 5 năm	54.846.536.676	47.870.275.000
Trên 5 năm	21.296.059.454	19.635.000.000
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>92.013.578.957</b>	<b>80.378.915.000</b>

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chỉ tiêu tạo lập TSCD đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phần mềm máy tính	-	5.427.000.000

**12. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính này. Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày \_\_ tháng \_\_ năm 2026.



**Lưu Thị Tuyền**  
Người lập



**Nguyễn Thị Anh Thư**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Ngọc Tài**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 03 tháng 03 năm 2026

VỮNG BỀN  
GIÁ TRỊ  
SOI SÁNG  
THÀNH CÔNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao,  
Phường Xuân Đỉnh, Thành phố Hà Nội.

### PHÒNG GIAO DỊCH BÀ TRIỆU

Tầng 1, số 306 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội.

### CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu,  
Thành phố Đà Nẵng.

### CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5, Tòa nhà văn phòng Cao ốc  
Central Garden – số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh,  
Thành phố Hồ Chí Minh.



1900 588 866



cskh@vbse.vn



Quét để truy cập  
Fanpage



Quét để truy cập  
Website